

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

VŨ THỊ THẢO

**ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT
THƠ MAI VĂN PHẤN**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số : 60. 22. 34

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hồ Thế Hà

Đà Nẵng - Năm 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu và kết quả nghiên cứu nêu trong luận văn là trung thực, chưa từng được ai công bố trong bất kỳ một công trình nào khác.

Họ và tên tác giả

Vũ Thị Thảo

MỤC LỤC

TRANG PHỤ BÌA

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	12
4. Phương pháp nghiên cứu.....	13
5. Đóng góp của luận văn.....	13
6. Cấu trúc luận văn	14
CHƯƠNG 1: QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO THƠ MAI VĂN PHẦN	15
1.1. Quan niệm nghệ thuật	15
<i>1.1.1. Quan niệm về thi ca</i>	15
<i>1.1.2. Quan niệm về thi nhân</i>	19
<i>1.1.3. Quan niệm về nhân sinh và thế giới</i>	22
<i>1.1.3.1. Quan niệm về nhân sinh</i>	22
<i>1.1.3.2. Quan niệm về thế giới</i>	28
1.2. Hành trình sáng tạo thơ Mai Văn Phần.....	30
<i>1.2.1. Những chặng đường sáng tạo thơ</i>	30
<i>1.2.1.1. Giai đoạn từ khởi đầu đến năm 1995</i>	30
<i>1.2.1.2. Giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2000</i>	32
<i>1.2.1.3. Giai đoạn từ năm 2000 đến 2010</i>	34
<i>1.2.2. Quá trình nhận thức và đổi mới phong cách thể hiện</i>	36
<i>1.2.3. Một hiện tượng đổi mới trong thơ Việt đương đại</i>	40
CHƯƠNG 2: KIỂU TƯ DUY THƠ, CÁC CHỦ ĐỀ CHÍNH VÀ CÁC HÌNH ẢNH MANG TÍNH BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ MAI VĂN PHẦN	43
2.1. Kiểu tư duy thơ Mai Văn Phần	43
<i>2.1.1. Kiểu tư duy hiện thực và biến ảo</i>	44

2.1.2. Kiểu tư duy phi lí và tượng trưng	45
2.1.3. Kiểu tư duy liên tưởng, bắc cầu.....	47
2.2. Các chủ đề chính trong thơ Mai Văn Phấn	48
2.2.1. Chủ đề tình yêu	49
2.2.2. Chủ đề thiên nhiên và vũ trụ.....	52
2.2.3. Chủ đề tâm linh.....	55
2.3. Các hình ảnh mang tính biểu tượng trong thơ Mai Văn Phấn	57
2.3.1. Hình ảnh đất đai, sông nước, cỏ cây.....	58
2.3.1.1. Hình ảnh đất đai	58
2.3.1.2. Hình ảnh sông nước	60
2.3.1.3. Hình ảnh cỏ cây	62
2.3.2. Hình ảnh ánh sáng, ban mai, ngọn lửa	65
2.3.2.1. Hình ảnh ánh sáng	66
2.3.2.2. Hình ảnh ban mai.....	67
2.3.2.3. Hình ảnh ngọn lửa	70
2.3.3. Hình ảnh mẹ, người tình, quả chuông.....	71
2.3.3.1. Hình ảnh mẹ	71
2.3.3.2. Hình ảnh người tình.....	73
2.3.3.3. Hình ảnh quả chuông.....	76
CHƯƠNG 3: NGÔN NGỮ, GIỌNG ĐIỆU VÀ CÁC BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT ĐẶC SẮC TRONG THƠ MAI VĂN PHẤN.....	81
3.1. Ngôn ngữ thơ Mai Văn Phấn	81
3.1.1. Ngôn ngữ tinh luyện và lạ hóa.....	81
3.1.2. Ngôn ngữ đời thường giản dị	83
3.1.3. Ngôn ngữ tạo sinh nghĩa	87
3.2. Giọng điệu thơ Mai Văn Phấn.....	90
3.2.1. Giọng giễu nhại, hoài nghi	91
3.2.2. Giọng triết lý, chiêm nghiệm	94
3.3. Một số biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong thơ Mai Văn Phấn	98
3.3.1. Kỹ thuật đa tâm điểm.....	99
3.3.2. Biện pháp ẩn dụ	100

3.3.3. <i>Biện pháp nhân hóa và liên tưởng</i>	103
KẾT LUẬN	107
TÀI LIỆU THAM KHẢO	110
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (Bản sao)	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Phong trào Thơ Mới (1930 – 1945) là một hiện tượng nổi bật của văn học Việt Nam, đặc biệt là của thơ ca trong thế kỷ XX. Thơ Mới trước hết là cuộc thử nghiệm táo bạo, đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lộ trình đổi mới trong lịch sử văn học Việt Nam, có ảnh hưởng mãnh liệt, cuộn xiết cho đến tận hôm nay và mãi sau này. Những thành tựu của Thơ Mới đã tồn tại như một thách thức lớn đối với các thế hệ thơ kế tiếp. Hiện vẫn rất nhiều nhà thơ hiện đại và cả đương đại chưa thể thoát khỏi từ trường của Thơ Mới. Tuy nhiên, ta có thể điểm xuyết một số gương mặt thi ca cách tân tiêu biểu qua các thời kỳ tiếp theo như một nỗ lực vượt thoát khỏi từ trường của Thơ Mới để tìm đến những giá trị mới, như Nguyễn Đình Thi, Hữu Loan, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Trần Dần, Đặng Đình Hưng, Lê Đạt, Hoàng Hưng... Nói về những gương mặt cách tân tiên phong, nhà thơ Mai Văn Phấn đã nhận định: “Qua mỗi giai đoạn, một số nhà thơ đã tự phát và đơn độc khởi xướng cách tân, nhưng không trụ được trong dòng thác thói quen thẩm mỹ của đám đông lúc đó, bởi rất nhiều nguyên nhân như hoàn cảnh lịch sử, mặt bằng văn hoá bạn đọc và tài năng không đủ để độc sáng” [55, tr.382]. Thế hệ thơ cách tân sau 1975 ra đời trong một hoàn cảnh khác trước. Họ đã tạo ra sinh khí mới, đa dạng, phức tạp hơn, chuyển động mãnh liệt hơn. Đặc biệt từ năm 1986, sự nghiệp Đổi mới đã tạo cơ hội cho văn học Việt Nam hội nhập nhiều hơn với thế giới, “đã xuất hiện số ít nhà thơ (trong và ngoài nước) có ý thức sâu sắc cách tân thơ Việt. Họ có chủ thuyết riêng biệt, chắc chắn và tự tin trên con đường đã chọn. Họ có đủ kiến thức thi ca, có nền tảng văn hóa và xã hội sâu rộng, có bản lĩnh khám phá và cả lòng dũng cảm, bình tĩnh trước sức ép công luận, dám chấp nhận đơn độc trên con đường mới, mở ra một không gian thơ khác, tạo tiếng nói khác. Họ khác hẳn số đông từ nền tảng, lý tưởng thi ca đến cách biểu đạt ý tưởng, lập ngôn, cách tạo những chuyển động thi ảnh...” [55, tr.382 - 383]. Chúng ta có thể kể tên những nhà thơ tiêu biểu như Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn, Inrasara, Trần Quang Quý, Tuyết Nga, Dương Kiều Minh, Đinh Thị Như Thúy... Và trong thời gian gần đây, đội ngũ

các nhà thơ trẻ cách tân ngày càng đông, đã tạo được thế đứng vững chắc, dần khẳng định được vị thế của mình trong đời sống văn học đương đại. Trong số những gương mặt tiêu biểu cho dòng thơ cách tân sau năm 1975 hiện nay, Mai Văn Phấn là nhà thơ giàu bản lĩnh, dũng cảm, mang bản sắc sáng tạo riêng biệt. Mười hai tập thơ Mai Văn Phấn đã xuất bản, cuộc Hội thảo thơ Mai Văn Phấn & Đồng Đức Bốn (do Hội Nhà văn Việt Nam và Hội Nhà văn Hải Phòng tổ chức tại Hải Phòng 15/ 5/ 2011), các giải thưởng văn học uy tín dành cho Mai Văn Phấn... đã khẳng định vị thế quan trọng của nhà thơ trong đời sống văn học Việt Nam hiện nay.

1.2. PGS. TS. Đào Duy Hiệp, người đã dành nhiều thời gian nghiên cứu say mê và khoa học các tác phẩm thơ Mai Văn Phấn, có nêu nhận định: “Mai Văn Phấn đã cắm một cột mốc thơ đáng ghi nhận trên hành trình chinh phục ngôi đền thơ hiện đại. Đến nay đã ngót ba mươi năm. Chặng đường thơ sắp tới của anh còn dài và xa trước mặt. Mà cột mốc hôm nay đã đánh dấu một trưởng thành” [28, tr.75]. Còn nhà thơ Đỗ Quyên trong một tham luận rất công phu gửi đến Hội thảo thơ Mai Văn Phấn (15/ 5/ 2011) đã khẳng định một cách không do dự rằng: “Mai Văn Phấn là một trong những tác giả có một không hai, với sự cải cách đa phong cách nhất và thuyết phục nhất của thơ Việt đầu thế kỷ 21” [28, tr.204 - 205].

Có thể khẳng định rằng, thơ Mai Văn Phấn đã nhận được rất nhiều cảm tình của các bạn đồng nghiệp, của giới phê bình chuyên nghiệp với khá nhiều bài viết có chất lượng, mang tính học thuật cao và đa dạng, phong phú ở nội dung thể hiện. Tuy nhiên, ở giai đoạn trước, số lượng bài viết về thơ Mai Văn Phấn ít mang tính học thuật, chủ yếu ở dạng điểm sách và giới thiệu chân dung... Mặt khác, ngay ở nhiều bài báo, tiểu luận, phê bình... được đánh giá cao cũng rơi vào kiểu nhận định về thơ Mai Văn Phấn mang tính chất chung chung, cảm tính hoặc mới chỉ đi vào khám phá một hoặc số ít phương diện, đặc điểm nghệ thuật thơ ông.

1.3. Người viết cho rằng, để xứng đáng với những đóng góp của thơ Mai Văn Phấn, chúng ta đang rất cần có những công trình nghiên cứu dài hơi, chi tiết, cụ thể hơn về thơ ông để có thể lột tả một cách toàn diện, đầy đủ những nét riêng,

nét độc đáo, sự cách tân đầy sáng tạo trong thơ Mai Văn Phấn và tương minh hơn nữa trong việc xác tín những đóng góp của thơ ông cho nền văn học nước nhà, đồng thời sớm định danh, định tính khuynh hướng thơ của các nhà thơ cách tân hiện nay và trong tương lai.

Với sức viết dồi dào và phong phú, Mai Văn Phấn đã tạo nên một phong cách thơ riêng biệt trong dòng thơ cách tân sau 1975. Thơ Mai Văn Phấn là đề tài có nhiều vấn đề rất cần đi sâu tìm hiểu. Vì thế, chọn và nghiên cứu đề tài “Đặc điểm nghệ thuật thơ Mai Văn Phấn”, chúng tôi mong muốn lí giải một tư duy nghệ thuật, tìm hiểu các phương diện khả dĩ làm nên giá trị nội dung và nghệ thuật thơ ông. Đồng thời, tác giả luận văn cũng muốn đóng góp một phần khiêm tốn vào việc định hình, định vị một giá trị thơ ca đương đại sau Đổi mới.

Đó chính là những lí do mà chúng tôi chọn và nghiên cứu đề tài **“Đặc điểm nghệ thuật thơ Mai Văn Phấn”**.

2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

Mai Văn Phấn là một hiện tượng thơ khá mới mẻ, phức tạp. Có lẽ chính vì thế mà ngay khi Mai Văn Phấn vừa cho xuất hiện trên thi đàn “những đứa con tinh thần” đầu tiên của mình thì nhiều nhà thơ, nhà nghiên cứu, nhà phê bình đã dành cho người thơ này một sự chào đón nồng nhiệt. Đặc biệt là giai đoạn từ năm 2009 đến nay, khi Mai Văn Phấn liên tiếp công bố 3 tập thơ mới là *Hôm sau*, và *đột nhiên gió thổi* và *Bầu trời không mái che* với nhiều thể nghiệm mới về thi pháp thì giới phê bình cả trong và ngoài nước đều ngạc nhiên trước sức sáng tạo dồi dào, mạnh mẽ của nhà thơ.

Có thể nói, số lượng bài viết về thơ Mai Văn Phấn khá lớn. Theo thống kê chưa đầy đủ của chúng tôi, tính cho đến thời điểm này đã có đến hơn một trăm bài viết về thơ ông ở nhiều thể loại: giới thiệu sách, giới thiệu chân dung nhà thơ, thảo luận, nghiên cứu, khảo cứu, phê bình... Tuy nhiên, chúng tôi tán thành ý kiến của nhà thơ Đỗ Quyên rằng, trước khi Hội thảo thơ về Mai Văn Phấn diễn ra tại Hải Phòng (15/ 5/ 2011) thì trong số khoảng hơn 60 bài viết về thơ ông, hầu như chưa thấy các bài phê bình học thuật mà chủ yếu trong số đó là các bài viết mang tính

chất điểm sách, giới thiệu chân dung nhà thơ hoặc những bài tranh luận, thảo luận xung quanh các giải thơ mà Mai Văn Phấn đã đạt được.

Sau đây, chúng tôi xin được điểm lại một số hướng nghiên cứu về thơ Mai Văn Phấn trong suốt 3 thập niên qua.

2.1. Nghiên cứu, đánh giá theo xu hướng khẳng định sự thành công của thơ Mai Văn Phấn trong dòng thơ cách tân sau 1975

Đi theo hướng nghiên cứu này có các tác giả như Nguyễn Việt Chiến, Kim Chuông, Nguyễn Đức Hạnh, Đào Duy Hiệp, Inrasara, Đình Kính, Trần Thiện Khanh, Hoài Khánh, Đỗ Quyên, Nguyễn Quang Thiều. Hầu hết trong số họ đều thống nhất với nhau ở quan điểm, thơ Mai Văn Phấn là một đóng góp lớn cho quá trình hiện đại hóa của văn học nước nhà và Mai Văn Phấn đồng thời cũng là nhà thơ cách tân hàng đầu trong nền thơ đương đại Việt Nam. Dưới đây là một số nhận định tiêu biểu.

Nhà thơ Nguyễn Việt Chiến đã mạnh dạn khẳng định rằng: “Nếu có nhà thơ nào đó đang lặng lẽ luôn tự đổi mới thơ mình và phá vỡ các nhịp điệu mòn cũ trong các thể nghiệm thơ hôm nay, theo tôi, người đó phải là Mai Văn Phấn. Từ trữ - tình - cổ - điển, anh “bay” thẳng một mạch vào hậu - hiện - đại, rồi từ đó “lao” vào vòng xoáy đầy ấn tượng của thơ - cách - tân” [28, tr.420].

Nhà thơ Đỗ Quyên trong bài tham luận gửi đến Hội thảo thơ Mai Văn Phấn và Đồng Đức Bốn có viết: “Những sáng tạo của Mai Văn Phấn đã đặt ông vào vị trí những nhà thơ hàng đầu của nền thơ đương đại Việt Nam” [28, tr.130].

Th.S. Trần Thiện Khanh lại đặc biệt đề cao vị trí tiên phong trong tinh thần cách tân thơ của Mai Văn Phấn: “Có thể nói, Mai Văn Phấn thuộc số ít nhà thơ có tham vọng tạo dựng cho thi ca một diện mạo mới từ và trong nhịp điệu đời sống hiện đại. Ông cố gắng cho sự đa dạng về khuynh hướng sáng tác, cởi mở và chấp nhận mọi sự thể nghiệm chuyển đổi” [28, tr.501].

2.2. Nghiên cứu, đánh giá theo xu hướng đi sâu vào khai thác thể giới nghệ thuật thơ Mai Văn Phấn

Hướng nghiên cứu này thu hút sự quan tâm của một số lượng lớn các nhà

nghiên cứu, phê bình như Văn Chỉnh, Nguyễn Hoàng Đức, Văn Giá, Hồ Thế Hà, Inrasara, Nguyễn Tham Thiện Kế, Vi Thùy Linh, Phạm Xuân Nguyên, Đỗ Quyên, Đặng Văn Sinh, Nguyễn Thanh Tâm, Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Đức Tùng, Lê Vũ... Nhưng để chỉ ra một quan điểm thống nhất ở họ thì quả thật là một thách thức đối với bất cứ ai. Bởi lẽ, mỗi nhà nghiên cứu lại tìm đến thi giới Mai Văn Phấn với những tâm thế, phương diện, địa hạt khác nhau cùng những cách cảm, cách nghĩ cũng khác nhau.

Một số nhà nghiên cứu dành mối quan tâm đặc biệt cho sự chuyển biến trên các bình diện nội dung và nghệ thuật trong suốt hành trình thơ Mai Văn Phấn.

Nhà văn Văn Chỉnh cho rằng: Hành trình thơ Mai Văn Phấn là hành trình của sự trở về với bộ đôi song bước: ở bình diện nội dung, đó là “sự trở về với bản thể hồn nhiên, trở về với bản lai diện mục của nhân sinh diễn ra âm thầm nhưng quyết liệt hơn nhiều” [28, tr.524] và ở bình diện nghệ thuật, đó là “quá trình vùng thoát khỏi các bãi lầy của các trường phái nghệ thuật để trở về với truyền thống, với cổ điển” [28, tr.524].

Còn nhà thơ Nguyễn Hoàng Đức lại đề cập đến sự thay đổi bút pháp thơ Mai Văn Phấn qua các giai đoạn sáng tác: “... Phải nói, anh đã thể nghiệm rất nhiều bút pháp thơ từ cổ điển đến các khuynh hướng thơ hiện đại thế kỷ hai mươi và thơ văn xuôi. Tất cả đều được cày xới, chiêm nghiệm, chìm đắm đến nhuần nhị. Đọc thơ anh, có cảm giác bình thản như một nhạc công đã tu luyện thành thạo và dễ dàng biểu diễn những khúc nhạc khó nhẹ như lông hồng” [11, tr.35].

Ý kiến của PGS. TS. Văn Giá đã giúp bạn đọc nhận ra cái khó trong việc tiếp cận thơ Mai Văn Phấn: “Thế giới thơ Mai Văn Phấn khá bề bộn. Bề bộn về số lượng: 370 bài (*Thơ tuyển Mai Văn Phấn*, NXB HNV, 2011). Bề bộn về ý tưởng. Bề bộn về thi ảnh. Bề bộn cả về thể điệu: lục bát, đường luật, tự do, thơ văn xuôi, trường ca. Lại đi qua ba quãng tính từ những bài thơ đầu tiên cho đến hôm nay. Thế nên, để gọi ra được “khuôn mặt” nhà thơ Mai Văn Phấn với tất cả những nét đặc sắc riêng quả là một thử thách đối với bất cứ ai” [28, tr.528].

Th.S. Nguyễn Thanh Tâm đã góp thêm một ý tưởng trong việc lí giải tư duy và mỹ cảm của Mai Văn Phấn: Sự hoài nghi và chối từ trật tự, mỹ cảm cũ, sự trực nhận của cảm giác và tâm thế của con người trong bối cảnh sống chất ngất rủi ro đã hướng tư duy và mỹ cảm của tác giả vào từ trường hậu hiện đại.

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều thì luôn bị ám ảnh về cái thi giới Mai Văn Phấn. Bởi lẽ, hiện thực trong đó “là hiện thực của những giấc mơ, của những cảm lạng, của tưởng tượng và khát vọng. Hiện thực này trong nghệ thuật được sinh ra để hé lộ cho ta thấy một đời sống tâm linh, và nó tìm cách cứu vớt sự tuyệt vọng của một hiện thực khác mà con người đang phải đương đầu” [69, tr.3].

Một số tác giả khác lại quan tâm nghiên cứu ngôn ngữ thơ Mai Văn Phấn. Họ đều thống nhất ở quan điểm cho rằng, Mai Văn Phấn đã tạo ra được một cách diễn đạt hoàn toàn mới và ở một góc độ nào đó ông đã tạo được một thứ ngôn ngữ thơ mới (sự xóa nhòa ranh giới giữa ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ văn xuôi và ngôn ngữ đời thường).

PGS. TS. Hồ Thế Hà trong bài viết *Thơ tạo sinh nghĩa Mai Văn Phấn* đã có một cách tiếp cận khá mới mẻ từ thế giới hình tượng và ngôn ngữ thơ Mai Văn Phấn. Tác giả này cho rằng: “Mai Văn Phấn đang xóa nhòa ranh giới giữa văn xuôi và thi ca mà vẫn được gọi là ngôn ngữ thi ca (langue poétique), nghĩa là anh luôn thay đổi hệ ngôn từ để chúng làm tiền trạm cho cảm xúc và suy nghĩ của mình để không trở nên xa lạ với mọi người” [28, tr.227].

Còn theo nhà thơ Đỗ Quyên: “Chúng ta đang bàn đến một thi giới gần như không có vốn từ vựng riêng và lạ. Nếu lướt nhẹ trên vài câu vài bài, sẽ tưởng đây là tay viết bình dân. Đọc thơ Mai Văn Phấn không phải tra từ điển Việt – Việt! Không khó hiểu với từng bài lẻ nếu có được vốn tối thiểu của luật câu cú tiếng Việt...” [28, tr. 187].

Cũng trên tinh thần đó, nhà văn Đặng Văn Sinh trong một bài viết về tập thơ *Bầu trời không mái che* của Mai Văn Phấn đã nhận xét: “Cũng như “Mùa trăng”, ngôn ngữ diễn đạt của “Hình đám cỏ” thoát khỏi cấu trúc mô hình truyền thống, triệt để sử dụng loại câu không chủ ngữ, đảo ngược chức năng cú pháp, đưa ngôn

ngữ thơ vào đời thường, hạ phóng thơ từ tháp ngà đến với quảng đại công chúng” [28, tr.118].

Bên cạnh đó, lại có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến những hình ảnh mang tính biểu tượng trong thơ Mai Văn Phấn. Họ đã chỉ ra rằng: hình ảnh *cây cỏ*, *ban mai*, *ngọn lửa*, *đất đai*, *ánh sáng* và *người tình* là những hình ảnh có sức ám ảnh lớn và xuất hiện lặp đi lặp lại trong thơ Mai Văn Phấn.

PGS. TS. Văn Giá nhận định: “Trong rất nhiều thi ảnh bề bộn ở thơ Mai Văn Phấn, có ba hình ảnh cô đọng nhất, chụm nhất nên trở thành tiêu biểu nhất: Đất đai, Ánh sáng và Người tình (được gọi là Em). Cả ba hình ảnh này đều nằm trong sự quy chiếu của lẽ phồn sinh và hóa sinh bất định với tất cả sự sống động của chúng” [28, tr.534 – 535].

Còn PGS. TS. Đào Duy Hiệp viết: “Nước cùng những đồng vị *mưa*, *sóng*, *swong*, *hơi nước*... xuất hiện nhiều trong thơ Mai Văn Phấn, nhất là ở giai đoạn sau” [28, tr.66].

Nhà văn Nguyễn Tham Thiện Kế lại khai thác thơ Mai Văn Phấn với các ý tưởng và các triết lý nhân sinh thông qua hình ảnh của cây cỏ: “Qua hình ảnh ngọn cỏ, Mai Văn Phấn tung hoành thể hiện các ý tưởng và các triết lý nhân sinh bằng nhiều thủ pháp, tu từ, ẩn dụ, so sánh thị giác, cảm giác... Và hoàn toàn làm chủ các kỹ thuật đó trong việc khai triển Thi pháp của từng trường đoạn sáng tác mà vẫn giữ được trường thuần cảm để dẫn tới một sắc thái tự nhiên... như Cỏ ” [28, tr.373].

Trong khi nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên thì lại tìm thấy trong thơ Mai Văn Phấn rất nhiều những *ban mai* và *ngọn lửa*: “Thơ Mai Văn Phấn nhiều những ban mai. Cái nguyên sơ trong trẻo của buổi đầu ngày, khi bóng đêm qua ánh sáng tới, mang ý nghĩa khai thị, hồi sinh. (...) Có ban mai là có ánh sáng. Ánh sáng chống lại sự quên lãng, sự chôn vùi, sự tàn úa. Ánh sáng thức dậy những vùng nhớ, những trần trở, những tìm kiếm. Con đường thơ của Mai Văn Phấn là hành trình đi tới ban mai” [44, tr.39].

Một nhóm tác giả khác lại tập trung khai thác những nét đặc sắc trong địa hạt thơ tình của Mai Văn Phấn. Họ đều thống nhất ở quan điểm cho rằng, Mai Văn

Phấn đã làm mới đề tài tình yêu muôn thuở bằng nội lực phong phú, phóng dật và rất độc đáo của riêng mình.

Nhà thơ Nguyễn Hoàng Đức đã từng nhận định: “Tình yêu trong thơ Mai Văn Phấn không đơn giản là chiếc giường hoan lạc. Mà đó là một quá trình như nụ ra hoa, rồi hoa ra quả. Những nụ hôn có thể hiện lên như khao khát của hiện tại, những khao khát đó bắt nguồn từ hang thẳm cô đơn, đòi sống, đòi yêu và đòi gieo hạt. Rồi cuối cùng đòi được giang tay đón hài nhi chào đời từ giữa cơn đau tràn đầy hạnh phúc. Một cơn đau vĩ đại như sự trở dạ của Càn – Khôn muốn làm nên một cuộc sinh thành khai thiên lập địa” [28, tr.360].

Trong khi đó, nhà thơ Vi Thùy Linh lại chỉ ra sự khác biệt trong thơ tình yêu của Mai Văn Phấn: “Chưa có ai coi sự gần gũi trong tình yêu là *ngghi lễ*, chỉ có Mai Văn Phấn. Trong thơ anh, ái ân trở thành nghi lễ giao linh thiêng liêng của con người; nghi lễ đầu tiên và cuối cùng” [37, tr.4].

Còn nhà thơ Đỗ Quyên lại xem xét thơ tình yêu của Mai Văn Phấn ở một góc độ khác: “... Anh luôn chuyển hình tượng thành các trạng thái của tình ái và tâm thức linh nghiệm. Trạng thái, chứ không phải tình cảm. Đọc thơ của người – đang – yêu này, thêm một lần ta hiểu hai chữ thanh tân nơi tình yêu đôi lứa. Cống hiến mới của nhà thơ là đã thanh tân hóa cái địa hạt tưởng khô cằn, giáo điều: Đó là tâm linh và siêu thoát” [28, tr.188].

2.3. Những ý kiến đa chiều trong cách cảm, cách nghĩ về thơ Mai Văn Phấn

Thơ Mai Văn Phấn có ngôn ngữ đa thanh, đồng thời đa chiều trong thiết kế không gian và phức hợp trong từng tầng bậc cảm xúc. Có thể ví thơ ông như ngôi nhà với nhiều “cánh cửa”, mỗi bạn đọc đều có thể tìm cho mình chiếc “chìa khóa riêng” để vào trong đó. Do vậy, dư luận về thơ Mai Văn Phấn thường rất nhiều chiều, có những ý kiến trái ngược nhau cũng là điều dễ hiểu.

Không chỉ nhận được những lời khen ngợi một chiều, thơ Mai Văn Phấn còn tạo ra nhiều ý kiến khác nhau trong cách cảm, cách nghĩ của khá nhiều bạn đồng nghiệp và bạn đọc. Nhất là sau khi Mai Văn Phấn nhận được các giải thưởng về thơ như: giải nhì cuộc thi thơ của Báo Người Hà Nội với bài thơ *Ngghi Tầm*; giải nhì

(không có giải nhất) cuộc thi thơ và truyện ngắn của Tuần báo Văn nghệ - Hội Nhà văn năm 1995 với các bài thơ *Mười nén nhang ở ngã ba Đồng Lộc* và *Nhật ký đô thị hóa* và sau nữa, khi tập *Thơ viết* (bao gồm sáng tác của nhiều cây bút, trong đó có Mai Văn Phấn, sách do NXB Thanh Niên ấn hành năm 2001) ra mắt bạn đọc, đã xuất hiện nhiều lời chỉ trích, thậm chí phê phán một cách cực đoan thơ Mai Văn Phấn của các nhà thơ, các nhà phê bình như Nguyễn Hoàng Đức, Đặng Huy Giang, Dương Kiều Minh, Nguyễn Hoàng Sơn.

Nhà thơ Nguyễn Hoàng Đức trong bài viết *Giải thưởng có đồng nghĩa với đỉnh cao* cho rằng, việc trao giải cao cho các tác giả trong cuộc thi thơ và truyện ngắn của Tuần báo Văn nghệ - Hội nhà văn năm 1995 là chưa thỏa đáng: “... Về chất lượng, xét như thể phát hiện những nốt son cho giải, thì những giải thưởng khá chính đáng, nhưng xét như là cuộc thi nhằm đọc ra tên tác giả cho nền thơ – thì chưa đạt đến mức kỳ vọng” [10, tr.13].

Còn nhà thơ Đặng Huy Giang nhận định: tập *Thơ viết* chính là “Một trò chơi hình thức đang được bày ra. Không luật lệ. Không rào trước đón sau. Không cần ai hiểu. Cũng không cần hiểu ai” [12, tr.11]. Cũng trong bài viết này, Đặng Huy Giang đã chỉ trích thơ Mai Văn Phấn một cách nặng nề: “*Mười bài tập mùa xuân* thì đích thị là mười câu vọng cổ có “xuống xề” rồi. Nó chỉ khác kiểu “xuống xề” một chút là dài hơi hơn, rối rắm hơn, hồ lồn hơn, vô nghĩa hơn, không làm chủ được câu chữ hơn. (...) Xin lỗi Mai Văn Phấn vì tôi không thể chép trọn vẹn khổ thơ trong bài thơ trên của ông. Một vì tôi đã mỏi tay. Hai vì tôi cũng không muốn bạn đọc mỏi mắt mỏi mồm mà không “hấp thụ” được món tạp chất của ông. Ông hơi vất vả khi dồn 133 từ trong một khuôn “khổ” thơ, mà cuối cùng chỉ để chót lại ở ...*tiếng sấm nổ gọi mùa hoa gạo* đơn giản thế thôi ư? Nhưng công bằng mà nói, ông cũng là người chăm chỉ, nhiệt thành, có công ức hiếp từ ngữ” [12, tr.11].

Có thể nói, trong suốt bài viết, Đặng Huy Giang đã phê phán các tác giả của tập thơ *Thơ viết*, trong đó có thơ Mai Văn Phấn hết sức nặng nề và gay gắt. Bài viết này đã không nhận được sự đồng tình của rất nhiều người yêu thơ và các nhà nghiên cứu. Tiêu biểu nhất là sự phản ứng mạnh mẽ của PGS. TS. Phạm Quang Trung

trong bài báo *Nghĩ từ “Những ngón tay dị dạng” của Đặng Huy Giang*.

Nhà thơ Dương Kiều Minh thì lại trao đổi về sự chưa “xứng tầm” của 2 bài thơ đoạt giải trong cuộc thi thơ và truyện ngắn của Tuần báo Văn nghệ - Hội nhà văn năm 1995 là *Mười nén nhang ở ngã ba Đồng Lộc* và *Nhật ký đô thị hóa* của Mai Văn Phan.

Với thái độ chùng mực hơn, Nguyễn Hoàng Sơn đã trình bày cách tiếp cận của mình đối với những bài thơ đoạt giải trong hai cuộc thi ngắn hạn của Báo Văn Nghệ: “*Thơ đoạt giải năm 1995 của báo Văn Nghệ* gây cho tôi một cảm giác thất vọng. Từ năm 1994 đến nay, thơ là lĩnh vực có nhiều cuộc tranh cãi nhất nhưng cái “lát cắt 95” này lại chẳng tương xứng chút nào với những lời đao to búa lớn người ta xưng tụng thơ” [60, tr.12]. Trong đó, tác giả bài viết đã chỉ rõ, bài thơ *Nhật ký đô thị hóa* của Mai Văn Phan cũng chưa “xứng tầm” với giải thưởng. Ngay sau khi bài viết này được công bố, nhiều nhà nghiên cứu như Đào Duy Hiệp và Trần Ninh Hồ đã tham gia trao đổi lại với Nguyễn Hoàng Sơn về những vấn đề chưa thỏa đáng mà ông đặt ra. Nếu như Trần Ninh Hồ trong bài viết *Lại ngắm về cuộc thi thơ Văn Nghệ 1995* đi vào lí giải về các tiêu chí trao giải thưởng cho một cuộc thi thơ như là một lời giải đáp cho những thắc mắc của Nguyễn Hoàng Sơn thì PGS. TS. Đào Duy Hiệp trong bài viết *Trao đổi cùng Nguyễn Hoàng Sơn về bài “Nhân hai cuộc thi ngắn hạn của Báo Văn nghệ”* lại đưa ra những ý kiến trái ngược với Nguyễn Hoàng Sơn trong cách hiểu về các bài thơ đoạt giải.

Đặc biệt, trong thời gian gần đây, các diễn đàn văn chương trên mạng và báo chí đang nóng lên về việc tập thơ *Bầu trời không mái che* của Mai Văn Phan đã nhận được giải thưởng cao nhất của Hội nhà văn Việt Nam năm 2010 – 2011. Nhà thơ Trần Mạnh Hảo cùng với các đồng nghiệp của mình là Nguyễn Hiếu, Đỗ Ngọc Yên, Nguyễn Hữu Quý, Đỗ Hoàng... đều thống nhất rằng: tập thơ này của Mai Văn Phan cùng với các tác phẩm thơ đoạt giải không phải là các tập thơ hay, xuất sắc mà rất tầm thường, thậm chí không đáng gọi là thơ. Trong khi đó, tác giả Ngô Quốc Phương, Liêu Thái, Vũ Hùng Anh cùng với Văn Chinh, Hàm Đan... đã có những bài viết trao đổi lại với các tác giả trên về những hiểu nhầm, hiểu sai và những đánh

giá thiếu khách quan, quá cực đoan mà họ đã nêu ra, đồng thời khẳng định đó là những tác phẩm hoàn toàn xứng đáng nhận giải thưởng. Có thể nói, mỗi người viết đều mang những kinh nghiệm, kiến thức và suy luận riêng của mình để phán xử, thậm chí áp đặt lên những giá trị thi ca đã được Hội Nhà văn Việt Nam và công luận khẳng định. Một số tác giả trong số họ tỏ ra dị ứng, phản đối quyết liệt những giá trị mới của thi ca, nên có thái độ gay gắt, cực đoan, có lúc đi quá xa văn chương... Những người ủng hộ thường bình tĩnh khi tranh luận, lập luận khoa học, lôgic... đồng thời dựa trên lý luận cơ bản của học thuật. Cho đến thời điểm này, cuộc tranh luận vẫn chưa đi đến hồi kết.

Điều đáng lưu ý rằng, hướng các tác giả đánh giá cao thành tựu thơ Mai Văn Phấn vẫn chiếm ưu thế hơn. Ngay cả những tác giả trước đây đã không ngớt lời chê bai thơ ông thì sau khi các tập thơ kế tiếp của ông ra đời, họ đã kịp thời định giá lại chúng theo hướng tích cực. Như vậy, trải qua thời gian, thơ Mai Văn Phấn với những giá trị đích thực của nó ngày càng chiếm được cảm tình của các bạn yêu thơ và các nhà nghiên cứu chuyên nghiệp.

Trên đây, chúng tôi đã điếm lại những bài viết, những nhận định khá sâu sắc và có giá trị về một số phương diện trong thơ Mai Văn Phấn. Nhìn chung, hầu hết các tác giả nêu trên đã góp phần quan trọng trong việc khám phá đặc điểm nghệ thuật thơ Mai Văn Phấn. Nhưng quả thật, ngoài bài tham luận của nhà thơ Đỗ Quyên được coi là khá công phu với 61 trang in trong cuốn sách mang tên *Thơ Mai Văn Phấn và Đồng Đức Bốn khác biệt và thành công* (Kỷ yếu hội thảo thơ tại Hải Phòng, 15/ 5/ 2011), NXB Hội Nhà văn, thì chưa có bài viết, công trình nào đi vào khai thác một cách toàn diện và sâu sắc những đặc điểm nghệ thuật thơ ông. Vì thế, với sự gợi mở từ nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi chọn đề tài này nhằm nghiên cứu một cách hệ thống thơ Mai Văn Phấn. Trên cơ sở lĩnh hội có chọn lọc các quan điểm, ý tưởng từ các bài viết trước, chúng tôi mạnh dạn đưa ra những kiến giải riêng với hy vọng góp một cách nhìn đầy đủ hơn, tiếp tục đi sâu hơn trong việc nghiên cứu về đặc điểm nghệ thuật thơ Mai Văn Phấn và khẳng định những đóng góp của ông cho nền văn học Việt Nam hiện đại

cũng như khẳng định sự thành công của thơ Mai Văn Phấn trong dòng thơ cách tân của Việt Nam sau 1975.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật thơ Mai Văn Phấn, luận văn khảo sát công trình *Thơ tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn*, NXB Hội nhà văn, 2011, Hà Nội. Đây là tuyển tập được rút từ các tập thơ đã xuất bản: *Giọt nắng* (1992), NXB Hội Văn nghệ Hải Phòng; *Gọi xanh* (1995), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội; *Cầu nguyện ban mai* (1997), NXB Hải Phòng; trường ca *Người cùng thời* (1999), NXB Hải Phòng; *Vách nước* (2003), NXB Hải Phòng; *Hôm sau* (2009), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội; và *đột nhiên gió thổi* (2009), NXB Văn học, Hà Nội; *Bầu trời không mái che* (2010), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội và một số bài tiểu luận cùng rất nhiều bài trả lời phỏng vấn của Mai Văn Phấn được đăng trên các báo, tạp chí. Ngoài ra, luận văn còn tham khảo thêm tập thơ *Nghi lễ nhận tên* (1999), NXB Hải Phòng, tập thơ *hoa giấu mặt* (2012), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội và một số bài thơ Mai Văn Phấn mới sáng tác.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu thơ Mai Văn Phấn trong tính chỉnh thể giữa nội dung và hình thức nhưng luận văn chỉ tập trung đi sâu vào những phương diện nổi bật làm thành giá trị riêng. Những yếu tố mờ nhạt, ít xuất hiện hoặc không chỉ có ở Mai Văn Phấn, chúng tôi sẽ điếm qua hoặc kết hợp bình chú để làm rõ những yếu tố chính.

Nghiên cứu thơ Mai Văn Phấn, chúng tôi không tách rời, biệt lập mà đặt đối tượng trong mối liên hệ với các trào lưu văn học khác nhau, đặc biệt là các khuynh hướng cùng thời, vì văn học là một quá trình lịch sử - hiện thực, lịch sử - sáng tạo nên mỗi hiện tượng văn học đều phải được xem xét như là một vận động có tính định hướng của cả phong trào, trào lưu, nhất là khi ở Việt Nam, nền văn học có sự thống nhất cao về mục đích và quan niệm.

Luận văn cũng đi sâu nghiên cứu từng phương diện của đặc điểm nghệ thuật thơ Mai Văn Phấn như: quan niệm nghệ thuật, hành trình sáng tạo, kiểu tư duy thơ,

các chủ đề chính, các hình ảnh mang tính biểu tượng, ngôn ngữ, giọng điệu và các biện pháp nghệ thuật đặc sắc. Từ đó, chúng tôi hy vọng sẽ có được cái nhìn khái quát, sâu sắc về đặc điểm nghệ thuật thơ ông.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

4.1. Phương pháp hệ thống

Phương pháp này cho phép người viết xem xét những bình diện, những yếu tố cơ bản của đặc điểm nghệ thuật thơ Mai Văn Phấn trong một chỉnh thể nghệ thuật có cấu trúc và quy luật nội tại.

4.2. Phương pháp so sánh

Phương pháp này giúp người viết khẳng định, lí giải các yếu tố, các phương diện của đặc điểm nghệ thuật thơ Mai Văn Phấn, đồng thời thông qua việc đối chiếu, so sánh với các tác giả khác để nhận rõ hơn bản sắc riêng, phong cách riêng, thi pháp riêng của thơ Mai Văn Phấn.

4.3. Phương pháp thống kê, phân loại

Phương pháp này giúp người viết tìm kiếm một cách có hệ thống những hình ảnh xuất hiện nhiều lần như một ám ảnh nghệ thuật trong thơ Mai Văn Phấn.

Các thao tác như: phân tích, tổng hợp, trao đổi, phỏng vấn trực tiếp nhà thơ và vận dụng lí thuyết thi pháp học trong quá trình triển khai các chương mục cũng được người viết sử dụng như là các thao tác hỗ trợ.

5. Đóng góp của luận văn

Về mặt lý luận: luận văn cung cấp cho người đọc một cái nhìn khá toàn diện và khoa học về những đặc điểm nổi bật trong thế giới nghệ thuật thơ Mai Văn Phấn, từ đó nhận diện phong cách và vị trí của nhà thơ trong nền văn học đương đại Việt Nam.

Về mặt thực tiễn: luận văn gợi mở thêm cho bạn đọc một cách nhìn về thơ Mai Văn Phấn trong dòng chảy thơ đổi mới, cách tân sau 1975, đồng thời ghi nhận đóng góp của ông và các nhà thơ cùng thế hệ trong quá trình làm phong phú thơ

Việt đương đại khi hội nhập quốc tế và khu vực. Luận văn cũng bổ sung cho việc viết giáo trình chân dung văn học Mai Văn Phấn.

6. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Quan niệm nghệ thuật và hành trình sáng tạo thơ Mai Văn Phấn

Chương 2. Kiểu tư duy thơ, các chủ đề chính và các hình ảnh mang tính biểu tượng trong thơ Mai Văn Phấn

Chương 3. Ngôn ngữ, giọng điệu và các biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong thơ Mai Văn Phấn

CHƯƠNG 1

QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO THƠ MAI VĂN PHẦN

1.1. Quan niệm nghệ thuật

1.1.1. Quan niệm về thi ca

Trong suốt hành trình sáng tạo nghệ thuật của mình, Mai Văn Phần là người luôn trăn trở và suy tư một cách nghiêm túc về nghề nghiệp. Ông phát ngôn các quan niệm về thơ không chỉ trong sáng tác mà còn cả trong các bài tiểu luận và trả lời phỏng vấn. Quả đúng như ý kiến của Th.S. Trần Thiện Khanh: “Về phương diện lý thuyết, có bao nhiêu người sáng tạo thì có bấy nhiêu quan niệm về thi ca. Suy cho cùng, mọi quan niệm đều minh chứng cho các cấp độ tư duy, các trình độ nhận thức rất khác nhau của người cầm bút về văn học” [28, tr.507].

Với Mai Văn Phần, “văn chương là hành trình đơn độc đi tìm cái đẹp. Tác phẩm văn học trước hết quay lại hoàn thiện nhân cách, quan niệm thẩm mỹ và định hướng cho chính nhà văn ấy” [55, tr.448]. “Thơ ca ngoài mục đích tải đạo, tuyên truyền, mô phỏng, diễn tả... nó còn tìm cách đặt tên lại sự vật, định hình lại thế giới” [55, tr.454].

Không chỉ có thế, “Thơ ca, đối với Mai Văn Phần, là cách thức huyền diệu nhất để đặt đời sống lên con đường vĩnh cửu của nó, (...) là sự xác lập anh với thiên nhiên, với xã hội, với những giấc mơ huyền diệu và đỉnh cao của nó là xác lập con người trần tục của nhà thơ và con người sáng tạo của anh ta” [3, tr.15]. Qua nhận xét của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều và qua tìm hiểu thơ Mai Văn Phần, ta biết được thi nhân đã xác tín, thơ ca là cầu nối giữa nhà thơ và thế giới, thơ ca giúp cho con người trở nên cao quý, thánh thiện hơn, làm cho cuộc sống thêm tốt đẹp hơn, thậm chí nó còn mang trong mình một sứ mệnh cao cả là cứu rỗi con người và thế giới: *"Nghiep văn chương cực nhọc/ Chở bao nhiêu kiếp người/ Chúa cũng đã một thời/ Chết như người hành khát./ Máu chúa hòa nước sạch/ Rửa tội cho cộng đồng/ Ai như là Tám Bình?/ Tắm bằng nước mắt Ông"* (Nguyễn Hồng vào nhà thờ).

Nhưng đó là sứ mệnh tự thân, hết sức tự nhiên. Bởi chính ông đã từng nói: “lúc làm thơ tôi chẳng nghĩ cần phải có trách nhiệm hay sứ mạng gì cả” [55, tr.441].

Mai Văn Phấn cho rằng thơ ca mang trong nó tính tiên tri (dự báo) và cảnh báo. Và theo chúng tôi, tiên tri là cần thiết đối với bất cứ tác gia nào về ngày mai. Việc có thể “biến” một giấc mơ, một buổi chiều, một cái lưới người (chẳng hạn) thành một miếng thịt bò và cái khoảng không chúng ta đang sống trở thành một cái tủ lạnh khổng lồ. Đó chính là cảnh báo. Tính chất dự báo được thể hiện ở khá nhiều thi phẩm của Mai Văn Phấn mà bài thơ *Di chứng* là một ví dụ tiêu biểu: *"Người ta nói, dòng sông kia đã được tiết trùng. Tôi thận trọng tắm rửa bằng những hương liệu quý. Lợi xuống, nước đến đâu cơ thể tôi bầm đen đến đó, rồi mọc ra những sợi lông vũ. Thế là nửa người trong nước hóa thành chim. Nhưng tiếng hét phải thoát qua vòm họng và lưới. Từ đây, miệng tôi luôn chống lại quán tính của phân bầm đen trong nước đã ngập chìm"* (Di chứng).

Người làm thơ luôn có khát khao viết được những câu thơ/ bài thơ hay để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Vậy làm sao để có được thơ hay? Và đâu là tiêu chí đánh giá một bài thơ là hay/ dở? Theo Mai Văn Phấn, thơ hay không hạn chế ở đề tài, không quy định bởi trường phái, thể loại cũ và mới, truyền thống hay hiện đại, cũng không nhất thiết lệ thuộc vào vần điệu, tiết tấu, phải dễ thuộc, dễ nhớ mà cái hay của thơ được đánh giá ở nhiều khía cạnh, phương diện và góc độ khác nhau. Và cuối cùng, thơ hay/ dở còn tùy thuộc vào khả năng đồng sáng tạo của người đọc. Ông cho rằng: “Thơ hay có thể đến tình cờ với một số thi sỹ trong khoảnh khắc đốn ngộ, xuất thần... Nhưng đa số các nhà thơ có được thơ hay qua quá trình tu luyện, tích lũy kiến thức phong phú, một hành trình bới tìm “vía quặng” của tâm hồn, đợi đến khi chín muồi, cảm xúc sẽ chọt nhòa chọt hiện và nhà thơ, viết với tất cả sự choáng ngợp của mình” [55, tr.391].

Tuy nhiên, những câu thơ hay, tuyệt bút không phải là cái đích cuối cùng của Mai Văn Phấn mà ông hướng đến thiết lập một từ trường thơ. Tức là nhà thơ không tập trung vào các điểm chói sáng mà hướng đến những bài thơ hay trong quan hệ với chính thể. Thi nhân cho rằng, đây chính là điểm khác biệt giữa thơ mới và thơ cũ.

Đặc biệt, Mai Văn Phấn luôn coi quá trình sáng tạo nghệ thuật là một cuộc “vong thân”, một cuộc vượt thoát chính bản thân mình. Mỗi nhà thơ phải biết tự phủ định mình, tức là phải coi cái mà mình vừa viết ra là cái đã cũ thì mới mong đạt đến thành công đỉnh cao trong nghệ thuật. Ông cho rằng, bài thơ mà nhà thơ viết ra không còn thuộc về anh ta nữa mà thuộc về độc giả. Và nhà thơ muốn tiếp tục tồn tại phải được tái sinh trong một bài thơ khác đang chờ đợi phía chân trời: "Tôi quan niệm tác phẩm sau khi được công bố tồn tại độc lập với người làm ra nó (...). Tôi không có thói quen chiêm bái những con đường cũ của mình, không “quay vái lấy chiếc áo vừa treo lên giá”" [55, tr.430].

Qua phát ngôn này, thi sỹ đang gián tiếp kêu gọi bạn đọc đồng sáng tạo, kêu gọi hình thành liên văn bản cho tác phẩm. Quan niệm này của Mai Văn Phấn có điểm gặp gỡ với quan điểm của một số nhà lý luận, phê bình văn học thế giới và cả Việt Nam. Roman Ingarden cho rằng: “Mọi tác phẩm văn học đều dang dở, luôn đòi hỏi sự bổ sung mà không bao giờ ta đạt tới giới hạn cuối cùng bằng văn bản” [Dẫn theo Trương Đăng Dung, 7, tr.43]. Còn nhà lý luận và phê bình văn học Trương Đăng Dung cũng đã từng khẳng định: “sự tiếp nhận có nghĩa là quá trình thỏa thuận giữa văn chương và sự tái sáng tạo bản sắc riêng của người đọc” [7, tr.58].

Không chỉ dừng lại ở đó, Mai Văn Phấn còn xem vấn đề cách tân là vấn đề trung tâm trong quan niệm thơ của mình. Ông dùng từ “vong thân” để nói đến quá trình vượt thoát khỏi cá tính của người nghệ sỹ. Mai Văn Phấn cho rằng: “Thật kinh hãi khi phải ngắm nhìn một nghệ sỹ cứ đứng mãi một chỗ mà biểu diễn quá nhiều lần một tiết mục tới gần như vô cảm, nói cách khác là thương hại những ai thâm canh triền miên trên mảnh đất đã cằn cỗi” [55, tr.399]. Mà quá trình “vong thân” thường đồng hành với quá trình đổi mới thi pháp. Với Mai Văn Phấn: “Đổi mới thi pháp trước hết là từ chối ve vuốt những sở thích của người đọc, nhằm tạo những sóng từ khác, những mã số khác trong không gian thơ vừa được khám phá. Lý tưởng thi ca của sự cách tân nhằm gọi đúng bản chất của sự vật trong nhịp điệu đời sống hiện đại” [55, tr.378].

Rõ ràng, nói thì dễ mà làm mới khó. Ai đã từng làm thơ đều biết rằng, đổi mới thi pháp luôn là con đường đầy khó khăn và hiểm trở. Nó đòi hỏi ở người làm thơ một bản lĩnh, một nghị lực, một sự quyết tâm cao độ và hơn thế là một tài năng thực sự. Nhưng điều đáng trân trọng ở Mai Văn Phấn là lời nói luôn song hành cùng hành động. Hơn ai hết, là một con chiên của Chúa, Mai Văn Phấn hiểu rằng: “Đức tin không có việc làm là đức tin chết”. Vì thế, trong suốt cuộc đời cầm bút của mình, Mai Văn Phấn luôn tâm niệm: “Các khuynh hướng sáng tác đều rất cần và làm phong phú thêm cho nền thi ca của chúng ta. Hiện chúng ta vẫn còn hồ nghi vì còn quá ít tài năng cho những “thể nghiệm” được thuyết phục” [55, tr.439]. Bàn về vấn đề đổi mới thi pháp, nhà thơ Nguyễn Việt Chiến đã mạnh dạn khẳng định: “Nếu có nhà thơ nào đó đang lặng lẽ luôn tự đổi mới thơ mình và phá vỡ các nhịp điệu mòn cũ trong các thể nghiệm thơ hôm nay, theo tôi, người đó phải là Mai Văn Phấn. Từ trữ - tình – cổ - điển, anh “bay” thẳng một mạch vào hậu - hiện - đại, rồi từ đó “lao” vào vòng xoáy đầy ấn tượng của thơ - cách - tân” [28, tr.420].

Tuy nhiên, Mai Văn Phấn thường tâm niệm: dù có cách tân thi ca đến đâu thì vẫn phải hướng con người vươn tới cái đẹp. Và ông đặt niềm tin tưởng mạnh mẽ vào một nền thơ Việt trong tương lai với kỳ vọng rất lớn vào sự nỗ lực không ngừng của thế hệ cầm bút trẻ hôm nay và cả mai sau.

Nói về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tác phẩm văn học, đồng quan điểm với đa số các nhà lí luận văn học, Mai Văn Phấn cho rằng: “Nội dung phải là chất liệu đã mang một hình thức được xác định và hình thức không bao giờ tồn tại độc lập với nội dung của chính nó” [55, tr.456]. Vì thế, đổi mới thi pháp phải gắn liền với việc tạo ra một hình thức mới, kèm theo một nội dung mới trong thơ ca. Cụ thể hơn, Mai Văn Phấn đã chỉ ra: “Hình thức được chuyển hóa thành nội dung, đó mới là đổi mới thực sự. Nội dung mới trong thơ tôi là những quan tâm mang tính thời đại và thời sự, như lý tưởng sống của thế hệ trẻ, vấn đề ý thức hệ, quan niệm về tự do, công bằng, dân chủ...” [55, tr.456 – 457]. Xét một cách toàn diện, đổi mới là nhu cầu tự thân của thi ca. Cuộc sống luôn vận động, cảm xúc của con người cũng không đứng yên. Tại sao thơ lại phải viết theo hình thức cũ? Thực chất, nội dung

phản ánh của thơ ca bao đời nay chẳng có gì mới, vẫn là viết về thiên nhiên và con người với nỗi buồn, nỗi cô đơn, nỗi lo toan thường nhật, những mối quan hệ và sự ứng xử giữa người với người, giữa con người với môi trường sống... Vậy cái mới chỉ có thể tạo ra từ hình thức, từ đó mang đến cho người đọc cách cảm nhận mới về những nội dung đã cũ.

Theo Mai Văn Phấn, hiện thực trong tác phẩm văn học là một “siêu hiện thực”. Tức nó không còn là hiện thực khách quan mà đã được khúc xạ qua lăng kính chủ quan của nhà thơ. Sự khúc xạ đó diễn ra như thế nào còn tùy thuộc vào sự trải nghiệm, vốn sống, vốn kiến thức, nền tảng văn hóa của từng cá nhân.

Như vậy, theo Mai Văn Phấn, sáng tạo văn chương chính là hành trình đi tìm cái đẹp. Hành trình ấy mang trong nó một sứ mệnh tự thân là giúp con người trở nên cao quý hơn, giúp cho xã hội công bằng, dân chủ, văn minh hơn, thậm chí nó còn mang sứ mệnh cao cả là cứu rỗi con người và thế giới. Không những thế, văn chương còn mang tính tiên tri và cảnh báo. Và để đánh giá một bài thơ hay/ dở cần dựa trên nhiều yếu tố, nhiều phương diện khác nhau. Nhà thơ cho rằng, trong sáng tạo nghệ thuật, cách tân là vấn đề trung tâm, là yếu tố tiên quyết để người nghệ sĩ vươn tới đỉnh cao của thành công. Trong quan niệm của Mai Văn Phấn, nội dung và hình thức của tác phẩm văn học luôn là một thể thống nhất không thể tách rời. Quan niệm thơ nói trên đã phần nào hé mở cho ta thấy quan niệm về thi nhân của nhà thơ.

1.1.2. Quan niệm về thi nhân

Nhà thơ Mai Văn Phấn đã từng nói, khi viết, ông không nghĩ thơ mình phải mang sứ mệnh gì cả nhưng chính ông lại là người ý thức rất rõ về trách nhiệm của nhà thơ. Ý thức này luôn tiềm ẩn, thường trực trong lý trí và cảm xúc của ông. Nó giúp ông tạo nên những hình tượng thi ca vút sáng từ máu thịt của người viết, vừa hồn nhiên, tự nhiên và cũng rất bản lĩnh. Mai Văn Phấn cho rằng, mỗi nhà thơ trong quá trình sáng tạo phải có trách nhiệm tìm đến những giá trị cao hơn mang tính dân tộc để làm phong phú hơn tính truyền thống, đồng thời “phải khám phá cho được không gian nghệ thuật của chính mình” [Dẫn theo Thu Hồng, 21, tr.8].

Để đến được không gian nghệ thuật riêng ấy, đòi hỏi nhà thơ luôn phải đổi

mới mình và cả thi ca nữa. Mai Văn Phấn từng phát biểu: “Với mỗi người làm thơ, điều quan trọng là biết lạnh lùng với chính bản thân mình, dũng cảm nhìn lại một cách chân thực và chính xác, biết mình là quây hàng khô hay anh chữa khóa trong một cái chợ [55, tr.398]. Và trong một thi phẩm của mình, nhà thơ đã tự thú: *“Ta xoay mình trở thành người khác, làm hạt giống già từ sân kho, bờ hóng, gác bếp, già từ thúng mủng, chum vò... lăn xuống đất đai”* (Mưa trong đất). Ông quan niệm: “Thi sĩ đích thực là người phải biết làm ra những bài thơ biết phản bội mình. Nghệ sĩ là người liên tục vượt thoát qua những cuộc vong thân để hoàn thiện mình” [Dẫn theo Nguyễn Tham Thiện Kế, 28, tr.372].

Mai Văn Phấn cũng cho rằng, thi sỹ muốn hoàn thiện mình thì phải luôn sống trong sự cảnh tỉnh. Một cuộc phản tỉnh chính mình luôn thường trực trong con người tác giả, đến mức dường như lúc nào nhà thơ cũng cảm thấy mình đang bị phân thành hai nửa để rồi nửa này dò xét nửa kia: *“Hắn thường đến với tôi trong ý nghĩ./ Bảo tôi sợ hắn, không phải. Muốn thu nạp hắn, không. Hay lãnh đạm, trốn tránh, nể trọng... cũng không. Thế mà hắn đan lẩn vào tôi từng hơi thở”* (Đến trong ý nghĩ). Hoặc có lúc nhà thơ đã tự treo chiếc lưới của mình lên tận đỉnh cột cao tít mà phản tỉnh bản thân: *“Lưới tôi bị thắt/ treo lên đỉnh cột/ mỗi lần nói/ chiếc lưới phải co rút/ kéo thân thể béo ị lên cao/ Tôi giẫy giụa tựa mảnh vải quây trong gió mạnh”* (Ở những đỉnh cột). Hình ảnh chiếc lưới vốn là biểu tượng của ngôn ngữ, của trí tuệ, của khả năng gia nhập vào công lý, lương tri... ấy đã bị nhà thơ phản tỉnh ở một mức độ, một chuẩn mực cao nhất cho thấy Mai Văn Phấn là người luôn biết làm mới mình, luôn cảnh giác với chính mình.

Với ông, phẩm cách của nhà thơ chính là cái quyết định cốt cách của thi ca. Một khi nhà thơ đã vững tin trong cốt cách thì anh ta không ngại lao vào bất cứ vấn đề gì, kể cả những vấn đề vụn vặt. Chính vì thế, việc cần làm, nên làm và phải làm đối với mỗi thi nhân là luôn hướng đến sự hoàn thiện nhân cách.

Mai Văn Phấn cũng cho rằng, nhà thơ phải là người có học vấn (có kiến thức sâu rộng ở mọi lĩnh vực) và mỗi nhà thơ trước hết phải là một nhà văn hóa. Bởi lẽ, những “kiến thức văn hóa ấy lắng sâu vào nhà thơ một cách tự nhiên, và tới một

hoàn cảnh “hữu duyên” nào đó, nó đột khởi dâng lên thành cảm xúc thi ca. Lúc ấy tứ bài thơ vụt đến bất ngờ, tưởng như “của nhật được”, nhưng thực ra nó đã được tích lũy vô tình ở đâu đó đã lâu” [55, tr.457].

Và bản lĩnh của người làm thơ cũng là một yếu tố cần có và phải có. Theo Mai Văn Phấn: “bản lĩnh của nhà thơ trước hết là biết chấp nhận sự im lặng tạm thời từ phía người đọc. Bóng tối của im lặng chính là ngọn lửa siêu nhiệt, giúp nhà thơ tạo ra những tác phẩm có phẩm chất vàng mười, đủ sức vượt qua mọi thử thách khắc nghiệt của thời gian” [55, tr.424].

Vậy tại sao cần phải đổi mới thi ca? Mai Văn Phấn cho rằng, “đổi mới thi pháp trước hết nhằm chống lại sự thoái hóa, trơ mòn thẩm mỹ của người đọc, tạo những không gian thơ đa dạng, thiết lập hệ quy chiếu mới trong cách tiếp cận tác phẩm. Sáng tạo là quá trình sản sinh những nhân tố mới, không mô phỏng hay phát triển những giá trị đã định hình, mà tạo sự khác hẳn, biệt lập (đôi khi đối lập) với cái đã được định giá” [55, tr.423]. Một lí do khác là độc giả thời nay “có lối tư duy phổ quát, mạch lạc, tốc độ... họ luôn khao khát những giá trị mới lạ phù hợp với đời sống hiện đại” [55, tr.423]. Thậm chí, nhà thơ còn đưa ra một quan niệm hết sức cực đoan: “Là một thi sỹ đúng nghĩa, nếu không sáng tạo, tức không làm ra sản phẩm mới, coi như anh ta đã chết” [55, tr.450]. Ông cũng cho rằng, phàm đã là nhà thơ thì phải biết yêu nghề, sống chết với nghiệp văn chương và luôn tự hào về trách nhiệm mà mình đang gánh vác. Mai Văn Phấn từng tâm sự: nếu đời chỉ cho mình một lần cơ hội thi ông sẽ lựa chọn “chết như một nhà thơ” [55, tr.396]. Điều này thể hiện sự dân thân quyết liệt của nhà thơ. Thi sỹ còn coi những người sáng tạo nghệ thuật giống như đứa trẻ với những thuộc tính thông minh, giàu lí trí và đương nhiên là vẫn hồn nhiên, luôn luôn thích khám phá những điều mới lạ: “Việc sáng tạo thi ca gần giống trạng thái bàng hoàng của một đứa trẻ lần đầu được nhìn thấy những hiện tượng kỳ lạ của thiên nhiên và khám phá những bí ẩn, phức tạp của con người” [55, tr.454].

Đã có lần Mai Văn Phấn chia sẻ với bạn đọc về tâm lí của nhà thơ khi sáng tạo: “Nhà thơ khi viết còn giống như bà mẹ lâm bồn. Lúc vượt cạn, không ai muốn

mời hàng xóm đến ngay nhìn đưa con mình ra đời thế nào. Nhưng qua những giây phút khó nhọc, mọi người đều muốn con mình được tự tin trong trời rộng, được đắm mình cùng thiên nhiên và mọi người” [55, tr.421- 422].

Phàm đã là thi sỹ, ai cũng mong tác phẩm của mình được nhiều độc giả chia sẻ, nồng nhiệt chào đón. Tuy nhiên, theo Mai Văn Phấn, nhà thơ “không nên sa đà vào những vấn đề vụn vặt, tầm thường, câu khách... mà cần lý giải tận gốc rễ những căn nguyên hiện tượng đời sống, hoạch định chiến lược “mô hình” xã hội theo quan điểm riêng, cách nhìn riêng của nhà văn” [55, tr.446]. Và chỉ những ai biết từ chối ve vuốt những sở thích của đám đông thì người đó mới có thể tạo ra được sự phong phú, sinh động cho khu vườn thi ca của mình.

Theo Mai Văn Phấn, mỗi thi sỹ cần phải tạo được một cái tôi đầy cá tính trong thơ và chính ông đã tự tin, kiêu hãnh: “Thơ tôi là ngôi nhà của riêng tôi, ai muốn vào xin hãy gõ cửa và tuân theo những nghi thức nhất định” [55, tr.447 - 448].

Từ đó ta thấy, trong quan niệm của Mai Văn Phấn, mỗi nhà thơ phải có trách nhiệm đổi mới mình, từ đó hướng đến đổi mới thi ca. Muốn thế, họ phải luôn có ý thức hoàn thiện bản thân bằng việc tích lũy kiến thức, sống có bản lĩnh, giữ vững cốt cách trong sáng, biết lạnh lùng với chính bản thân mình, dũng cảm nhìn lại mình một cách chân thực và chính xác cũng như phải luôn sống trong sự cảnh tỉnh. Ông quan niệm: “Thi sỹ đích thực là người phải biết làm ra những bài thơ biết phản bội mình”. Cũng theo Mai Văn Phấn, thi nhân khi sáng tạo luôn mang tâm lí của một đứa trẻ lần đầu tiên được nhìn thấy những hiện tượng kì lạ của thiên nhiên và con người nên luôn thích khám phá. Và phàm đã là thi sỹ, ai cũng mong tác phẩm của mình được đông đảo bạn đọc đón nhận. Đồng thời, việc tạo ra cái tôi cá tính trong thơ là điều vô cùng cần thiết đối với mỗi nhà thơ. Cùng với quan niệm về thi ca, về thi nhân thì quan niệm nghệ thuật về nhân sinh và thế giới cũng là một khía cạnh chi phối đặc điểm nghệ thuật của thơ Mai Văn Phấn.

1.1.3. Quan niệm về nhân sinh và thế giới

1.1.3.1. Quan niệm về nhân sinh

Quan niệm về nhân sinh hay cũng chính là quan niệm nghệ thuật về con

người. Văn học là nhân học nên ở mọi thời kì, nó luôn lấy con người là đối tượng trung tâm của sự phản ánh. Thơ Mai Văn Phấn cũng lấy con người làm đối tượng và qua đó ông đã bộc lộ rõ quan niệm nghệ thuật về con người của mình.

Trước hết, đó là quan niệm con người chịu sự chi phối của những quy luật huyền bí đã tồn tại từ bao đời nay. Đọc bài thơ *Sống hồn nhiên*, ta bắt gặp những biểu hiện của một người mắc chứng hoang tưởng. Đây chính là cách tác giả dùng thủ pháp “giễu nhại” hiện tượng trong quá khứ, làm phục hoạt những bóng dáng của lịch sử trong ngôn ngữ thơ đầy ám thị và ẩn dụ, vừa khách quan vừa mang tính hài cao. Ta bắt gặp những thi ảnh rất độc đáo và sống động trong bài thơ này. Người đàn ông trong bài thơ giang tay vẫy theo nhịp cỏ lay lắt trong gió, bắt đầu óc phải tưởng tượng ra mùa xuân. Rồi kì cục hơn nữa, vợ chồng anh ta thay nhau làm một công việc hết sức kì quái là buộc chõm tóc vắt qua xà nhà rồi thay nhau giật sợi dây. Và cuối cùng, khi không thể thực hiện được hành vi cần vỡ tiếng chim anh ta lại pha trà dâng cho cây: *"Một tiếng chim bủa lưới khắp vườn/ liú lo bọc lấy tôi từng lớp kén/ muốn thoát ra ngoài phải cần vỡ tiếng chim/ hàm tôi yếu và răng không còn sắc/ Lại ngấp ngừng thêm bao thơ mộng/ Tôi pha trà đem dâng cho cây"* (*Sống hồn nhiên*).

Hay ở bài *Đúng vậy*, hình ảnh một ông già có vẻ như bị mắc chứng lẩn thần đã tạo ra nỗi ám ảnh cho người đọc. Ông ta bỏ nhà ra đi và cứ lẩm bẩm những câu nói tưởng chừng vô nghĩa: *"sáng rồi tối... thối rồi thơm... bươm rồi xì... đi rồi ngã... vả rồi thương... ương rồi chín... nín rồi thét... kẹt rồi lơ... xoi rồi hóc... bóc rồi che... đe rồi chừa... đưa rồi quịt... bịt rồi hở... lờ rồi toi... moi rồi thấy..."* (*Đúng vậy*).

Điều ngạc nhiên là ông ta vẫn đủ tỉnh táo để chốt cửa cẩn thận đến mức bấm đủ năm chiếc khóa. Sau đó, ông ta ném chìa khóa vào trong nhà, trước khi đi ông để lại mẫu giấy có ghi dòng chữ: *"Ai tìm thấy tôi ở đâu, gọi về số.../ Xin cảm ơn và hậu tạ"* (*Đúng vậy*).

Những câu thơ đọc lên tưởng như lời kể của một người già lực bất tòng tâm, mặc cho con tạo xoay vần nhưng có vẻ như lại hàm chứa trong đó những triết lý

nhân sinh dưới dạng ẩn dụ sâu thẳm về những quy luật huyền bí đã chi phối thân phận con người cả ngàn năm nay mà không ai có thể giải thích được. Hình ảnh “ông già” trong bài thơ này vừa biệt lập vừa quen thuộc. Đó có thể là bóng dáng của ai đó ta đã từng gặp, từng sống ở một thời đang lặng lẽ ra đi xa hút trong một sớm mai khác lạ, đầy biến động.

Đặc biệt, Mai Văn Phấn còn phản ánh sự khao khát đi tìm tự do cá nhân trong môi trường sống đầy bất trắc của con người hiện đại. Cuộc sống vốn phức tạp với chằng chịt các mối quan hệ xã hội nhưng các mối liên kết lại quá lỏng lẻo khiến nó có xu hướng ly khai khỏi mọi sự ràng buộc mặc dù con người chẳng bao giờ có ý nghĩ nổi loạn: *"Tôi đi xe hết ga hết số. Răng nghiến chặt. Tay bóp cổ hấn. Kéo hấn lướt trên mặt đất... Đích đến là buổi lấy phiếu tín nhiệm đề bạt, trả lời phỏng vấn, chuẩn bị phong bao một đám hiếu, cuộc gặp gỡ một nhân vật quan trọng..."* (Đến trong ý nghĩ).

Nhân vật “hấn”, một danh xưng phiếm chỉ xuất hiện với tần số khá cao trong thơ Mai Văn Phấn, là một nhân vật có tính phổ quát. “Hấn có mặt ở khắp nơi nhưng luôn ẩn trong bóng tối và có khả năng biến hình tùy theo hoàn cảnh và môi trường. (...) Hấn có khi là âm bản của đời sống, là “bãi rác” lịch sử, là tập hợp số đông của những bộ óc hoang tưởng, thậm chí, Hấn rất có thể là ông chủ tập đoàn xuyên quốc gia bao thầu những đồ phế thải đồng thời lại là trung tâm chế tác những ý tưởng điên loạn tầm cỡ nhân loại” [59, tr.98 – 99]:

*"Hấn là nơi hoàn thiện:
của gương đã lành/ sâu đã nở/ trinh đã mất/ cáp đã đứt/ cống đã
thông...
là bãi phế thải của giẻ rách/ mảnh thủy tinh/ băng vệ sinh/ giày dép
lạc mốt..."*

(Hấn)

Trong cuộc sống hiện đại đầy sóng gió, phức tạp, huyền hoặc, con người dễ rơi vào trạng thái cô đơn. Cũng có thể nói, cô đơn đã trở thành tâm thế của con người hiện đại. Chính Mai Văn Phấn đã từng thú nhận nó một cách thành thật trong

bài *Tắm đầu năm*. Trong cái đêm đầu năm ấy, thi nhân trong nỗi chờ vợ, cô đơn đến tột cùng đã tìm đến với ngọn đèn đầu mong được thanh tẩy tâm hồn và cả thể xác. Trong giây phút tĩnh lặng và linh thiêng ấy, nhà thơ cất tiếng gọi ông bà cha mẹ, những người đã khuất... nhưng không một hồi âm từ những linh hồn lạnh lẽo. Sau nữa, nhà thơ “*gọi tên em*” cũng không một tiếng đáp lại. Cuối cùng, nhà thơ gọi một ai nữa bất kì cũng không một sự hưởng ứng. Con người rơi vào tột cùng của sự cô đơn: “*thử gọi một ai xa lắc xa lơ/ ngọn đèn lặng phắc càng tỏ/ càng tỏ*” (*Tắm đầu năm*).

Và ở một khía cạnh khác, trạng huống cảm xúc cô đơn khi nhận ra sự lạc điệu giữa hai tâm hồn yêu nhau đã trở nên quen thuộc trong thời kì Thơ Mới:

"Dầu tin tưởng: chung một đời, một mộng,

Em là em: anh vẫn cứ là anh.

Có thể nào qua Vạn Lí Trường Thành

Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật"

(Xa cách – Xuân Diệu)

Và hôm nay, nó đã chảy tràn đến thơ hậu hiện đại. Trong thơ Mai Văn Phấn, nỗi cô đơn mênh mông thường trực của con người cũng được thể hiện hết sức thâm thúy: “*Em ngủ say không biết/ anh đang nhìn hạt mưa/ bóng tối xơ xác ngoài cửa sổ/ tán cây đè nặng ngực mình/ .../ Những ngọn thác câm lặng đang đổ xuống rất mạnh/ những đế giày chuẩn bị vỡ tung/ chân tường mở cánh cửa thoát hiểm/ bụi mưa phùn hay châu chấu bay qua/ cả ngôi nhà lao đi chóng mặt/ sừng sốt, rã rời khi gặp bình minh...*” (Để nhận ra anh).

Người đàn ông trong bài thơ ngòai đối diện với bóng đêm bên cạnh người vợ yêu đã ngủ say đang nặng trĩu ưu tư không biết ngỏ cùng ai. Và rồi anh nhận ra giữa vợ và con người nghệ sĩ của mình luôn có sự lạc điệu trong cách hiểu, cách cảm và cách nghĩ. Qua thi phẩm này, Mai Văn Phấn muốn bày tỏ quan niệm về sự thấu hiểu trong tình yêu, khả năng thâm nhập đời sống tinh thần giữa người với người.

Nguy hiểm hơn cả trạng thái cô đơn chính là sự vô cảm của con người thời nay trước sự vùn xoay của dòng đời đen bạc. Hiện tượng này đã ngày càng trở lên

phổ biến đến mức báo động. Câu thơ “*Đá nhắm mắt an nhiên nước cuốn*” chính là hình ảnh ẩn dụ về trạng thái sống vô cảm của con người trong một không gian sinh động với tiếng chim hót, lũ voọc chuyền cành, mùi ổi chín và đám mây trên trời dừng lại. Có lẽ, Mai Văn Phấn lo sợ rằng đến một lúc nào đó, con người hôm nay sẽ không thể tìm thấy bất kì một điểm tựa nào cho cuộc đời mình.

Con người xét trong mối quan hệ với vũ trụ trở lên thật bé nhỏ. Trong thơ Mai Văn Phấn, họ chỉ là một viên đá, một con gió, một hạt mưa hay bất cứ vật gì đó tồn tại trong thế giới vật chất:

- *Lặng yên cho nước chảy*

Xối xả lâu lạnh toát mình đá

(Đá trong lòng suối)

- *Nhoài lên mồm đá sắc*

Thân thể gió trầy xước

Máu của gió là mưa

(Đỉnh gió)

Mai Văn Phấn còn tỏ ra nhức nhối, day dứt, đau đầu trước những mặt trái của xã hội hiện đại như sự tha hóa (*Chỉ là giấc mơ*), những nghịch lý luôn hiện hữu (*Dạy trẻ con, Còn cậu hãy đứng ra đằng kia, Hội chứng từ một tin đồn...*), thói đạo đức giả tràn lan (*Chuyện còn dài, Bài học...*) và nhịp sống hiện đại quay cuồng khiến cho con người bị ngạt thở, bị chao đảo (*Quay theo mái nhà*)... Theo nhà văn Đặng Văn Sinh, thi phẩm “*Bài học* được triển khai như là một ca giải phẫu, phanh phui lục phủ ngũ tạng loại quan chức “xanh vỏ đỏ lòng” với tất cả những thói tham lam, đê tiện nhưng lại núp dưới chiếc mặt nạ *đạo mạo*” [59, tr.97]: “*Cánh và khuỷu tay vẫn cứng/ Từ cổ tay xuống đến ngón phải mềm/ Đạo mạo múa tay trong bị*” (Bài học).

Sống trong cái xã hội ngột ngạt, phức tạp với đầy rẫy những lọc lừa, dối trá ấy, con người luôn khát khao một sự tẩy rửa, thanh lọc trong tâm hồn. Các giải pháp mà Mai Văn Phấn đề nghị là *Tắm đầu năm* – một nghi thức thanh tẩy kì diệu bằng ánh sáng để hướng tới những thay đổi thật đẹp đẽ và *Sống hồn nhiên* – một lối sống

vô tư, thoải mái, không bon chen, ganh đua, lọc lừa. Tuy những giải pháp ấy có thể chưa thật sự ưu việt, lí tưởng cho những hiện tượng Mai Văn Phấn nêu trên nhưng ít nhất, ông đã phơi bày được một thực trạng vô cùng nhức nhối của xã hội hiện đại. Và thực tế ấy buộc người đọc phải suy nghĩ, trăn trở.

Đặc biệt, người thơ tỏ ra rất nhạy cảm, tinh tế, nhân văn khi phát hiện ra phẩm chất đáng quý, đáng trân trọng ở con người hiện đại, đó là dù họ có bị cuộc sống làm cho quay cuồng đến nghẹt thở, mệt mỏi đến rã rời thì họ vẫn khát khao được sống hồn nhiên, được trở về với bản thể tự nhiên của mình. Các thi phẩm như *Đá trong lòng suối*, *Giai điệu xuân*, *Cốm hương*, *Nghé ơi!*... đã thể hiện rõ tư tưởng này của Mai Văn Phấn. Chẳng hạn, ông viết: *"Hơi nước ban mai vườn khuya/ Dâng cao bờ cỏ mượt/ Mịn màng hơn lớp lông tơ/ Xanh lên gió/ Nghé tìm mẹ/ Thở vào mây tiếng ruộng mạ, mầm cây/ Gõ móng trên mặt đất/ Trái bóng tròn vội vã nảy lên/ Con đé trĩu, con ngựa trời tung đôi càng chắc mẩy/ Nắng sớm rọi mình ghé/ Lan xa âu yếm mắt nhìn/ Giao mùa vòm lá chật cặng/ Nấp dưới gằm cầu đợi ghé/ Tôi chạy theo cuộn lại bóng mình/ Bàn chân chạm bật cao mặt cỏ"* (Nghé ơi!). Qua bài thơ này ta thấy, con người trong thơ Mai Văn Phấn luôn mong muốn mỗi sớm mai thức dậy đều được chiêm ngắm những vẻ đẹp tiềm ẩn của cuộc sống với tâm trạng hồn nhiên của một đứa trẻ lần đầu tiên được khám phá. Họ cũng khao khát được trở về với sự tinh khôi, hồn nhiên, trong trẻo của tâm hồn Việt, trở về với nguồn cội.

Như vậy, thơ Mai Văn Phấn đã phản ánh được khá đầy đủ các đặc điểm, trạng thái tâm lý cũng như tâm thế của con người sống trong thời hiện đại. Đó là hình ảnh của những con người chịu sự chi phối của những quy luật huyền bí của cuộc sống, con người khát khao tự do cá nhân, con người cô đơn, con người vô cảm, con người bé mọn, con người bị chao đảo trước nhịp sống quay cuồng của xã hội hiện đại và con người hồn nhiên, trở về với bản thể tự nhiên. Nhà thơ tỏ ra thấu hiểu và đồng cảm với họ bởi chính ông cũng là một cá thể trong cái quần thể rộng lớn ấy. Cùng với quan niệm nghệ thuật về nhân sinh, Mai Văn Phấn cũng thể hiện rõ nét quan niệm về thế giới thông qua thi giới khá bề bộn của mình.

1.1.3.2. Quan niệm về thế giới

Trong thi giới của Mai Văn Phấn, cuộc sống hiện lên phong phú, sinh động, phồn tạp như nó vốn có. Đó là một thế giới phồn sinh và hóa sinh bất định. Thế giới phồn sinh ấy được tập trung khai thác ở hai khía cạnh: phì nhiêu và sinh nở. Trong thơ ông, ta nhận ra một thế giới phì nhiêu, đa tầng mà ở đó muôn loài cộng sinh chen chúc đầy hoan lạc: *"Yêu nhau/ Là những nghi thức dâng tụng trời đất (...) Đất rùng mình/ Sông chảy/ Ngàn vạn lá mầm từ thân thể nở bung"* (Anh anh em em).

Từ đây, Mai Văn Phấn đã trở về với nguyên lý bản nguyên của vũ trụ: Thiên Nhân hợp nhất - trời với người hòa làm một. Đây có thể được coi là một quan niệm mang tính triết học và cao hơn là một cách ứng xử văn hóa - điều mà nhiều con người sống trong xã hội hiện đại để mất một cách nghiêm trọng.

Không chỉ dừng lại ở trạng thái phì nhiêu của sự sống, thơ Mai Văn Phấn còn mở rộng vào trạng thái sinh nở của nó. Với thi nhân, trạng thái sinh nở, mang thai, giao hợp... là những biểu hiện đẹp đẽ nhất của sự sống nơi trần thế. Bởi nó không chỉ đơn giản là quy luật sinh tồn mang tính chất tự nhiên mà chính nó đã góp phần quan trọng để tái sinh một thế giới mới:

*- Giữa em là anh/ một con hoẵng vừa sinh trên cỏ ướt/ một bát nước
ngùn ngụt bốc hơi/ một thế giới đang vội vàng hoàn hảo* (Hình đám cỏ - Nhịp VI)

*- Căn phòng mình chẳng còn những bức tường bao quanh và không
gian thành thời gian thánh thiện, khi anh mãi mê nhìn vầng ngực em dâng đầy
như biển, cứ thu mình tìm vào miệng con be bé xinh xinh...* (Em cho con bú)

Sau khi tiếp cận thế giới phồn sinh, thơ Mai Văn Phấn tiếp tục mở vào cái thế giới của sự hóa sinh bất định. Đó là sự rình rập, hủy diệt, tàn tạ, phân rã của thế giới: *"Chim chóc nghe lách cách giữa thân cây tiếng viên đạn lên nòng, nắp vào đám mây bị quay vòng trong hoàng hôn chào lửa/ Con hà sặc khói hun mở miệng luận bàn về sự bất tử của nước và thoáng chốc con thuyền/ Con gấu ôm trọn tổ ong buông mình từ đỉnh cây xuống nơi giếng bẫy..."* (Mùa hạ rất gần).

Nhưng có lẽ, cái khác trong thơ Mai Văn Phấn là sự chết của vạn vật được

nhà thơ nhìn nhận như là một sự khởi đầu mới. Nhà thơ tin vào sự sống bất tử nhờ lễ hóa sinh màu nhiệm. Đây là một niềm tin tâm linh nằm ngoài sự lí giải của lí trí con người.

PGS. TS. Văn Giá cho rằng, ta có thể hình dung thế giới thơ Mai Văn Phấn là: “một thế giới phồn sinh động cựa và luân chuyển hóa hóa sinh sinh vô hồi vô hạn với tất cả vẻ đẹp bí ẩn và màu nhiệm nhất đã tràn vào thơ anh, thống ngự thơ anh, chiếm ngôi trị vì, không nhượng bộ. Bằng một cách tự nhiên nhất, thơ Phấn đã biểu đạt thế giới này trong trạng thái đó, và coi đó là hiện thân của Cái Đẹp” [28, tr.534].

Mai Văn Phấn cũng cho rằng, mọi hiện tượng của đời sống đều có quyền tồn tại trong sự phi logic thông thường để biểu đạt tính đa khả thể của cuộc sống. Ta có thể bắt gặp điều này trong bài thơ *Không thể tin*: "*Nhưng hình như/ mọi con vật trong nhà/ vẫn chế tác từ đồ phế thải:/ con mèo tam thể được sinh ra từ mớ giẻ rách?/ con cá bơi trong bể được gò hàn từ vỏ lon beer?/ chim họa mi hót trong lồng là chiếc ấm vỡ?/ con chó giui đầu vào tay mình là cuộn báo cũ?/ đàn kiến đang nhả nạt tha môi là đóng mạt cua?"* (Không thể tin).

Tác giả từ một sự ngẫu hứng đã đề ra những khả thể cho sự vật: tại sao lại gọi đó là *con mèo* mà không phải là *mớ giẻ rách*? tại sao lại gọi đó là *con cá* mà không phải là *vỏ lon beer*?... hàng loạt câu hỏi kiểu như thế được cất lên có vẻ như ngây ngô, buồn cười nhưng thực ra nó là một lời phản biện với quan niệm thông thường. Những hình dung mới của nhà thơ đã làm thay đổi ý niệm về những cái đã mặc định. Với bài thơ này, Mai Văn Phấn muốn chỉ ra rằng trong cuộc sống này không có điều gì là không thể xảy ra.

Thiên nhiên trong con mắt của Mai Văn Phấn là một thực thể tham dự chứ không phải là bối cảnh tĩnh. Nó mang trong nó sức sống và sức mạnh riêng. Con người có thể khai thác thiên nhiên để làm đẹp, làm giàu có cho cuộc sống của mình nhưng cũng chính họ phải nhận lấy những bài học từ thiên nhiên. Qua thi phẩm *Quay theo mái nhà*, có lẽ Mai Văn Phấn muốn gửi tới người đọc một thông điệp: thiên nhiên luôn không im lặng và con người có thể sẽ phải hứng chịu những hậu quả thảm khốc từ chính hành vi ứng xử thô bạo với thiên nhiên hoặc từ thái độ kiêu

ngạo của chính họ. Đồng thời, bài thơ cũng chính là cửa sổ giúp chúng ta nhìn thấy một góc của thế giới đầy biến động, trong đó mọi trật tự và giá trị bị đảo lộn, mà con người cần dũng cảm tỉnh dậy để đứng vào vạch “*Xuất phát*”.

Bất kì người nghệ sĩ nào khi sáng tạo nghệ thuật đều chịu sự chi phối của những quan niệm nghệ thuật nhất định. Mai Văn Phấn cũng vậy. Chính những quan niệm về thi ca, về thi nhân, về nhân sinh và thế giới nói trên đã chi phối hành trình sáng tạo nghệ thuật của ông. Sự chào đón nồng nhiệt của bạn đọc trong những năm gần đây đối với thành quả nghệ thuật của nhà thơ đã phần nào minh chứng được tính đúng đắn trong quan niệm nghệ thuật của Mai Văn Phấn.

1.2. Hành trình sáng tạo thơ Mai Văn Phấn

Có thể nói, Mai Văn Phấn xuất hiện khá muộn trên thi đàn văn học Việt Nam nhưng thi sỹ đã để lại những dấu ấn đậm nét trong lòng bạn đọc không chỉ bởi những giải thưởng văn học uy tín dành cho ông như: giải Văn học Nguyễn Bình Khiêm (thành phố Hải Phòng, các năm 1991, 1993, 1994, 1995); giải nhì (không có giải nhất) cuộc thi thơ của báo *Người Hà Nội* (năm 1994); giải nhì (không có giải nhất) cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ* (năm 1995); giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam cho tập thơ *Bầu trời không mái che* (năm 2010 - 2011)... mà còn bởi những cách tân táo bạo trong cách viết của nhà thơ. Những cách tân ấy được thể hiện rõ nét qua từng chặng đường sáng tạo nghệ thuật của ông.

1.2.1. Những chặng đường sáng tạo thơ

Hành trình thơ Mai Văn Phấn về cơ bản được chia thành ba giai đoạn chính như sau:

1.2.1.1. Giai đoạn từ khởi đầu đến năm 1995

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, ngay từ những bài thơ đầu tiên, Mai Văn Phấn đã muốn khác và khác. Nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên trong lời giới thiệu *Thơ tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn* đã nhận xét rằng: “Vẫn trong cái vẻ lục bát nhịp nhàng muốn thành cổ điển, người thơ đặt vào đấy một sự cân xứng trầm tĩnh khá là lạ nếu ta biết khi anh xuất hiện đang ở tuổi trẻ.

Câu thơ sáu tám trong cái sự chùng mực của khuôn hình nhưng chữ dùng và nhịp thơ của người viết đã chất chứa một sự thăm dò để bung phá” [55, tr.8].

Mặc dù trong hai tập thơ đầu *Giọt nắng* (1992) và *Gọi xanh* (1995) của Mai Văn Phấn, từ thể thơ, nhịp điệu, kết cấu bài thơ... chưa thực sự vượt ra ngoài hình thức ổn định của thơ Việt nửa sau thế kỷ XX. Tuy nhiên, ta nhận ra ở Mai Văn Phấn ý thức tìm tòi những ý tưởng lạ, hình ảnh lạ để tạo nên sự độc đáo cho thơ mình. Những bài thơ như *Rượu xuân*, *Kính cầu ban mai*, *Chiếc lá*, *Qua hoàng hôn*... là những minh chứng thuyết phục cho nhận xét này. Chẳng hạn: "*Cầm tay gió dắt vào đêm/ Mà hồn xanh lỡ để quên cuối trời/ Dấu chân xin cát chớ vùi/ Cho ta về lại luân hồi kiếp sau*" (Qua hoàng hôn).

Không chỉ dừng lại ở những ý tưởng lạ, thơ Mai Văn Phấn còn vươn đến những miền liên tưởng độc đáo, đầy sáng tạo. Người đọc có thể thấy rõ điều này qua các bài thơ như *Du ca*, *Nghi Tâm*, *Cánh chim bay qua*... Ví dụ như những vần thơ sau đây: "*Bất chợt vệt cánh chim bay qua/ Hay quanh quất bóng mình còn sót lại/ Cánh chim tựa que diêm quẹt vào ngậy dai/ Ngọn lửa thiên thần nào có thể bén vào tôi*" (Cánh chim bay qua). Một "vệt cánh chim bay qua" mà nghĩ "bóng mình còn sót lại". Quả là lạ! Nhưng còn lạ hơn khi cánh chim lại được nhà thơ ví với "que diêm" thổi bùng lên cái tuổi thơ đầy ao ước bay bổng và cháy bỏng.

Đặc biệt, ở cuối giai đoạn này, thơ Mai Văn Phấn đã xuất hiện với hình thức mới mẻ, tự do, phóng khoáng hơn: "*Trái đất – Căn nhà hộ sinh/ Tiếng trẻ con chào đời truyền trong không gian xanh/ những dòng/ mật mã...*" (Màu xanh). Trái đất là nơi con người và vạn vật nương náu, là nơi che chở cho sự sống. Một đứa trẻ ra đời, sự sống mới như tin mừng được truyền vào không gian vô tận. Ý tưởng này được Mai Văn Phấn diễn đạt dưới hình thức thơ tự do rất phóng túng.

Với Mai Văn Phấn, thi ca là phương tiện hữu hiệu để nhà thơ thể hiện khát vọng sáng tạo, khát vọng dâng hiến. Khát vọng ấy được thi nhân chuyển tải qua những hình ảnh thơ khác lạ, độc đáo trong không gian đa chiều, chỉ có ở Mai Văn Phấn: "*Tôi thổi vào lòng ống sáo tối đen địa ngục, để tìm ra bảy lối tới thiên đường: đô rê mi fa son la si*" (Viết cho cây sáo).

Bên cạnh khát vọng sáng tạo, dâng hiến thì khát vọng tái sinh được coi là khát vọng ngàn đời của muôn loài. Trong thơ Mai Văn Phấn giai đoạn đầu, khát vọng này cũng được thể hiện bằng lối diễn đạt khá mới mẻ: "*Đất đai – người đàn ông nằm ngủ/ Mắt khép một vùng cửa sông/ Hạt hạt phù sa mê man bên gốc rạ*" (Sau mùa gặt).

Như vậy, ngay từ buổi đầu, thơ Mai Văn Phấn qua thể thơ lục bát đã có dấu hiệu của sự tìm tòi. Sau đó là những vần thơ tứ tuyệt (như bài *Chiếc lá, Em và biển, Đà Lạt thì thâm, Quả thu...*), rồi từ thơ tứ tuyệt Mai Văn Phấn chuyển ra thơ tự do trong khuôn khổ thơ bốn câu (như bài *Những con sẻ chùa Vĩnh Nghiêm, Áo ảnh Tháp Chàm, Cánh chim bay qua, Tìm hài cho em...*). Gần cuối giai đoạn này, nhà thơ hăm hở tìm đến với thơ tự do, nhưng trong những bài thơ dài vẫn còn lẫn những khổ, đoạn thơ lục bát (như bài *Tiếng gọi từ cánh đồng...*).

Qua phân tích, chúng ta có thể mạnh dạn khẳng định rằng, thơ Mai Văn Phấn giai đoạn từ khởi đầu đến năm 1995 nghiêng về truyền thống: thể điệu lục bát, thơ Đường, tự do có khổ có vần, diễn tả cảm xúc, tâm tình, thi tứ, thi ảnh đôi chỗ hơi lẫn với người khác, chưa có nhiều chất riêng.

1.2.1.2. Giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2000

Trong vòng năm năm, Mai Văn Phấn cho xuất bản ba tập thơ *Cầu nguyện ban mai* (1997), *Nghi lễ nhận tên* (1999) và trường ca *Người cùng thời* (1999). Ở giai đoạn thơ này, người đọc dễ dàng nhận ra độ “chín” dần về ngôn ngữ, nhịp điệu, thanh âm trong những bài thơ được viết theo thể tự do hay thơ văn xuôi của Mai Văn Phấn.

Nhà thơ Lê Xuân Đố cho rằng: thơ Mai Văn Phấn giai đoạn này “bứt phá cách tân thi pháp với nhiều cách nói và mở rộng biên độ thơ biểu hiện nhiều vấn đề của thời cuộc, bản tính con người hiện đại và phát hiện những nét đẹp tiềm ẩn của tình yêu, đời sống” [28, tr.283].

Hãy nghe Mai Văn Phấn nói về vẻ đẹp tiềm ẩn của cuộc sống: "*Đã mưa/ và sấm rền vang/ Những đợt mầm khóa thân trong bóng tối/ Đất cố giấu đi tro trụi khô cằn/ Khi cội rễ lần tìm trong ngực*" (Biển tầu đêm mưa).

Hay nhà thơ nói về tâm thế của con người thời đại ông đang sống: “*Sự kinh dị hay đở nát/ Cùng con đường chạy qua ký ức/ Dấu chân không nhận ra nhau vô cảm tron lý/ Cả dòng sông trùng độc từng chìm ta xuống đôi bờ/ cỏ nát/ Giờ thành đuôi sao chổi quét ngang trời/ Kết thúc cơn mơ cuối cùng thế kỷ*” (Khúc dạo đầu).

Tuy nhiên, đặc trưng thơ ông giai đoạn này tập trung ở trường ca *Người cùng thời* gồm 10 chương. Trường ca này chứa đựng tất cả những hình thức thơ Mai Văn Phan đã sáng tác trước đó, đồng thời cũng xuất hiện ở một số chương những thể nghiệm mới về mặt hình thức, về cấu trúc, nhịp điệu, ý tưởng, kết cấu... Riêng chương VIII mang tên *MAIL CHO EM*, với ảnh hưởng của khuynh hướng siêu thực, hình thức thơ là những từ ngữ nối tiếp nhau, không có dấu chấm, phẩy, xuống hàng... Cái duy nhất còn lại là những ký tự vang lên như những câu hỏi mang tính thách thức cũng như kêu gọi người đọc đồng sáng tạo với nhà thơ.

Những dòng cuối cùng của bản trường ca đã làm rõ và mở rộng nội hàm của khái niệm *người cùng thời* mà nhà thơ sử dụng trong bản trường ca: “*Cùng thời với cả những người chưa kịp sinh ra mà gương mặt đã hiển hiện trong vòm cây, bóng nước. Cùng thời với cả những người đã chết bởi những từ ngữ hằng ngày ta vẫn thường gọi đến tên nhau*” (Người cùng thời - CHƯƠNG X).

Tư tưởng xuyên suốt bản trường ca là: “*Muôn năm con người! Muôn năm thiên nhiên!*”. Tinh thần cao ngất này đồng thời cũng chính là tuyên ngôn thơ Mai Văn Phan. Trong tinh thần đó, một loạt những hình ảnh truyền tải những thông điệp về cội nguồn, về tổ tiên, về giống nòi, về dân tộc, về Tổ quốc thông qua hình tượng trống đồng và những biểu tượng quen thuộc của quá khứ đã được tấu lên trong một bản hòa tấu hùng vĩ, lúc vang dội, khi hiện hình, khi thúc gọi:

- *Mỏ nhọn con chim nào vừa mổ vào ban mai/ Lại lặng lẽ nằm yên trên mặt trống/ Bao bình minh sinh ra có hình bọc trứng/ Hoàng hôn nào mang khuôn mặt Âu Cơ?* (Người cùng thời - CHƯƠNG I)

- *Hình Tổ quốc ngàn năm đóng đinh vào ký ức, mang nét vẽ dáng tổ tiên ta đội nón đứng bên trời. Giờ Tổ quốc cùng tôi mỗi buổi sớm lại tung bừng tái hiện...* (Người cùng thời - CHƯƠNG III)

- *Tiếng thở dài bay đi lớp bụi thời gian, ta sững sốt thấy hồn vía tổ tiên trong nét hoa văn đình làng, trống đồng, ngọn tháp... Những thân phận khóc cười đêm ngày làm kén ở hồn ta* (Người cùng thời - CHƯƠNG VIII)

- *Ra triền sông ngóng hồn tổ tiên/ Thả xuống nước tro than áo tôi, nón mê cùng gạo muối/ Nước biển dâng lên đón nước nguồn chảy tới/ Tương lai đến tìm ta bằng con sóng vỗ òa lên* (Người cùng thời - CHƯƠNG IX)

Hệ thống hình ảnh thơ nói trên đã khẳng định sự truyền nối sức sống bất diệt của giống nòi Việt Nam. Khát vọng của tổ tiên vẫn còn truyền đến tận thế hệ hôm nay và khát vọng của con người thời nay chắc chắn sẽ vang dội lại cội nguồn:

- *Trong tiếng dội âm thanh đô thị, trái tim lại tru lên tiếng gọi đơn âm thời hồng hoang tiền sử, biến thân xác ta thành đảo xa, vách đá, rừng hoang...* (Người cùng thời - CHƯƠNG VIII)

- *Muôn mép chân trời có bàn tay người xưa và người nay níu giữ* (Người cùng thời - CHƯƠNG IX)

Trường ca *Người cùng thời* được kết cấu bởi mười chương với dung lượng lớn. Mỗi chương của bản trường ca lại được nhà thơ triển khai theo những mạch via trong không gian và thời gian được dịch chuyển biên độ rộng lớn. Trong đó, via mạch nổi bật là việc nhà thơ chú tâm dùng những hình ảnh và liên tưởng khoáng đạt, ý tưởng hướng tới một cảnh tượng mang tính hiện thực hoành tráng trong tương lai.

PGS. TS. Văn Giá đã có những nhận định khá sắc sảo về thơ Mai Văn Phấn giai đoạn này: “Chặng thứ 2 là cả một nỗ lực bút phá: giờ đây không trọng tự tình nữa, mà trọng xác lập ý; hình ảnh hóa, cảm xúc hóa ý. Ở chặng này cũng đã xuất hiện chất ảo như là sự manh nha, để rồi phát huy rõ rệt ở chặng 3” [28, tr.539].

1.2.1.3. Giai đoạn từ năm 2000 đến 2010

Đây là giai đoạn sáng tác đầy tự tin và gặt hái được nhiều thành công của Mai Văn Phấn trong suốt hành trình thơ. Sự đổi mới thi pháp trong giai đoạn này được đánh dấu bằng sự ra đời của tập thơ *Vách nước* (2003) - một tập thơ mang đậm dấu ấn của chủ nghĩa siêu thực. Nhưng phải đến năm 2009, sự đổi mới của thơ

ông mới diễn ra quyết liệt nhất. Chỉ trong vòng hai năm, Mai Văn Phan liên tiếp công bố ba tập thơ: *Hôm sau* (2009), và *đột nhiên gió thổi* (2009) và *Bầu trời không mái che* (2010). Điều này đã khiến độc giả ấn tượng không chỉ bởi sức sáng tạo mạnh mẽ, bền bỉ của nhà thơ mà còn bởi những cách tân thi ca vô cùng táo bạo, bất ngờ. Người đọc thấy dường như thơ ông không còn dấu vết nào dù là rất nhỏ của cách viết trước đó. Một vùng đất hoàn toàn mới lạ được mở ra trong thơ Mai Văn Phan với những hình ảnh, cấu tứ, liên tưởng, kết cấu cũng như cách dùng từ rất mới và lạ, khác hẳn thơ ông trước đây và khác biệt, thậm chí đối nghịch với lối thơ đang chiếm lĩnh thi đàn hiện nay ở nước ta. Những câu thơ sau đây có thể coi là sự thú nhận của Mai Văn Phan về sự cách tân này: "*Nỗi khắc khoải không còn ý nghĩa/ Sự thay đổi vượt quá sức mình./ Chưa kịp dẫn đo, chưa kịp tưởng tượng/ Đã chìm trong mưa, đã cuốn theo mưa*" (Tù hạt mưa).

Thơ Mai Văn Phan giai đoạn này là sự tuyên cáo về cái “khô chết” của các nhà thơ đang tự ngậm vịnh, gặm nhấm sự còi cọc của mình. Bằng những vần thơ khoáng đạt, những hình ảnh thơ cường tráng, mạnh mẽ, những ý tưởng lạ, Mai Văn Phan đã tạo ra những vần thơ chống lại thói quen lười nhác đã tạo thành quán tính mang tính “di truyền” trong “tư duy thi ca” và trong đời sống chúng ta: "*Đừng gương dậy nói về lòng tin và niềm hy vọng/ khi qua khe cửa hẹp/ gió biển đang bắn vào từng mũi tên mát rượi*" (Tinh táo tốt cùng).

Điểm cốt tử trong thơ Mai Văn Phan là đẩy đến tột cùng, thậm chí là cực đoan và tạo ra sự trái nghịch trong cách nhìn và cách cảm thụ nghệ thuật. Tính phóng đại quá kích của trí tưởng tượng với những hình ảnh và kết cấu hoàn toàn mới lạ đã tạo ra một lối cảm nhận hoàn toàn mới mẻ. Và dưới hình thức mới này, thơ Mai Văn Phan đã chuyển tải được toàn bộ những gì đang diễn ra trong đời sống này. Mỗi bài thơ của Mai Văn Phan tác động đến người đọc như là những giấc mơ hay sự phiêu du cùng thi sĩ trong cõi tưởng tượng:

"Chúng bịt miệng/ trấn lột mọi thứ/ và xin tôi bộ phận sinh dục./ Nói rằng xin/ bởi nếu tôi không đồng ý/ của quý kia phải liệng xuống hố phân/ (chúng biết cả bí quyết thân chủ)./ Tôi bảo:/ các ông có thể lấy hết/ nhưng

cho tôi giữ lại chút riêng/ xin tự nguyện làm đồ chơi, giẻ lau, trâu chó./ Tôi cúi xuống đón chiếc ách lên vai/ Tôi xù lông và bắt đầu sửa lớn/ Tôi lúc lắc và kêu bíp bíp/ Tôi mài cơ thể mình xuống sàn nhà./ Tôi chạy quanh và miêng sùi sọt/ Tôi nhể nhại, giả chết, lông lộn/ Tôi rã rời, loạn nhịp, vỡ tung/ Tôi thấm nước và vắt ra nước" (Chỉ là giấc mơ).

PGS. TS. Văn Giá thì cho rằng: “Sang chặng sau cùng này, Mai Văn Phấn đã có được một mùa màng nặng hạt. Nhiều bài thơ được coi là đỉnh cao của thơ Mai Văn Phấn, đồng thời cũng là những thi phẩm sáng giá trong nền thi ca đương đại: *Vẫn trấn tĩnh tiễn khách ra ngõ, Nghe em qua điện thoại, Tắm đầu năm, Gió thổi...*” [28, tr.539].

Nhìn lại ba chặng đường thơ của Mai Văn Phấn ta thấy rõ sự trưởng thành trong sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ. Từ chỗ nghiêng về truyền thống, chưa tạo được nhiều chất riêng đến sự bứt phá mạnh mẽ trong thi pháp ở chặng thứ hai và gặt hái được nhiều thành công ở chặng cuối cùng, Mai Văn Phấn đã thể hiện rõ độ chín của ngòi bút theo thời gian cũng như sự nỗ lực cách tân không ngừng nghỉ của bản thân nhằm tạo ra một phong cách riêng cho thơ mình và hướng đến đổi mới nền thơ Việt trong tương lai.

1.2.2. Quá trình nhận thức và đổi mới phong cách thể hiện

Khái niệm “phong cách” mà chúng tôi đề cập ở đây “là một phạm trù thẩm mỹ, chỉ sự thống nhất tương đối ổn định của hệ thống hình tượng, của các phương tiện biểu hiện nghệ thuật, nói lên cái nhìn độc đáo trong sáng tác của một nhà văn, trong tác phẩm riêng lẻ, trong trào lưu văn học hay văn học dân tộc” [15, tr.255 – 256].

Nhìn lại nền văn học Việt Nam sau Đổi mới, ta thấy nhiều nhà thơ, nhà văn có bản lĩnh và tài năng đã mài sắc cá tính sáng tạo của mình và dần thoát khỏi ảnh hưởng của Thơ Mới cũng như lối sáng tác minh họa trước đó để tạo nên một thế đứng cho riêng mình. Trong số những nhà thơ ấy, Mai Văn Phấn là một trường hợp riêng, thậm chí khác biệt. Ông không chịu ổn định một phong cách sáng tác nào. Chính thi sỹ trong một lần trả lời phỏng vấn đã chỉ ra sự thay đổi phong cách trong các thi phẩm của mình: "Tập thơ đầu tay “Giọt nắng - 1992” tôi viết theo bản năng,

nhằm giải tỏa tâm trạng và ám ảnh về đời sống lúc đó. Năm ấy tôi 37 tuổi, thời điểm tôi trở lại viết sau gần 20 năm đoạn tuyệt với thơ ca. Hai tập tiếp theo (Gọi xanh, Cầu nguyện ban mai) kết hợp truyền thống với tâm thức hiện đại. Tập thơ “Nghĩ lễ nhận tên” và trường ca “Người cùng thời” là cách tôi dò dẫm, vượt thoát khỏi hệ mỹ cảm cũ. Đến “Vách nước” là kết hợp có chọn lọc tổng hòa những khuynh hướng hiện đại (Siêu thực, Tượng trưng, Biểu hiện...). Năm 2009 tôi in hai tập với hai phong cách và khuynh hướng khác nhau. Tập “Hôm sau” là một hướng triển khai phong cách hậu - hiện đại kiểu Việt Nam. Và, “và đột nhiên gió thổi” thuộc cổ - điển - mới" [55, tr.449].

Quả là Mai Văn Phấn đã trải nghiệm nhiều phong cách sáng tác khác nhau. Nhưng có lẽ, tinh thần chủ đạo trong ý niệm về sáng tạo của ông vẫn là siêu thực - một khuynh hướng vốn xa lạ với sinh quyển thơ Việt Nam nói chung và thơ miền Bắc nói riêng. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau khi thử nghiệm, Mai Văn Phấn đã cho siêu thực không còn mới mẻ, để rồi trong tập thơ mới nhất *Bầu trời không mái che*, ông hướng tới một phong cách thơ mới là “thong dong”. Đây cũng là tập thơ hé lộ phong cách thơ Mai Văn Phấn trong tương lai. Chính ông từng tâm sự: "Sau khi đã băng qua những “sa mạc”, như Siêu thực, Tượng trưng, Biểu hiện, thơ Ngôn ngữ, Tân hình thức, Hậu hiện đại, Cổ điển mới..., tôi thấy sao chúng ta không tự tìm lấy một khuynh hướng, mà phải lệ thuộc vào “thằng Tây”? Những khuynh hướng ấy bên ngoài họ đã xếp vào viện bảo tàng từ thế kỷ trước, trong khi chúng ta vẫn lúng túng, tranh cãi... Vậy “thong dong” là cách tôi tìm về với cội nguồn thi ca, để cho cảm xúc trôi chảy tự nhiên và tìm cách nói hồn nhiên, tối giản, trong trẻo nhất" [55, tr.451].

Ngay từ những bài thơ đầu tay, Mai Văn Phấn đã chiếm được cảm tình của khá nhiều độc giả bằng những vần thơ trong sáng mà cũng không kém phần sâu sắc. Ông đã nhận được nhiều giải thưởng văn nghệ uy tín nhưng nhà thơ không chịu bằng lòng với thành quả đó, mà liên tục “vong thân”, liên tục leo núi, vượt biển không biết mệt mỏi và luôn hướng tới những sáng tác mới với sự đổi mới thi pháp đang chờ đợi phía chân trời.

Tuy nhiên, việc dứt bỏ quá khứ không bao giờ là một việc làm dễ dàng. Nhà thơ Inrasara cho rằng: “Mỗi bước đi, mỗi tập thơ của Phấn là một gãy gập, đứt khúc. Nỗ lực cắt đứt và chối bỏ, lưỡng lự rồi vượt qua - liên tục. Hiếm nhà thơ hôm nay dứt áo với quá khứ vừa đau đớn, nhọc nhằn vừa khó khăn như Mai Văn Phấn. Bỏ làm thơ trong thời gian dài, mãi sắp bước sang tuổi tứ thập anh mới xuất hiện trở lại” [25, tr.72]. Chính Mai Văn Phấn đã tự thú, suốt hai mươi năm qua, ông cùng với bao thế hệ thơ *"im trôi"*. *"Im trôi"* với tư duy thơ cũ, đồng lõa với nó: “*Trong hốc lặng/ tôi/ im trôi với bao người*” (Im trôi).

Nhưng rồi người nghệ sỹ ấy đã sớm nhận ra lối tư duy thơ cũ cần phải được loại bỏ và dũng cảm tìm đến, đối mặt với những thách thức mới: *"Biển nội giới rục lên/ hát trong trơ trụi, thất lạc, bung rã/ cây đông nhựa/ thân xác không kháng thể/ yên lặng chết/ Tất cả không sợ chết/ Phấn hoa rơi tung trộn xác bướm ong/ Tròng mắt nở bên ngoài mắt kính/ Lưỡi thiếu nữ ngủ trong hàm răng giả/ Nụ hôn quay về truy nã khoảng không/ Miệng khô đắng tiếng cười sặc nước"* (Được quyền nghĩ những điều đã ước).

Đọc thơ Mai Văn Phấn, ta nhận ra một lối sáng tác nhất quán là nhà thơ ít đưa vào thơ mình những hình ảnh xa lạ hay kì quái, ít sử dụng các biện pháp tu từ mà thiên về chuyển đạt những cảm giác và ý tưởng lạ thông qua những hình ảnh quen thuộc nhưng được tổ chức theo một cách hoàn toàn khác. Chẳng hạn, ông viết: *"Lỡ vin vào bóng mây qua/ Lỡ nghe đấm đuổi tiếng ma gọi đờ"* (Gom nhặt cuối mùa). Ở cặp lục bát này xuất hiện một thành tố cái thực *"vin vào bóng mây qua"* là ẩn dụ của tâm thức nhìn ngắm, chiêm nghiệm cái khoảnh khắc, cái nổi trôi biến đổi không ngừng qua từng khoảnh khắc của cuộc đời và một thành tố hư ảo *"tiếng ma gọi đờ"* biểu đạt ấn tượng, cảm giác, ngẫm nghĩ khác thường. Hai thành tố này có mối liên hệ chuyển hóa đến cái siêu nghiệm (tức nó không thuộc về lĩnh vực của kinh nghiệm tri giác thông thường). Nhà thơ Nguyễn Chí Hoan tỏ ra có lý khi nhận xét rằng: "những hình ảnh siêu nghiệm trong thơ anh phần lớn là hình ảnh cây cỏ đất trời bốn mùa đồng ruộng, cho đến lao động và vật dụng, sinh hoạt và nhân tình thế sự, thân thể và tình yêu – Tất cả, chuyển qua thế giới Mai Văn Phấn đều trở nên

lạ lùng khác thường; lạ lùng, nhưng đều toát ra vẻ đẹp của sự suy – nghĩ – lại, chiêm ngấm, và không mê muội" [28, tr.293].

Điều đáng trân trọng ở Mai Văn Phấn là trong quá trình thể nghiệm những phong cách mới, ông luôn có xu hướng nhìn lại mình: "*Ta cúi xuống cuống cuống thổi lửa/ Nhận ra mình là hòn than cháy dở đêm qua*" (Người cùng thời - Chương I). Khi chắc chắn rằng mình vẫn đang đi đúng hướng thì nhà thơ lại yên tâm bước tiếp trên con đường đầy thử thách và chông gai. Tuy nhiên, công bằng mà nói, sau những kiên trì thể nghiệm, có lúc Mai Văn Phấn đã đạt tới một cái gì đấy nhưng cũng có khi còn tỏ ra lúng túng, hoang mang với những liên tưởng rắc rối, bí hiểm, khó hiểu như một sự thách đố người đọc, chẳng hạn như những câu thơ sau đây: "*Những thừa ruộng, nóc nhà, bóng cây, mái tóc.../ Chuyển động lặng im, vụn rời, không quy luật/ Chúng chờ đợi tiếng cười tiếng khóc/ Nỗi lo âu tìm cột mốc vô tư/ Sự chân thành cảm hóa đối lừa/ Để tạm thời tạo nên cấu trúc*" (Cấu trúc tạm thời).

Tuy nhiên, những năm gần đây, thơ Mai Văn Phấn đã có sự “non xanh” trở lại, tránh được những liên tưởng rắc rối mà bài thơ *Nghe em qua điện thoại* là một ví dụ điển hình.

Nhìn lại cả hành trình thơ ông, ta thấy được một sự âm thầm quyết liệt, bền bỉ sáng tạo từ cái nền tảng truyền thống đến thơ cách tân để tạo nên chân dung một Mai Văn Phấn mới mẻ, sâu sắc, trữ tình với mỹ cảm mới. Đúng như nhà thơ Lê Xuân Đố nhận định: “Thơ Mai Văn Phấn đi từ hồn nhiên, đam mê, bốc lửa, đến bức xúc giằng xé quyết liệt, nghiệt ngã và cuối cùng thì cập bến ở một tâm thế thơ, tư tưởng thơ nhuần, nhuận mà không kém phần đa dạng, đa chiều, giữ được chất trữ tình trong cái mới thơ mình” [28, tr.287].

Còn theo nhà văn Đình Kính: “Hành trình thơ Mai Văn Phấn là quá trình nhận thức và đổi mới phương cách thể hiện. Cách thể hiện của Mai Văn Phấn là khát vọng trong ý thức đi tìm cái mới, cái đẹp; hay đúng hơn, anh muốn phản ánh, đặt tên lại các hiện tượng trong cuộc sống” [28, tr.9].

Đi theo xu hướng khẳng định sự thành công trong lối viết mới của Mai Văn

Phấn, người viết muốn chứng tỏ rằng, dòng chảy thi ca hiện nay rất nên, rất cần đa dạng, phong phú như chính cuộc sống đa dạng và phức tạp trong thời hiện đại.

1.2.3. Một hiện tượng đổi mới trong thơ Việt đương đại

Tạo ra phẩm chất thơ mới trong thơ Việt đương đại là khao khát, đích đến của Mai Văn Phấn. Nhìn lại lộ trình thơ Mai Văn Phấn cho thấy, nhà thơ đã được “khai tâm” bằng thơ truyền thống và liên tục làm những cuộc “lên đường” để đến với thi pháp hiện đại, cách tân sau này. Quá trình cách tân của thơ ông, chính là cách nhà thơ tìm về cội nguồn dân tộc bằng tâm thế con người đương đại, với cách nhìn mới, mang hệ quy chiếu thẩm mỹ mới... Sự “trở về” này của ông đã làm “sa bồi” thêm truyền thống thi ca của dân tộc Việt vốn có hàng ngàn năm trong lịch sử dựng nước và giữ nước vẻ vang. Mai Văn Phấn đã tâm sự, từng băng qua “các sa mạc khuynh hướng” để đến với giọng thơ hiện đại thuần Việt. Đó là giọng thơ xoá nhoà được ngôn ngữ thi ca với ngôn ngữ đời sống của con người hiện đại. Đọc những bài thơ Mai Văn Phấn sáng tác gần đây cho thấy, ông đã viết bằng ngôn ngữ giản dị, có lúc tối giản, trong sáng, nhưng các thi ảnh chuyển động với tốc độ lớn, dứt khoát hơn trước. Phải chăng, Mai Văn Phấn đã đồng hành được với đời sống công nghiệp hiện đại hôm nay. Thơ ông đã khám phá được vẻ đẹp của tâm hồn Việt trong thời đại mới với mọi chiều kích của cảm xúc, với những lo âu và hạnh phúc, nghi hoặc và đắm say, dằn vặt và hy vọng...

Mặc dù Mai Văn Phấn tỏ ra khá thành công trong chặng thơ đầu tiên với một loạt giải thưởng mà ông dành được. Tuy nhiên, ông đã cương quyết giã từ giọng điệu cũ, nhịp điệu cũ, chất liệu ngôn ngữ cũ với quyết tâm đi tìm một phẩm chất thơ mới cho mình và cho thế hệ mình: “*Dừng hát nữa lời ca thành thán khí!*” (Mùa hạ rất gần).

Và điều mà thơ Mai Văn Phấn tìm đến chính là để cho cảm xúc thơ trôi chảy một cách tự nhiên, trong trẻo, tươi non nhưng không đơn tuyến, không dễ dãi. Bằng sự nỗ lực hết mình, đến chặng thơ cuối, không ít bài thơ của Mai Văn Phấn đã đạt đến cái đích này. Chẳng hạn:

- Trong hơi ẩm nồng nàn/ Hạt nắng chảy vào em/ Mùa nước về rạo
rỡ/ Con ong rạch đường bay/ Gió lên thẳng đứng/ Cây cao vươn bóng anh/
Chim bồ câu ra ràng/ Sương đêm còn trùng tình dậy/ Lũ nắm rom mở mắt/
Trùm lên non nớt xanh (Giai điệu xuân)

- Thu về e ấp/ Cỏm non lãng đãng sương giăng/ Khăn áo ấy mịn màng
da thịt/ Dâng heo may lên trời/ Nhịp cốm già rộn mùa thóc nếp/ Thúng mủng
dần sàng vỏ trấu hây hây/ Trái bưởi thơm dịu nắng hanh/ Thanh khiết chùm
hoa mộc/ Giữa đất trời ngó sen sau mưa/ Da diết nhớ từng vòng cuộn xiết/
Lá sen xanh ủ cốm em anh/ Chín nẫu chân mây mùa hạ/ Đêm ái ân lặng
phắc ngon đèn/ Trái hồng đượm trong hương cốm nỡn (Cốm hương)

Đến bài *Em xa*, Mai Văn Phấn đã tìm ra giọng thơ của mình, định hình và phát triển nó lên ở những bài sau. Và bài *Nhật ký đô thị hóa* đã chứng minh sự trưởng thành của thơ Mai Văn Phấn.

Tuy khát khao đi tìm một phẩm chất mới cho thơ mình nhưng Mai Văn Phấn vẫn không xa rời truyền thống. Nhiều bạn đồng nghiệp của ông đều thống nhất với nhau ở quan điểm này. Nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên cho rằng, cả Mai Văn Phấn và Nguyễn Quang Thiều “trong phần thành công của mình, đều có cốt lõi dân tộc trong dáng vẻ hiện đại” [44, tr.39]. Còn theo Nguyễn Hưng Hải: Tất cả các tập thơ Mai Văn Phấn đã xuất bản (tính đến thời điểm 2007) cho thấy “thơ anh giàu triết lý, có sự giao thoa của các nền văn hoá, nhưng xuyên suốt vẫn là một giọng thơ mang ánh sáng văn hoá phương Đông” [14, tr.35].

Trên tinh thần ấy, ông mạnh dạn, tự tin cùng thơ hướng đến những tìm tòi, khai phá: “*Từ tưởng tượng/ Và những niềm khát vọng/ Tôi rút những mũi tên/ Ra đi tìm đích cho ngày/ .../ Từng mũi tên vạch đường bay vun vút*” (Mũi tên bóng tối).

* * *

*

Như vậy, Với Mai Văn Phấn, sáng tạo văn chương chính là hành trình đi tìm cái đẹp. Văn chương giúp con người trở nên cao quý hơn, giúp cho xã hội tốt đẹp hơn, thậm chí mang sứ mệnh cứu rỗi con người và thế giới. Văn chương còn mang

trong nó tính tiên tri và cảnh báo. Qua thi giới của mình cũng như các bài tiểu luận và trả lời phỏng vấn, nhà thơ đã bộc lộ quan điểm về việc đánh giá thơ, vấn đề cách tân thơ, mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tác phẩm văn học. Đồng thời, Mai Văn Phấn cũng chỉ ra rằng, mỗi thi nhân phải có trách nhiệm đổi mới mình, từ đó hướng đến đổi mới thi ca. Nhà thơ yêu cầu người làm thơ phải luôn có ý thức tích lũy kiến thức, sống có bản lĩnh, giữ vững cốt cách trong sáng, biết lạnh lùng với chính bản thân mình, dũng cảm nhìn lại mình một cách chân thực và chính xác, cũng như phải luôn sống trong sự cảnh tỉnh và tạo ra được cái tôi cá tính trong thơ. Cũng trong thơ mình, thi nhân đã phản ánh được khá đầy đủ các đặc điểm, trạng thái tâm lý cũng như tâm thế của con người sống trong thời hiện đại và đã dựng lên được một thế giới phồn sinh và hóa sinh bất định. Thế giới phồn sinh ấy được tập trung khai thác ở hai khía cạnh: phì nhiêu và sinh nở. Và hành trình thơ ông với ba chặng đường thơ (từ khởi đầu đến năm 1995; từ năm 1995 đến 2000; từ năm 2000 đến 2010) chính là quá trình nhận thức và đổi mới phong cách thể hiện (từ chỗ nghiêng về truyền thống, chưa tạo được nhiều chất riêng đến sự bứt phá mạnh mẽ trong thi pháp ở chặng thứ hai và gặt hái được nhiều thành công ở chặng cuối cùng), quá trình đi tìm phẩm chất mới cho thơ mình và cho thế hệ mình.

CHƯƠNG 2

KIỂU TƯ DUY THƠ, CÁC CHỦ ĐỀ CHÍNH VÀ CÁC HÌNH ẢNH MANG TÍNH BIỂU TƯỢNG TRONG THƠ MAI VĂN PHẤN

2.1. Kiểu tư duy thơ Mai Văn Phấn

Có thể hiểu khái quát rằng, tư duy nghệ thuật là tư duy tìm kiếm mọi hình thức thể hiện nội dung của các đối tượng tư duy và tìm những cách thể hiện rõ nhất, đặc trưng nhất, đầy đủ nhất, ấn tượng nhất của các nội dung đó thông qua phương tiện là các biểu tượng, tượng trưng có thể trực quan được.

Tư duy nghệ thuật là hoạt động trí tuệ của người nghệ sĩ. Trên cơ sở của tư duy nghệ thuật, nhà văn, nhà thơ hình thành nên các tư tưởng và quan niệm nghệ thuật của riêng mình. Và tư duy ấy chỉ mang lại hiệu quả khi nó gắn liền với tài năng sáng tạo và cảm nhận nhạy bén của con người về thời đại, về tương lai.

Vậy vì sao cần phải tìm hiểu tư duy thơ của một nhà thơ khi ta đi vào khám phá thế giới thi ca của họ? Chúng tôi tán thành ý kiến của Th.S. Trần Thiện Khanh rằng: “Tìm hiểu tư duy về thơ, chúng ta sẽ phần nào biết mô hình sáng tạo mang tính cá nhân đó như thế nào. Đọc thơ, theo hướng này là đọc cách thức tạo lập văn bản, đọc sự sáng tạo như một quá trình, một cách tạo nghĩa: một cách đọc động, không có khuôn mẫu cố định, biến đổi theo từng trường hợp cụ thể” [28, tr.492]. Và xét cho cùng, đổi mới tư duy thơ là cơ sở của việc đổi mới nội dung và hình thức thơ, cơ sở của sự cách tân, đồng thời cũng là yếu tố tiên quyết dẫn đến sự đổi mới trong quan niệm và trong nhận thức của người nghệ sĩ.

Trong số những tuyên bố mang tính “lý thuyết” của Mai Văn Phấn, nhiều độc giả quan tâm đến quan niệm “viết như là cuộc vong thân”. Rõ ràng, đây là một cách nói in đậm dấu ấn tư duy Mai Văn Phấn về sự cách tân, về nhu cầu tự thân phải làm mới trong thi ca. Tuyên bố này cũng được nhà thơ lặp lại nhiều lần vừa như một ý thức thường trực vừa như một cách tự họa con đường thơ của kẻ sáng tác.

Tư tưởng và quan niệm về thi ca của Mai Văn Phấn là một sự nhận thức sâu sắc về cuộc đời. Ông đã tạo được một chất thơ, giọng thơ riêng trong cái dàn hợp xướng của thời đại hôm nay. Và có lẽ, tất cả những điều đó được tạo ra từ nhiều hướng tư duy về thơ của Mai Văn Phấn, mà trước hết, đó là kiểu tư duy hiện thực và biến ảo.

2.1.1. Kiểu tư duy hiện thực và biến ảo

Theo PGS. TS. Hồ Thế Hà, “kiểu tư duy biến ảo là đặc trưng nổi bật trong thi pháp ngôn từ của thi sĩ tài hoa này” [28, tr.224]. Đây là kiểu tư duy mở rộng lôgic thông thường, chấp cánh cho tưởng tượng bao gồm cả suy tưởng: "*Con cá nhảy vào đám mây tự vẫn/ Buông ngang trời ngàn vạn lưới câu/.../ Đứng đến gần bóng râm/ Chúng là con quạ/ Xõa cánh lúc hoàng hôn, rạng đông*" (Biển tàu con quạ).

Thơ Mai Văn Phấn đến với khuynh hướng siêu thực như tiến trình trung gian, để rồi bước sang lĩnh vực huyền ảo một cách tự nhiên, giản dị, tất yếu. Chúng ta có thể thấy rõ điều này qua 9 nhịp của *Hình Đám Cỏ* ở tập thơ mới nhất của Mai Văn Phấn mang tên *Bầu trời không mái che*. Mỗi “nhịp” của bài thơ được phát triển trên cái nền cảm hứng bất tận về Thiên, Địa, Nhân. Những sự kiện, hiện tượng xuất hiện với tần suất cao trong mỗi nhịp thơ đều nằm trong một tổng thể là thế giới tự nhiên được quy chiếu vào đó qua lăng kính siêu thực. Từ bước sơn dương, cỏ cây, núi cao, con cá dưới sông động dục, tổ chim đến bức tường... tất cả được Mai Văn Phấn vẽ bằng những đường nét, mảng khối, màu sắc khác lạ: "*Bước sơn dương gõ lên mặt đất/ Thế giới từ nay không thể ngủ/ Động rộn sương đêm/ Cỏ cây, nắng mới/ Núi cao/ Chim chóc bay qua tảng đá xù xì/ Sông cuộn xiết con cá động dục lóe sáng mặt nước/ Mặt trời bên kia bức tường/ Vòm cây, tổ chim hơi thở ban mai*" (Hình Đám Cỏ - Nhịp I).

Nếu xét kỹ, ta sẽ thấy hình ảnh thơ trong *Hình Đám Cỏ* là khá đa dạng. Mỗi hiện tượng, sự vật ở đây không chỉ biểu thị một khái niệm, mà tùy vào hoàn cảnh cụ thể, chúng biến đổi theo thời gian, không gian, trong những mối quan hệ hết sức đa dạng. Mặt trời, mòm đá, bông hoa ở nhịp I hoàn toàn khác với mặt trời, mòm đá,

bông hoa ở nhịp III, nhịp IV. Cũng vậy, lá khô rụng và con giông cuối chiều ở nhịp II khác với nhịp VII. Xét một cách toàn diện, trong *Hình Đám Cỏ*, tư duy thơ Mai Văn Phấn thể hiện tính không đồng nhất về khái niệm. Ở mỗi nhịp thơ, tác giả đều biết cách làm mới những khái niệm cũ, hình ảnh cũ, không gian, thời gian và các mối tương tác cũ nhằm tránh sự nhàm chán trong cách cảm nhận thơ mình.

Cách thể hiện ấy của Mai Văn Phấn thể hiện khát vọng đi tìm cái mới, hay có lẽ nhà thơ muốn phản ánh, gọi tên các hiện tượng trong cuộc sống như nó vốn có. Với Mai Văn Phấn, cuộc sống vốn đa dạng, phong phú nên thơ ca cũng phải được gợi mở trong cấu trúc không gian đa chiều: "*Vọng trong cơn mơ thành tiếng sét/ trên giòng cũ/ mặt đất rộng lại về/ mùi ruộng ải dâng mưa mù mịt/ quỳên vào mồ hôi chiếu chăn/.../ tiếng kẹt cửa réo vang/ mở con đường*" (Tiếng kẹt cửa).

Đọc *Tiếng kẹt cửa*, ta thấy đây là lối tư duy lộn xộn, đa phương nhưng là *tư duy thực, tư duy đời sống*. Ký ức, những hình ảnh quá khứ, hiện tại, tương lai... có thể cùng lúc ùa về và mở ra nhiều cảm xúc, nhiều liên tưởng cho độc giả.

Mặc dù kiểu tư duy hiện thực và biến ảo không phải là nét độc đáo chỉ có ở Mai Văn Phấn nhưng sẽ là một thiếu sót nếu chúng ta không đề cập đến nó với tư cách là một nhân tố tạo nên thành công của thơ ông. Và thật khó có thể tách bạch các kiểu tư duy trong thơ Mai Văn Phấn, tuy nhiên, trong sự hòa trộn đa dạng, chúng ta cũng có thể tìm ra một số kiểu tư duy gần như xuyên suốt. Trong đó, có kiểu tư duy phi lí và tượng trưng.

2.1.2. Kiểu tư duy phi lí và tượng trưng

Tư duy phi lí hay còn gọi là tư duy phi logic là loại tư duy không dựa trên các mối liên hệ giữa các yếu tố của đối tượng hoặc giữa các đối tượng. Nhiều yếu tố không thuộc đối tượng nhưng lại được gán cho đối tượng hoặc những đối tượng vốn không có quan hệ với nhau lại bị buộc cho những quan hệ nào đó và ngược lại những yếu tố thuộc đối tượng lại bị tách khỏi đối tượng hoặc một số mối quan hệ tất yếu giữa các đối tượng lại bị cắt bỏ.

Loại tư duy này cùng với tư duy huyền ảo, cũng phủ nhận logic thông thường, chấp cánh cho tưởng tượng, bao gồm cả suy tưởng, thực ra cùng xuất phát

từ những bí ẩn của vô thức và tiềm thức. Trong nhiều bài thơ của mình, đặc biệt là tập *Hôm sau* (*Vẫn trấn tĩnh tiễn khách ra ngõ, Không thể tin, Quay theo mái nhà, Anh tôi, Tỉnh táo tốt cùng...*), Mai Văn Phấn đã vứt bỏ sự phân tích logic, đập tan các gông cùm của lí trí để tin cậy ở trực giác, giấc mơ, ảo giác, ở những linh cảm bản năng và sự tiên tri. Với bài thơ duy nhất (*Vẫn trấn tĩnh tiễn khách ra ngõ*) trong tập thơ này được viết trong một bầu không khí liêu trai, nhà thơ đã mang đến cho người đọc trạng thái kinh hãi, rùng rợn khi kể về một ông khách xuất hiện trong ngôi nhà của mình, đang trò chuyện với mình thực chất là một bóng ma: "*Pha xong ấm trà/ Quay ra/ Ông khách không còn ở đó/ Gọi điện thoại/ Người nhà bảo ông ấy mất đã bảy năm*" (*Vẫn trấn tĩnh tiễn khách ra ngõ*).

Chủ nhà tưởng mình nhầm lẫn, nhưng không phải, sau khi đi anh ta ra ngoài và về lại nhà thì: "*Trong nhà/ Trà vẫn nóng/ Đầy chén nước về phía ông khách đã ngồi./ Luồng tử khí cao chừng một mét sáu dựng đứng trước mặt/ Chốc lại cúi gập*" (*Vẫn trấn tĩnh tiễn khách ra ngõ*).

Hay ở thi phẩm *Quay theo mái nhà*, từ những điều tưởng như vô lí, Mai Văn Phấn đã lên tiếng cảnh báo con người về những nguy cơ mà họ phải đối mặt khi sống trong xã hội hiện đại: "*Tôi quay cùng chai lọ, con giống, bóng đèn... qua môi người thợ thổi thủy tinh, qua con chữ rừng mình nhìn bột giấy chìm trong thuốc tẩy. Những giọt mực tụ lại rồi loang xa như một vết dầu. Bộ quần áo trang nghiêm rũ xuống. Đây là giờ mặc niệm tờ tằm và những cây bông. Bóng tối nuốt sạch thực phẩm ôi thiu, không khái niệm về văn hóa ẩm thực. Hương trà thơm về rừng. Nước gào thét trong chiếc ấm bực đày*" (*Quay theo mái nhà*).

Đọc thơ Mai Văn Phấn, nếu xét kỹ thì những điều phi lý đều trở thành có lý và có ý nghĩa.

Về cơ bản, trong tác phẩm văn học, mọi tượng trưng đều là hình tượng (biểu tượng). Đọc thơ Mai Văn Phấn, ta bắt gặp một số biểu tượng có tính chất bao trùm tư duy thơ ông như biểu tượng về *đất đai, sông nước, cỏ cây*, biểu tượng về *ánh sáng, ban mai, ngọn lửa*, biểu tượng về *mẫu, quả chuông...* Biểu tượng trong văn chương có khả năng truyền cảm lớn, vừa khái quát được bản chất của một hiện

tượng nào đấy, vừa thể hiện một quan niệm, một tư tưởng hay một triết lí sâu xa về con người và cuộc đời. Chẳng hạn, biểu tượng *đất đai* tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở, biểu tượng *mưa* tượng trưng cho khát vọng tái sinh, sự công bằng, biểu tượng *ban mai* tượng trưng cho ánh sáng của sự sống muôn loài:

- *Đất mỡ màu quyện rạng đông dăng lên khuôn mặt/ dăng lên cỏ cây
phồn thực bời bời* (Bài hát mùa màng)

- *Em và anh tụ thành nước mát/ mưa xuống những nụ hôn làm lại thế
gian* (Những bông hoa mùa thu)

- *Ngày mới đến đưa bàn tay nắng ấm/ Lấy đi những hạt cuối cùng/
Tôi chénh choáng rỗng không chiếc hũ/ Đợi những mùa vàng rạo rực hiến
dâng* (Tự thú trước cánh đồng)

Về việc phân tích sâu hơn ý nghĩa của các biểu tượng trong thơ Mai Văn Phấn, người viết xin phép được trình bày ở phần sau của luận văn.

2.1.3. Kiểu tư duy liên tưởng, bắc cầu

Cùng với các kiểu tư duy hiện thực và biến ảo, phi lý và tượng trưng thì ngay từ những bài thơ đầu tay của Mai Văn Phấn, người đọc đã nhận ra lối tư duy liên tưởng, bắc cầu. Cũng như nhiều cây bút đương thời, thơ Mai Văn Phấn giai đoạn đầu còn bị dẫn dụ bởi tính truyền thống, nhưng đã hé lộ khuynh hướng cách tân, những tìm tòi độc đáo. Và đã ít nhiều nổi lên tranh luận qua những câu thơ như: "*Lờ vin vào bóng mây qua/ Lờ nghe đấm đuổi tiếng ma gọi đò./ Đầu kim tựa có ai chờ/ Khâu ta vào với ỡm ở xưa xưa*" (Gom nhặt cuối mùa).

Sự liên tưởng trong thơ Mai Văn Phấn càng về sau càng tăng thêm cấp độ, làm cho thơ ông trở lên đa thanh, đa nghĩa và đậm đặc tính triết lý: "*Hương hoa giăng với tơ tằm/ Ta hay con kén đang nằm trên nong./ Bầu trời tựa cái chén không / Đem hồn ta rót cho hồng chân mây*" (Rượu xuân).

Từ ý thức này, Mai Văn Phấn đã tự phá vỡ những trói buộc của vần điệu, thể loại. Thơ ông trở lên phóng khoáng hơn, mới mẻ hơn, khỏe khoắn hơn trong thể thơ tự do. Nhà thơ ngày càng chú ý hơn đến việc xâu chuỗi những ý tưởng thành tư tưởng vì thế thơ ông ngày càng dồn nén hơn, tâm trạng hơn: "*Sớm/ Hái bông*

hoa hồng / Chiều/ Gai cào mộng寐 / Sẹo/ Lên xanh biếc thê / Gai/ Trong hồn đom hoa” (Gai).

Là một nghệ sỹ thực thụ, Mai Văn Phấn dị ứng với cái cũ, cái lỗi thời. Nhà thơ hăm hở khai phá những miền đất mới và mang theo nhiều khát vọng về sự đổi thay: *"Những hạt giống vừa chạm vào ánh sáng/ Chợt hiện bao điều chẳng thấy trong mơ/ Rom rạ mọc dâng lên từ đất ẩm/ Gió xước qua bụi gai trong lúc giao mùa/ Ngày mới đến đưa bàn tay nắng ấm/ Để lấy đi những hạt cuối cùng/ Tôi chệnh choáng rộng không chiếc hũ/ Đợi những mùa vàng rạo rực hiến dâng"* (Tự thú trước cánh đồng).

Có thể nói, công việc cần làm của mỗi nhà nghiên cứu, phê bình thơ là phải tìm cách nắm bắt cho được tư duy nghệ thuật của nhà thơ thông qua các bài phát biểu, trả lời phỏng vấn hay tác phẩm của họ. Bởi lẽ, đó chính là chiếc chìa khóa vàng để mở cánh cửa bước vào ngôi nhà thơ mà khám phá bao điều bí mật mà thú vị. Khi tiếp cận thế giới thơ Mai Văn Phấn, chúng tôi bước đầu khám phá ra một số kiểu tư duy mang tính chất tiêu biểu, đó là: kiểu tư duy hiện thực và biến ảo; phi lý và tượng trưng; liên tưởng, bắc cầu. Tuy nhiên, việc phân loại các kiểu tư duy thơ Mai Văn Phấn như trên chỉ mang tính chất tương đối vì bản thân chúng vẫn có mối liên hệ với nhau. Từ việc tìm ra các kiểu tư duy thơ đặc trưng của Mai Văn Phấn, người viết hy vọng sẽ giúp bạn đọc dễ dàng hơn khi tiếp cận thơ ông – một vấn đề khó và thách thức ngay cả đối với giới nghiên cứu, phê bình chuyên nghiệp.

2.2. Các chủ đề chính trong thơ Mai Văn Phấn

Thơ Mai Văn Phấn đề cập đến nhiều chủ đề, đề tài khác nhau, nhưng nhìn một cách khái quát có thể thấy thơ ông nổi lên ba mảng chủ đề, đề tài chính: tình yêu, thiên nhiên – vũ trụ, tâm linh. Công bằng mà nói, tình yêu vốn là một đề tài lớn trong thơ ca nói chung và thơ Mai Văn Phấn nói riêng. Tuy nhiên, về cơ bản, "chủ đề bao giờ cũng được hình thành và được thể hiện trên cơ sở đề tài" [15, tr.61]. Nếu chủ đề giúp chúng ta giải đáp câu hỏi "Vấn đề cơ bản của tác phẩm là gì?" thì đề tài lại giúp ta xác định "tác phẩm viết về cái gì?". Như vậy, hai khái niệm này có mối liên hệ mật thiết với nhau. Do đó, để đáp ứng yêu cầu thống nhất tên gọi cho các

tiểu mục thuộc đề mục này, chúng tôi xin phép được sử dụng khái niệm chủ đề.

2.2.1. Chủ đề tình yêu

Tình yêu luôn đóng vai trò là cứu cánh cho cuộc đời mỗi con người, là đề tài khơi nguồn cảm hứng bất tận cho mỗi nghệ sỹ. Nhiều nhà thơ từng tâm sự: không đa tình sao trở thành thi nhân? Phải chăng vì thế mà thơ Mai Văn Phấn cũng hướng đến một vùng thẩm mỹ vô cùng quen thuộc của thi ca, đó chính là tình yêu.

Tiếp cận thơ Mai Văn Phấn một cách có hệ thống và nghiêm túc, chúng ta sẽ thấy nhà thơ Nguyễn Hoàng Đức rất có lý khi khẳng định rằng: “Mai Văn Phấn cũng lao vào lãnh địa sex, nhưng khác hẳn mọi người, Mai Văn Phấn đã tán phong cho chiếc giường tình ái thành những miền ảo ảnh - bay bổng những hân hoan lý tưởng và siêu việt, vì thế ái tình đã đánh rơi mọi ngôn từ phơi lộ trực tiếp để trở thành một mảnh đất bông lai mộng mơ nào đó” [28, tr.354].

Cái khác trong thơ tình của Mai Văn Phấn là ông không nhìn bạn tình như một hình thể giới tính gợi dục trực tiếp mà coi họ là một người bạn tri âm tri kỷ. Sự hoan lạc trong tình yêu với ông là sự hòa nhập cả tâm hồn và thể xác để hai người cùng nhau trôi đến cõi bông lai: *"Bờ vai em bức tượng ngày xa/ Anh giấu kín ngăn sách/ Ngọn đời kêu hãnh/ Nâng anh gió mạnh/ Cây cầu bắc qua tháng ngày/ Nơi lũ trẻ giữ bao bí ẩn/ Vật cỏ mềm cơn mơ âu yếm/ Quán chặt anh chần ám sơ sinh"* (Hình Đám Cỏ - Nhịp V).

Những vần thơ tình yêu thường được khơi nguồn cảm hứng từ sự cô đơn hoặc là tiếng nói tràn ngập hạnh phúc của một tình yêu đã đơm hoa kết trái. Mai Văn Phấn cũng vậy, ông đến với tình ái bởi thấy cuộc đời mình thiếu vắng vô tận, thiếu khuyết đến một nửa để rồi nhà thơ nghĩ mình không bao giờ là một chỉnh thể toàn vẹn: *"Lúc cô đơn anh nghĩ/ là nửa trái cây/ nửa tiếng chim hót/ nửa hang sâu/ một phần tiếng động/ nửa con cá/ một góc thân tàu/ nửa lặng im nói vào mặt phẳng..."* (Hình Đám Cỏ - Nhịp VII).

Tất cả những đối tượng được nhà thơ đưa ra để so sánh với bản thân khi tồn tại dưới dạng “một nửa” đều trong trạng thái chết, đều vô nghĩa hoặc không tồn tại. Vì thế, nói điều này nhà thơ muốn gửi đến người tình của mình một thông

điệp: Nếu đời anh mà không có em thì sự tồn tại của anh trên đời sẽ thành vô nghĩa, anh sẽ không còn là chính mình nữa và chỉ khi nào hai chúng ta hòa làm một thì cuộc đời này sẽ nở hoa, cuộc sống của anh mới có ý nghĩa. Mai Văn Phấn coi *em* và *tình yêu* là cội nguồn cứu rỗi, là mảnh phao bám víu giữa hoang mang trần thế này.

Và cũng chính sự cô đơn ấy đã biến thành trận cuồng phong của nỗi khát khao tình yêu trong thơ Mai Văn Phấn. Trận cuồng phong ấy dường như muốn xé nát, đập vỡ tất cả: "*Nhoài lên mồm đá sắc/ Thân thể gió trảy xước/ Máu của gió là mưa/ Nắng nhỏ xuống/ .../ Giang tay núi đập chân vào đất/ Vò nát/ Xé toang thân gió/ Ánh sao rơi/ Buổi sớm vỡ oà*" (Đỉnh gió).

Đọc thơ tình của Mai Văn Phấn, ta thấy có một sự trộn lẫn đầy vui sướng ghen ngào giữa sự đồng điệu về tâm hồn và cảm giác dục tình không chỉ thông qua các hình ảnh mà còn được thể hiện bằng một ngôn ngữ hào phóng: "*ngựa thỏ dốc/ bời ngợp cảm giác cỏ/ chùm lưỡi điều nhau đứt cuống/ xuyên qua tim lẫn vào đất trời/ nở những bàn tay sau lưng tươi tốt/ anh dừng mãnh lún sâu/ chờ sinh lại trong tóc mềm/ phủ nồng mắt đại/ đi ra lững thững/ ngạo nghệ tượng đài/ chợt bôi xóa những điều đã biết/ đã biết/ vùi trong mặt trời, đêm sâu, nước đọng/ bôi xóa thân căng mọng/ ngón ngón mài xiết/ rên rỉ mây bay/ kéo căng tiếng đế/ nước bỗng reo qua miệng sông đầy/ cây lay giật thúc vòm lá rối/ men lao đao dốc ngược đáy bình/ chảy qua miệng anh/ mềm mại em/ sữa thơm hay cỏ non vừa mọc*" (Được quyền nghĩ những điều đã ước).

Thơ tình Mai Văn Phấn hầu như bài nào cũng giàu những hình ảnh phồn sinh, thấy bề bộn hơi thở đời thường cùng với những nỗi lo toan thường nhật. Nhưng ẩn sâu trong đó là những khoảnh khắc thiêng liêng dành cho tình yêu. Và tình yêu trong ông không đơn giản là chiếc giường hoan lạc mà nó là cả một quá trình được bắt nguồn từ hang thăm cô đơn, đời sống, đời yêu và đời tái sinh. Cuối cùng là đời được chào đón hài nhi bé bỏng sau một cuộc sinh thành đầy đớn đau nhưng cũng tràn ngập hạnh phúc. Một cuộc tạo sinh kỳ vĩ:

*"Ngọn cây vươn mỏ con chim
Đang cúi xuống mổ vào miệng con từng hóp gió*

...

*Đặt con lên đất
Lòng sông đau xé thân đêm*

...

*Giọng nói rất gần
Dưới bình minh con hãy lột xác!"*

(Cửa mẫu)

Thơ tình yêu của Mai Văn Phấn có nhiều bài nhắm thẳng vào tình dục không một chút né tránh. Tuy nhiên, điều đáng nói là đọc thơ tình của ông, người đọc không thấy gợi lên bất cứ một câu dung tục nào, không có những hình ảnh phàm tục nơi đời thường ô hợp mà tình ái thân xác hiện lên trong vẻ đẹp lộng lẫy và lý tưởng để cùng với sự đồng điệu tâm hồn cất cánh bay vào thiên đường của hạnh phúc. Trong số đó, có lẽ bài thơ kì vĩ nhất là bài *Những bông hoa mùa thu*. Nó giống như bản giao hưởng về sức mạnh của sự khao khát những thể nghiệm hân hoan trong tình yêu: *"Ngựa hoang tung vó trên thảo nguyên/ kéo mây làm gió, sấm chớp/ .../ Biến anh thành bó đuốc, que diêm, sáp nến.../ Đồi môi thiêu đốt những vùng đất rộng/ Cặp mắt vẫn vẹn hung đại/ nổ tung từng trái cây đơn độc"* (Những bông hoa mùa thu).

Một điều đặc biệt chỉ có ở Mai Văn Phấn là ông coi sự gần gũi trong tình yêu là một thứ nghi lễ. Trong thơ ông, ân ái trở thành nghi lễ giao linh thiêng liêng của con người:

- Vừa chạm vào bờ ánh sáng/ Anh quỳ xuống/ Em hiện thân trong chiếc áo thiên thần/ Lấy một ít nước gọi lên máu và sữa cỏ/ Em dịu dàng rửa tội cho anh (Nghi lễ cuối cùng)

- Anh mơ được em gieo trồng trên ngực/ Bàn tay dịu dàng vun vào da thịt/ Hôn lên tai anh lời chăm bón thì thảo/ Anh cựa mình nồng nàn toi xóp./ .../ Từng giọt mát lành thấm nhuần trong đất/ Tươi từ môi anh đến

*gót chân em/ Anh ngỡ mình được phép lành thánh thể/ Đêm vừa qua hay
đã mấy nghìn năm (Bài ca buổi sớm)*

Nếu như Gioan trong thánh kinh đạo Cơ đốc đã làm phép rửa cho Chúa Giêsu bằng nước của dòng sông Giordan nhằm mục đích tẩy rửa tội lỗi; nếu như người Ấn Độ tin rằng khi tắm mình trong dòng nước của con sông Hằng thiêng liêng thì họ sẽ được thanh sạch về cả thể xác và tâm hồn thì Mai Văn Phan tìm đến nghi lễ rửa tội từ bàn tay và trái tim em. Rồi họ hợp lại thành mưa nắng, mùa màng, tái sinh đất đai, tái sinh thế giới bằng chính tình yêu thương mật ngọt: *"Em và anh tụ thành nước mát/ mưa xuống những nụ hôn làm lại thế gian"* (Những bông hoa mùa thu).

Trong thơ Mai Văn Phan, ngay cả những bài thơ viết về tình yêu gắn liền với tình dục thì chuyện ân ái lứa đôi cũng hiện lên với vẻ đẹp thanh sạch, thánh thiện. Nó không bao giờ chỉ đơn giản là sự kết hợp giữa người nam và người nữ theo quy luật sinh tồn muôn đời của tạo hóa, mà nó là sự kết hợp âm dương theo lẽ tự nhiên của đất trời. Những bài thơ *Nơi trời rộng, Được quyền nghĩ những điều đã ước, Anh anh em em...* nằm trong mạch cảm hứng ấy: *"Diên cuồng đỉnh thác buông/ Tiếng thác hay tiếng hú, tiếng rên, tiếng nói.../ Những bọt nước tung lên và chạy ra xa/ hắt vào nhau ánh cầu vồng ngũ sắc./ Ra biển một mình/ Nỗi nhớ buộc vào chân tóc/ Cơ thể em trước đại dương phân phật"* (Anh anh em em).

Như vậy, Mai Văn Phan quan niệm, tình yêu phải là sự hòa hợp cả về thể xác lẫn tâm hồn. Nó là phương tiện giải thoát con người khỏi trạng thái cô đơn và là nhân tố quan trọng khiến cuộc sống của họ trở lên có ý nghĩa hơn. Tình yêu đối với thi nhân luôn gắn liền với trạng thái phồn sinh. Cái tài của Mai Văn Phan khi viết thơ tình là luôn mang đến cho người đọc cảm giác thanh sạch, thánh thiện ngay cả khi ông đề cập đến chuyện dục tình. Đặc biệt, trong thơ ông, tình yêu đã trở thành nghi lễ giao linh thiêng liêng của con người. Đây chính là điểm khác biệt rõ nét nhất giữa thơ tình của Mai Văn Phan với các nhà thơ khác.

2.2.2. Chủ đề thiên nhiên và vũ trụ

Có nhiều ý kiến cho rằng, cùng với tình yêu thì thiên nhiên cũng là miền

vọng tưởng lớn nhất của thơ Mai Văn Phấn. Thi nhân thường tìm đến với thiên nhiên như một cứu cánh để giải bày tâm sự, để chuyển tải những thông điệp cho người đọc. Thiên nhiên trong thơ Mai Văn Phấn mang nhiều màu sắc sinh động. Ta bắt gặp ở tập thơ *Bầu trời không mái che* của Mai Văn Phấn một thiên nhiên tinh khôi và hoang dã như tự thở hồng hoang trong *Hình Đám Cỏ*: "*Hừng đông sinh muông thú, cây trái, tiếng động/ Hoa lồng đèn, mai dạ thảo tươi ròn/ Màu rạng đông chìm vào đất/ Tan trong sóng lớn/ Hắt vòm lá xanh/ Con vành khuyên xoá mọi dấu vết/ Ngực sơn dương mở lớn/ Sau lưng hừng đông*" (Hình Đám Cỏ - Nhịp III).

Ở hầu khắp các bài thơ trong các tập thơ của Mai Văn Phấn, chúng ta đều có thể tìm thấy mối quan hệ giữa con người, thiên nhiên và cội nguồn:

- Những bức ảnh thiếu sáng, những trái cây chín ép và giấc mơ rụng cánh trước cơn mưa, chậm chậm trôi ngược dòng ký ức.

Theo ngọn gió mở cánh đồng buổi sớm, ùa vào những căn phòng lẫn bụi và ánh sáng, lau mồ hôi vừa tắm gội giấc mơ.

Và như thế, cội nguồn trong gang tấc, lúc quay về là đi hết đời mình, hay chờ luân hồi trở lại kiếp sau.

Những linh hồn kia chưa kịp đầu thai, đang ngưng lại nơi không gian thờ phụng, bay lửng lơ rồi nấp vào bái vật giáo bất động

(Bức ảnh, trái cây và giấc mơ)

- Cùng rền rĩ trong mê man cơn sốt/ Cho tầng lá già lênh đênh chưa kịp mục/ Cho bết rết vào thịt da những mùa ngũ cốc/ Nước mắt ban mai trở những đòng đòng./ Trên ngực bùn nâu đã linh thiêng ban lộc/ Máu hồi sinh rần rật chạy qua/ Thấy nghĩa địa lặn đi thành vết sẹo/ Thấp thoáng người xưa tỉnh lại cấy cà./ Và nhảy múa với các hình nhân bên bằng rom ra/ Sống động không gian chất ngất ngày mùa (Hồi sinh)

Đặc biệt, trong thơ Mai Văn Phấn, con người và thiên nhiên luôn tồn tại trong mối liên hệ mật thiết. Thiên nhiên ấy không đơn thuần là những vật thể vô tri vô giác mà nó có hồn, nó có những quyền lực riêng và có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực lên đời sống con người tùy vào thái độ ứng xử của con người với thiên

nhiên. Chẳng hạn, việc con người khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách tràn lan, bừa bãi sẽ dẫn tới tài nguyên bị cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm, lũ lụt, hạn hán... Điều này sẽ tác động tiêu cực đến chất lượng cuộc sống con người không chỉ thế hệ hôm nay và cả mai sau.

Viết về thiên nhiên, Mai Văn Phan lấy cảm hứng vũ trụ làm cảm hứng trung tâm. Nhà thơ đặt vạn vật trong mối quan hệ với vũ trụ để khám phá, tìm kiếm sự vĩ đại trong cái nhỏ nhoi, tầm thường. Các bài thơ *Sẽ mưa*, *Đêm lập xuân*, *Cửa mậu*, *Đỉnh gió*, *Hình Đám Cỏ*, *Nhìn anh* là những biểu hiện rõ nét của cảm hứng này:

*"Trăng tỏa mềm đất rộng. Mặt đất lặng thình dưới sức mạnh trắng.
Như những làn roi ngựa hần lên vai, quất mạnh xuống lưng anh. Gió./ Gió tung bồm đột ngọt/ tiếng vó anh khua vào xa tít"* (Nhìn anh).

Đọc bài thơ này, ta nhìn thấy rất rõ mối quan hệ giữa thiên nhiên, vũ trụ và con người. Nhân vật "anh" hòa mình vào đất trời và cảm nhận được mọi sự thay đổi tế vi nhất của thiên nhiên. Những cơn gió mát lành trong đêm trăng sáng được "anh" cảm nhận như "những làn roi ngựa hần lên vai, quất mạnh xuống lưng" – một sự liên tưởng rất mới lạ.

Còn ở bài *Đỉnh gió*, nhà thơ mượn những hình ảnh thiên nhiên để diễn tả chuyện ân ái của con người: *"Tìm miệng anh gieo hạt/ Gió níu chân tay đất diu dàng/ Lao xuống vực/ Thối rỗng lòng đòi núi/ Ngực gió thả trôi/ Vòn trên đất/ Chớp sáng nứt vỏ/ Mùa xuân trào miệng hạt/ Chờ nảy lá mầm/ Gió mang mặt đất đi* (Đỉnh gió).

Đặc biệt, hình ảnh *trăng* được thi nhân đề cập nhiều lần và mở rộng biên độ với nhiều hình thức diễn đạt như *mặt trăng*, *ánh trăng*, *vạt trăng*, *dòng trăng*, *vàng trăng*, *giọt giọt trăng khuya*... Bởi lẽ, cùng với đất đai, sông nước, cây cỏ thì vũ trụ, trăng sao thật gần gũi với con người, là một phần không thể thiếu, không thể tách rời khỏi con người: *"Trăng đã về bên kia/ Phủ lên những nụ hôn khác/ Màn sương, mùi cỏ khác/ Nơi ấy một dòng kênh/ Bóng con thuyền nhỏ qua cầu/ Bờ đá nằm im nghe mờ hôi lạ/ Giọt giọt trăng khuya/ Bàn tay em tìm trăng/ Từng ngón đêm lóe sáng/ Một con đường thanh sạch/ Thức dậy làn hương/ Chuỗi thanh âm tràn dâng*

ngày/ Men theo trăng, cười nói trăng/ Nghẹn thở một màu trong suốt" (Mùa trăng).

Cùng với đề tài tình yêu thì thiên nhiên và vũ trụ cũng trở thành nguồn cảm hứng xuyên suốt trong thơ Mai Văn Phấn. Trong con mắt của thi nhân, thiên nhiên và con người có mối quan hệ gắn bó mật thiết và thật gần gũi. Đọc thơ ông, ta thấy hiện lên một thiên nhiên tinh khôi, hoang dã và mang trong nó một vẻ đẹp, một linh hồn, một sức mạnh diệu kì. Thiên nhiên có thể tô điểm, làm phong phú, giàu có cho cuộc sống của con người cũng có thể tàn phá tất cả những gì tốt đẹp mà loài người đang sở hữu. Qua thơ mình, dường như thi nhân muốn cảnh báo con người trong thái độ ứng xử với tự nhiên.

2.2.3. Chủ đề tâm linh

Có thể nói, ý niệm tâm linh giống như luồng sáng thanh sạch, linh thiêng soi rọi, phủ ngập lộ trình thơ Mai Văn Phấn. Ngay ở thời kỳ đầu, nó cũng đã được bộc lộ qua những câu thơ viết về chủ đề đời sống thường nhật hay chủ đề về tín ngưỡng, tôn giáo như:

*- Biết ơn sợi tóc trên đầu/ Buộc ta vào những nhiệm màu khói sương
(Bâng quơ)*

*- Hoàng hôn như một cửa chùa/ Hư không trên ngón tay vừa đi qua/
Ta ngồi nhập định cùng hoa/ Thành chuông ai thỉnh ngân nga cỏ mềm/ Cầm
tay gió dắt vào đêm/ Mà hôn xanh lờ để quên cuối trời/ Dấu chân xin cát chớ
vùi/ Cho ta về lại luân hồi kiếp sau (Qua hoàng hôn)*

*- Mỗi góc tối trong tôi đang ngậm lấy âm thanh như ngậm vào vú mẹ,
từ miệng mình he hé ánh sáng bỗng bé nhau thông thả tràn vào (Viết cho
cây sáo)*

*- Dọn nhà thủy táng cả chân nhang/ Sao hương khói vẫn còn quanh
quẩn... (Linh hồn đã bay...)*

Đến thời kỳ sau, ý niệm tâm linh đã bùng sáng trong tập *Bầu trời không mái che*. Theo nhà thơ Lê Vũ "*Bầu trời không mái che*, ba phần chia biệt nhưng là một thể thống nhất trong cái nhìn đậm màu sắc tâm linh của Mai Văn Phấn về thế giới

mà nổi lên là mối quan hệ giữa thiên nhiên và người, giữa động và tĩnh, giữa sinh và tử, giữa tình và dục" [75].

Ở phần *Cửa mầu*, Mai Văn Phấn đã chỉ ra rằng sự sống của nhân loại được sinh sôi và bao bọc bởi người Mẹ Cả khác – đó là thiên nhiên, vũ trụ: "*Mầu nâng niu con ánh trăng/ Tiếng chuyền cành, tiếng hú/ Da thịt con yêu trái sâu đêm tối/ Dựng tầng mây mưa nguồn/.../ Ngọn cây vươn mở con chim/ Đang cúi xuống móm vào miệng con từng hóp gió/ .../ Con sơ sinh trên đất/ Bơi qua sông con nòng nọc đứt đuôi/ Tập vỗ cánh, quạt gió vào lòng tổ/ Bật lá mầm bay đi thênh thang*" (Cửa mầu).

Cũng ở bài thơ này, nhà thơ đã xâu chuỗi, đóng đinh niềm tin của mình vào quy luật vận động đời người: sinh – lão – bệnh – tử. Chín phân đoạn nhỏ của *Cửa Mầu* giúp ta hình dung được một cách đầy đủ về những chặng đời của con người từ thuở sơ sinh (I, II), dần lớn lên (III), đấu tranh để sinh tồn (IV, V), già lão và tật bệnh (VI, VII), hoài niệm ấu thơ (VIII), lời kinh cầu siêu thoát (IX). Đọc bài thơ *Cửa Mầu* cũng như một số bài thơ tâm linh khác, ta hiểu thêm quan niệm về vũ trụ quan, đặc biệt về tôn giáo của nhà thơ. Trong bài *Mai Văn Phấn: Vượt Thoát Về Phía Trong Veo*, nhà thơ Nguyễn Hiệp đã ghi lại tâm sự của ông: "Tôi sinh ra trong gia đình theo đạo Thiên Chúa. Từ nhỏ tôi rất ngoan đạo, thuộc kinh bản và thông thạo Kinh Tân Ước và Cựu Ước, các sách thánh, mê hát thánh ca... Sau này khi du học ở Liên Xô cũ (1983-1984), tôi đã gặp vợ tôi bây giờ - một người theo Đạo Phật. Tôi đã đến với Phật giáo bằng tình yêu và cả sự chiều chuộng người tôi yêu nữa. Khi nghiên cứu các giáo lý của các tôn giáo lớn trên thế giới, tôi nhận ra rằng: Thượng Đế chỉ có một. Và, chắc chắn chúng ta được sinh ra và bị chi phối bởi một Đấng-Toàn-Năng. Đấng-Toàn-Năng cho con người biết được "gần đúng" khuôn mặt và tinh thần của Ngài thông qua các hình thức tôn giáo mà thôi..." [Nguồn <http://www.vanvn.net/news/20/1801-mai-van-phan--vuot-thoat-ve-phia-trong-veo.html>].

Đọc thơ Mai Văn Phấn, ta thấy ông quan tâm nhiều đến cái gọi là hư vô. Xúc cảm về hư vô là một cảm xúc căn bản của nhân sinh và là một điều kiện thiết yếu cho sự sáng tạo, bởi nó là một kinh nghiệm vô tiền khoáng hậu về tự do, là một kinh nghiệm về sự thoát ra, vượt ra ngoài vương quốc của kinh nghiệm (không thể dùng

kinh nghiệm sống để nhận thức được): "*Một thời phờ phạc thiên di/ Tìm trong bóng nước thấy gì nữa đâu/ Mảng đêm đập cánh đi mau/ Giọt sương trong mát trên đầu hư không...*" (Thay lời chim làm tổ).

Bên cạnh đó, nhà thơ cũng chú tâm khai thác những xúc cảm siêu nghiệm với hàng loạt bài thơ ngắn như *Vẫn trấn tĩnh tiễn khách ra ngõ, Anh tôi, Đúng vậy, Không thể tin, Quay theo mái nhà, Ở những đỉnh cột...* Các bài thơ này đề cập đến hành vi ứng xử của con người cá nhân một cách rõ hơn hẳn những bài thơ tương tự trước đây.

Có thể nói, từ xưa đến nay có bao nhiêu người làm thơ thì có bấy nhiêu người coi tình yêu và thiên nhiên là những nguồn cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của mình. Bởi một lẽ rất giản đơn, con người không thể sống nếu thiếu tình yêu thương và họ cũng không thể tách khỏi mối tương quan với tự nhiên. Tuy nhiên, khi đến với các chủ đề quen thuộc này, Mai Văn Phấn đã tạo được một cách nói khác rất riêng biệt và độc đáo. Chẳng hạn, chỉ có Mai Văn Phấn mới coi sự gần gũi trong tình yêu là một nghi lễ giao linh thiêng liêng của con người hay dùng những hình ảnh thiên nhiên để diễn tả chuyện ân ái nam - nữ. Bên cạnh đó, ý niệm tâm linh cũng là nguồn cảm hứng quan trọng góp phần tạo nên chất riêng trong phong cách thơ Mai Văn Phấn. Và cũng như nhiều nhà thơ khác, Mai Văn Phấn trong sáng tạo nghệ thuật cũng tìm đến với những hình ảnh mang tính biểu tượng cho thơ mình.

2.3. Các hình ảnh mang tính biểu tượng trong thơ Mai Văn Phấn

Theo PGS. TS. Văn Giá, trong rất nhiều thi ảnh bề bộn trong thơ Mai Văn Phấn, có ba hình ảnh cô đọng và tiêu biểu nhất: *Đất đai, Ánh sáng* và *Người tình* (được gọi là *Em*). Cả ba hình ảnh này đều nằm trong sự quy chiếu của lẽ phồn sinh và hóa sinh bất định với tất cả sự sống động của chúng. Còn nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên lại phát hiện ra trong thơ Mai Văn Phấn có rất nhiều *ban mai* và *ngọn lửa*. Tuy nhiên, theo khảo sát của chúng tôi, ngoài các hình ảnh tiêu biểu nói trên còn có nhiều hình ảnh khác cũng xuất hiện với một tần số cao trong thơ ông như: hình ảnh *sông nước, cỏ cây*; hình ảnh *người mẹ, quả chuông...* Trong số đó,

nhều biểu tượng vốn quen thuộc trong thơ Việt nhưng lại được nhà thơ tái hiện trong một trật tự, một logic mới để tái sinh với một vẻ đẹp, sức mạnh khác.

TS. Nguyễn Đức Hạnh nhận định: "mỗi bài thơ của Mai Văn Phấn là một ngôi nhà, các biểu tượng là vật liệu. Cách kết nối các biểu tượng ấy theo logic “nhảy cóc, liên tưởng xa và lạ” đã tạo ra một thế giới vừa quen vừa lạ, đặc biệt rất độc đáo" [28, tr.316]. Cùng với việc tạo ra những cấu trúc mới cho từng biểu tượng, Mai Văn Phấn đã để cho người đọc thỏa sức tưởng tượng và nhà thơ như đang mời gọi người đọc cùng sáng tạo với ông để giải mã những “khoảng trắng thâm mĩ” mà thi sỹ tạo ra trong thơ mình.

Bảng thống kê số lần xuất hiện của các hình ảnh mang tính biểu tượng trong thơ Mai Văn Phấn

<i>STT</i>	<i>Hình ảnh</i>	<i>Số lần xuất hiện</i>
1	Đất đai	265
2	Sông nước	691
3	Cỏ cây	756
4	Ánh sáng	355
5	Ban mai	92
6	Ngọn lửa	74
7	Người mẹ	65
8	Người tình	367
9	Quả chuông	33

Cũng xin được lưu ý rằng, phạm vi khảo sát các hình ảnh mang tính biểu tượng nêu trên chỉ được giới hạn trong phần thơ của công trình *Thơ tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn*, NXB Hội Nhà văn, 2011.

2.3.1. Hình ảnh đất đai, sông nước, cỏ cây

2.3.1.1. Hình ảnh đất đai

Trước hết, chúng tôi xin được nói về hình ảnh *đất đai*. Trong thơ Mai Văn Phấn, hình ảnh này có mật độ dày đặc. Theo thống kê của chúng tôi, trong *Thơ*

tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn, đất cùng những đồng vị của nó như bùn, phù sa, ruộng, bờ vùng bờ thửa, triền bãi, con đê, cánh đồng, mặt đất... xuất hiện đến 265 lần.

Trong tâm thức của người Việt, đất vốn được hình dung như là mẹ, mang tính mẫu, gắn liền với sự bình yên, che chở, sự sinh sôi nảy nở. Mai Văn Phấn cũng mang tâm thức này khi sáng tạo:

- *Kìa thửa ruộng đang vươn lên che chở những ngôi nhà* (Cầu trúc tạm thời)

- *Lao vào đất những ngón chân khát nước/ Chiếc lá mới nhô lên đặt lại ca từ* (Sáng mùa hè)

- *Hạt giống mới nảy mầm trên đất, gọi dòng sông lên tiếng thở sâu, cùng mương máng dọc ngang đến giờ mở mắt* (Người cùng thời – Chương III)

- *Trên ngực bùn nâu đã linh thiêng ban lộc/ Máu hồi sinh rần rật chạy qua/ .../ Tôi gượng dậy giữa cánh đồng rộng lớn/ Có con nước cuồn cuộn chảy dọc sông lưng* (Hồi sinh)

- *Đất mỡ màu quện rạn đông dăng lên khuôn mặt/ dăng lên cỏ cây phồn thực bời bời* (Bài hát mùa màng)

- *Tùng chiếc sừng trâu nhô từ hốc tối/ Đội đất lên cho cỏ mọc/ Thổi hơi ấm vào nơi mục rã/ Những vong linh vật vã đòi tái sinh* (Mùa hạ rất gần)

Bên cạnh đó, đất trong thơ Mai Văn Phấn còn mang vóc dáng, suy tư của phận người: *"Mẹ ơi mẹ! Giờ con thấy bóng râm từ bùn đất/ Đất ở dưới chân mà cao hơn những suy nghĩ của mình"* (Nhật ký đô thị hóa).

Tuy nhiên, cái khác biệt của thơ ông là đất đai còn được ví với người đàn ông: *"Đất đai - người đàn ông nằm ngủ/ .../ Trên ngực còn vương tro than của mùa đốt đồng"* (Sau mùa gặt). Ở đây, biện pháp nghệ thuật liên tưởng được nhà thơ vận dụng rất linh hoạt. Hình ảnh "người đàn ông nằm ngủ" – giấc ngủ trể tràng gợi ra một đêm hoan lạc đầy khát khao, mãnh liệt để phục vụ cuộc sinh nở vĩ đại, hướng đến tái sinh thế giới.

Rồi ở một bài thơ khác, nhà thơ lại sử dụng một loạt những từ ngữ vốn được dùng để nói về đất đai mà diễn tả khát khao ái ân nam – nữ: "*Anh mơ được em gieo trồng trên ngực/ Bàn tay dịu dàng vun vào da thịt/ Hôn lên tai anh lời chăm bón thì thào/ Anh cựa mình nông nà tươi xốp*" (Bài ca buổi sớm).

Tại sao lại có một sự khác biệt như vậy? Thì ra, đã có lần Mai Văn Phấn tâm sự: "*Ta thêm một lần nhân danh đất đai*" (Khúc phóng túng). Cách nói này thể hiện rõ khát vọng tái sinh của nhà thơ.

Như vậy, biểu tượng *đất đai* trong thơ Mai Văn Phấn mang trong nó những giá trị ổn định của văn hóa Việt, đồng thời cũng tìm đến những diễn đạt mới lạ góp phần tạo nên nét độc đáo cho thơ ông.

2.3.1.2. Hình ảnh sông nước

Nước là thành tố có vai trò rất quan trọng trong đời sống con người. Nó là ngọn nguồn cuộc sống. *Nước* vốn được coi là “vật chất nguyên thủy” của vũ trụ. Theo chuyên ngành sinh học thì mầm mống sự sống bắt đầu từ các hạt coaxecva ở biển. Trong cơ thể con người chiếm hơn 70% là *nước*. Địa cầu chúng ta *nước* chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích. Và không chỉ là khởi nguồn sự sống của con người và mọi loài sinh vật trong vũ trụ, mà *nước* trong tâm thức của người Việt còn gắn liền với đời sống lao động sản xuất, nghề nghiệp, lối sống, cách ứng xử, cảm quan triết lý, tâm linh và tín ngưỡng riêng. Bởi lẽ, người Việt thuộc nhóm cư dân trồng lúa nước điển hình ở Đông Nam Á và cũng là chủ nhân của *nền văn minh lúa nước* ở khu vực này.

Về đặc tính của *nước*: *Nước* là chất lỏng, không có hình dạng. Hình dạng của *nước* do các vật thể chứa nó qui định. Điều đó cho thấy *nước* có tính linh hoạt. Nó luôn có xu hướng chảy về chỗ thấp, tạo nên sự cân bằng (mặt *nước*) và luôn lách ở bất cứ khe hở nào. *Nước* tồn tại ở ba dạng: rắn, lỏng, khí. *Nước* vừa có mặt mạnh vừa có mặt yếu. Trong nền văn hóa thế giới nói chung và với người Việt nói riêng, *nước* là mầm sống cũng là mạch chết. *Nước* vừa có chức năng tạo dựng lại vừa có sức mạnh phá hủy. Trận đại hồng thủy trong *Kinh Thánh* của đạo Cơ Đốc có ngụ ý như vậy. Còn truyện *Son tinh*, *Thủy tinh* lưu truyền bao đời nay trong văn

học Việt cho thấy mỗi hiểm họa của con người là *nước*. *Nước* trở thành yếu tố hàng đầu của sự phá hủy (thủy, hỏa, đạo, tặc). Bên cạnh đó, *nước* còn được coi là phương tiện thanh tẩy và là biểu tượng của khả năng sinh sôi, nảy nở.

Trong *Thơ tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn*, biểu tượng *sông nước* cũng xuất hiện dày đặc với 691 lần. Trong đó, *Sông* cùng những đồng vị như *biển, hồ, thác, ao, đầm, suối, lạch nguồn, đại dương, bể, mạch ngầm, giếng, kênh, dòng chảy, dòng thủy lực...* và *nước* cùng những đồng vị *mưa, sóng, swong, hơi nước...* xuất hiện nhiều trong thơ ông, nhất là ở giai đoạn sau.

Ở chặng đường thơ đầu tiên, *nước* trong thơ Mai Văn Phấn từ ý nghĩa diễn tả sự trôi chảy khách quan về thời gian, sự chuyển giao mùa màng đến ý nghĩa thể hiện sự hữu hạn của kiếp người: "*Hóa thân giọt nước mùa hè/ Một đêm trở gió bay về với thu*" (Khúc cảm mùa thu). Với hai cách hiểu này, *nước* trong thơ ông đã thể hiện rõ tính chất linh hoạt, biến hóa của nó.

Bước sang giai đoạn thứ hai, trong trường ca *Người cùng thời* thêm một lần nữa Mai Văn Phấn lại đề cập đến tính linh hoạt của *nước*: "*Một người để nước mắt rơi/ Mặn mòi lặn khắp mặt người yêu thương...*" (Người cùng thời - Chương IV). Nhưng ngay sau đó, thi nhân đã mang đến cho bạn đọc một cách cảm nhận hoàn toàn mới về hình tượng này: "*Thoáng đâu vại nước hoa cau/ Nơi cha mẹ đã tin nhau một đời*" (Người cùng thời - Chương V). Hình ảnh "*vại nước hoa cau*" tạo ra nhiều cách hiểu. Đó có thể là vại nước có hoa cau rụng xuống, vại nước đặt ngoài sân dưới cây cau hay bất kì vại nước nào khác của làng quê Việt thanh bình thời xưa... Một cách kết hợp hoàn toàn mới lạ.

Nước trong thơ Mai Văn Phấn còn là biểu tượng của sự tái sinh, của khả năng sinh sôi, nảy nở và của sự thanh tẩy:

- *Đã tỉnh lại cánh đồng mỗi một trong hạt mưa vang tiếng sấm đầu mùa, những khoai sắn tự tin trong đất, lúa chạy thẳng hàng chân không vướng vào nhau* (Người cùng thời - Chương III)

- *Ta gọi nhau trước rạng đông lúc còn mê ngủ/ Ánh sáng tràn qua thanh bạch dịu dàng/ Anh cùng em tái sinh từ nước trong, khí sạch/ Nụ hôn*

bay lên tắm rửa bình minh (Người cùng thời - Chương IX)

- *Nước ấm nóng mở đầu nghi lễ thanh tẩy/ Lăn tron anh chuỗi hạt xỏ tung* (Hình Đám Cỏ - Nhịp IV)

Vẫn nằm trong mạch cảm hứng ấy, thơ Mai Văn Phấn giai đoạn cuối vẫn đầy ắp những biểu tượng về *nước* với ý nghĩa *nước* là nguồn gốc sự sống và là yếu tố tái sinh thể xác và tinh thần:

- *Những hạt mưa rơi xuống. Em nhắc chúng ta từng là giọt nước. Trong lành em rơi xuống anh. Để anh biết thiên nhiên và đồ vật quanh mình đều bằng nước* (Mưa trong đất)

- *Một giọt nước vừa tan/ Một mầm cây bật dậy/ Một quả chín vừa bung/ Một con suối vừa chảy* (Nghe em qua điện thoại)

- *Em và anh tụ thành nước mát/ mưa xuống những nụ hôn làm lại thế gian* (Những bông hoa mùa thu)

Nhìn chung, ý nghĩa biểu tượng *nước* trong thơ Mai Văn Phấn cũng không nằm ngoài ý nghĩa của biểu tượng này trong nền văn hóa thế giới: khởi nguồn của sự sống, tính linh hoạt, sự phồn sinh, sự tái sinh, sự thanh tẩy... Tuy nhiên, bằng nhiều cách diễn đạt mới và lạ, nhà thơ đã cho chúng ta thấy ý thức lao động chuyên nghiệp, nghiêm túc và sự tìm tòi, sáng tạo không ngừng nghỉ rất đáng trân trọng của mình.

2.3.1.3. Hình ảnh cỏ cây

Phải chăng Mai Văn Phấn tin một cách tuyệt đối vào mối quan hệ khăng khít, mật thiết không thể tách rời giữa con người và thiên nhiên nên trong thơ ông, hình ảnh *cỏ cây* (một dạng thức của thiên nhiên) mới xuất hiện nhiều đến thế. Nó chiếm tỷ trọng cao nhất trong số những hình ảnh mang tính biểu tượng của thơ ông. Theo thống kê của nhà văn Nguyễn Tham Thiện Kế, “Mai Văn Phấn sở hữu dư Một Trăm Linh Một Câu Thơ về Cỏ” [28, tr.373]. Còn theo thống kê của chúng tôi, hình ảnh *cỏ* trực tiếp xuất hiện 127 lần trong *Thơ tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn* và những hình ảnh thuộc về *cỏ cây* nói chung như: *cây, hoa, lá, quả, hạt, củ, đọt mầm, rễ...* thì có đến 629 lần xuất hiện. Đây quả là những con số đáng ngạc nhiên.

Ngay từ tập *Gọi xanh*, Mai Văn Phấn đã tái hiện được khá nhiều màu sắc, hương vị của *cỏ cây*. Có lẽ, xuất phát từ tình yêu thiên nhiên thiết tha nên dù chỉ là một tán cây nhỏ nhồi trên đảo hoang cũng đủ gọi lên trong lòng nhà thơ bao cảm xúc thi ca: "*Cây mọc vô tình bên mép đá/ Tán xanh như mùa gấc gốc như quỳ*" (Cây trên đảo).

Nhà thơ luôn biết cách để tâm tình của mình hòa nhập với thiên nhiên và qua đó, tiếng thơ của ông càng trở nên bay bổng, thanh thoát hơn. Khi đặt chân lên miền đất đế đô cổ kính, linh thiêng, thi nhân đi từ ngõ ngàng đến mê đắm và rồi bản thân, bàng lảng trước một khoảng không gian đầy dấu ấn lịch sử và huyền tích: "*Cây lá ở Nghi Tàm/ Thon những bàn tay Phật/ Ta nhìn vào sương tan/ Thấy lòng mình trong vắt./ Tiếng thời gian khoan nhặt/ Bên thềm rêu gọi hè/ Không gian như phủ chúa/ Hoa cười vang cung mê/ Ai đang dẫn ta về/ Thành Thăng Long mây khói/ Nền xưa và dấu xe...*" (Nghi Tàm).

Bên cạnh những vần thơ viết về thiên nhiên nói chung, Mai Văn Phấn còn dành một số lượng lớn câu thơ để viết về *cỏ* với một hơi thở mới, chưa từng có trên thi đàn Việt Nam: "*Thôi đừng đỗ cỏ lên trời/ Khi tan mộng寐 biết ngòi với ai/ Dấu chân đừng hóa chông gai/ Nép vào bóng xế dĩa mài hoàng hôn/ Ta về đổ bóng xuống vườn/ Cho xanh tươi lại từng cơn úa vàng/ Ghé môi vào miệng thời gian/ Cho hơi thở mọc vô vàn cỏ non*" (Tản mạn về cỏ).

Hình ảnh trung tâm là *cỏ* được nhà thơ để cho hóa thân thành một nhân cách nào đấy có hồn đang trong tình trạng bị "*đỗ lên trời*" nhưng đồng thời nó cũng là một đối tượng để "*mộng寐*" cùng nhân vật trữ tình. Tính chất mập mờ về nhân cách *cỏ* phần nào được làm sáng tỏ ở hai câu cuối bài: "*miệng thời gian*" ẩn chứa đục tính và tự động chuyển sang ý nghĩa của tuổi trẻ "*cỏ non*". Và theo thống kê của PGS. TS. Đào Duy Hiệp, trong thơ Mai Văn Phấn, số lượng *cỏ non*, *xanh* chiếm kỉ lục so với các kết hợp khác: "*cỏ mềm, vạt cỏ dài, sữa cỏ, cỏ đêm, cỏ dại, cỏ hoang, cỏ gai, cỏ mịn, cỏ nát...*" [28, tr.62].

Từ đây, hình ảnh *cỏ* được Mai Văn Phấn khai triển, làm cho bung nở với nhiều trạng thái mới. Với quan niệm vạn vật hữu linh, Mai Văn Phấn coi *cỏ dại*

cũng là loài thiêng liêng. Chúng cũng tâm linh như chư phật. Thực ra, mọi sự phân biệt đều do tâm trí tạo ra. Dù là cỏ dại hay hoa hồng/ hoa ly hoặc bất cứ loài hoa nào khác đều giống nhau ở chỗ là có tác dụng làm đẹp cho cuộc sống này. Nhìn cỏ dại lay động, nhảy múa trong gió, trong ánh mặt trời... ta nhận ra chúng chẳng thiếu thứ gì của hoa hồng – thứ hoa vốn được coi là "nữ hoàng" của vương quốc hoa. Trong thơ Mai Văn Phấn, *cỏ* vô tri mà lại có hồn, nó luôn hiện diện cùng với những triết lý về con người và cuộc đời:

- *Hoa tàn cây vẫn còn đau / Hương thơm quyến luyến trên đầu cỏ xanh*
(Kính cầu ban mai)

- *Gần em cho mưa bay/ cỏ dưới chân đang hàn gắn thế giới* (Những bông hoa mùa thu)

Với 127 lần xuất hiện, *cỏ* hiện lên như một ám ảnh trong tâm thức sáng tạo của thi nhân. Ít nhất trong thơ tuyển của ông đã có đến ba bài với nhan đề chứa từ *cỏ*: *Tản mạn về cỏ*; *Khai bút cùng cỏ* và *Hình Đám Cỏ*. Đặc biệt, ở trường ca *Người cùng thời* và hai bài thơ dài *Những bông hoa mùa thu* và *Hình Đám Cỏ* tần số từ *cỏ* xuất hiện đã đạt đến mức kỷ lục (riêng ở *Hình Đám Cỏ*, từ *cỏ* xuất hiện tới 21 lần).

Vẫn mang tính chất mộng mị của *cỏ* ở giai đoạn đầu, tuy nhiên ở giai đoạn thứ hai, hình ảnh *cỏ* đã ít nhiều mang hơi hướng của công nghệ hiện đại: "*Ta nhận biết mình trong tiếng chim mê ngủ/ Ngọn cỏ mơ màng ngậm những vì sao/ Ngọn gió sớm đặt tay lên bàn phím/ Gương mặt ai vào vùng nhớ hôm nào*" (Người cùng thời – Chương I).

Những hình ảnh đậm đặc chất siêu thực như "*tiếng chim mê ngủ*", ngọn cỏ "*ngậm những vì sao*", ngọn gió "*đặt tay lên bàn phím*" và "*Gương mặt ai vào vùng nhớ hôm nào*" đã cho thấy, hình ảnh *cỏ* trong thơ Mai Văn Phấn đã hướng tới một nội hàm khác trước.

Bước sang giai đoạn thứ ba, hình ảnh *cỏ* trong thơ Mai Văn Phấn xuất hiện với một sắc thái khác:

- *Mưa cơ thể em sáng láng/ Phấn phơ vũ điệu cỏ cây* (*Hình Đám Cỏ - Nhịp V*)

- *Mặt cỏ phun nhuộm khí trùm lấp/ Phấn khích giờ tạo thiên lập địa/
Mùa mới đợi chờ cỏ xanh cắt sát gốc/ Những móng vuốt tì chân cỏ bật căng/
Cỏ non kinh động/ Càng chồi lên mở lại những chân trời (Hình Đám Cỏ -
Nhịp IX)*

- *Bên nhau cỏ mọc/ Cỏ diễn tiếp giấc mơ của đất/ Lưng thắm cỏ, chân
tay thắm cỏ/ Không cần sấm chớp, tụ mây/ ta mưa vào nhau cơn mưa cỏ xanh/
nắng lại trái vàng mặt đất/ Mưa cỏ xanh dâng mắt ta ngập tận đỉnh cây/ Ta
đan vào nhau nghệt thở... ngô nghê... ú ó... (Những bông hoa mùa thu)*

Qua những vần thơ này, phải chăng Mai Văn Phấn muốn nhấn mạnh khía cạnh tính dục, sinh sản, sức khỏe của “cây đời”. Hình ảnh *cỏ* ở đây vẫn mang hơi hướng mộng mị ở hai giai đoạn trước, nhưng đậm dục tính nhân sinh qua các bộ phận cơ thể người như *lưng*, *chân tay*. Và có lẽ, tinh thần này xuất phát từ biểu tượng của văn hóa thế giới: *cỏ* là biểu tượng của tất cả những gì chữa khỏi bệnh, tái lập sự sống, trả lại sức khỏe, sự cường tráng và khả năng sinh sản.

Như vậy, biểu tượng *cỏ* trong thơ Mai Văn Phấn có tác dụng làm chất xúc tác cho sáng tạo nghệ thuật và là biểu tượng về tính dục, sự sinh sản, sức khỏe, mang theo triết lý về con người, cuộc đời, cội rễ.

Khẳng định sự thành công của Mai Văn Phấn khi viết về *cỏ*, nhà văn Nguyễn Tham Thiện Kế cho rằng: ông “là nhà thơ đặc biệt thành công ở Hình Tượng Ngọn Cỏ. Sau ông - sẽ là cả những thách thức cho những ai định *viết về cỏ như là một đối nhân tùy biến trong thơ*” [28, tr.373].

2.3.2. Hình ảnh ánh sáng, ban mai, ngọn lửa

Bên cạnh các hình ảnh *đất đai*, *sông nước*, *cỏ cây*, hình ảnh *ánh sáng*, *ban mai*, *ngọn lửa* cũng có mặt tràn lan trong thi giới Mai Văn Phấn. Từ bao đời nay, *ánh sáng*, *ban mai*, *ngọn lửa* luôn tượng trưng cho sự sống của con người và muôn loài trong vũ trụ. Hãy thử hình dung xem trái đất này sẽ ra sao nếu thiếu *ánh sáng*. *Ban mai* của ngày mới là thứ quà tặng tuyệt vời mà tạo hóa dành cho muôn loài sống trên trái đất. Còn *lửa* lại là một phát minh mang tính đột phá của loài người. Nói điều này để thấy rằng, không phải ngẫu nhiên mà các hình ảnh này lại xuất hiện

trong thơ Mai Văn Phan với một tần số cao như vậy.

2.3.2.1. Hình ảnh ánh sáng

Trước hết, xin được nói về hình ảnh *ánh sáng* - một hình ảnh xuất hiện với tần số đáng nể trong *Thơ tuyển Mai Văn Phan cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn*: 355 lần. Hình ảnh *ánh sáng* trực tiếp xuất hiện tuy không nhiều nhưng các đồng vị tương ứng của nó như: *ánh cầu vồng, ánh lân tinh, ánh hào quang, tia chớp, tia sáng, ánh ngày, ánh nắng, vệt sáng, rạng, chói lòa, chói gắt, ngọn nến, ánh đuốc, ngọn đèn, ngọn hải đăng, que diêm, than hồng, trăng, sao, mặt trời...* chiếm số lượng rất lớn.

Một điều hiển nhiên là chỉ nơi nào có *ánh sáng*, ở nơi đó mới có sự sống, có sự phì nhiêu, sinh nở, hóa sinh và có già từ bóng tối, chết chóc, hủy diệt. Nhìn lại toàn bộ thi giới Mai Văn Phan thì tinh thần được thể hiện một cách nhất quán. Thơ ông đề cập đến thời khắc tạo sinh lộng lẫy và màu nhiệm của muôn loài trong vũ trụ dưới ánh hào quang của vầng mặt trời mà chủ yếu là *ánh sáng* ban mai:

- *Vườn thẳng/ Tán cây quang hợp mặt trời/ Lá chồng lên nhau hoan
hí/ Bật dậy thở chung dòng nhựa/ Máu từ đất đai chạy qua bàn chân* (Hình Đám Cỏ - Nhịp VI)

- *Có giọt sương đêm qua đang cựa mình thẳng hoa dưới ánh mặt trời*
(Hải Phòng trước năm 2000)

Cùng với vai trò tái sinh thế giới, *ánh sáng* trong thơ Mai Văn Phan còn là chứng nhân tuyệt vời cho giây phút thẳng hoa của tình yêu tuổi trẻ: "*Anh bước lên vạt nắng/ Một con thuyền ban mai/ Em bảo hãy chờ để khóa chặt cổng*" (Vườn em). Tuy nhiên, một điều dễ nhận thấy trong thơ ông là ngay cả ở những bài thơ trực tiếp đề cập đến chuyện ái ân, công khai sử dụng các yếu tố dục tính như *Được quyền nghĩ những điều đã ước, Gió thổi, Mười bài tập mùa xuân, Dấu vết bình minh...* thì vẫn hết sức kín đáo bởi dục tính ở đây hiện lên trong sự hướng đạo của *ánh sáng* tình yêu và tính thiêng liêng của trạng thái phồn sinh nên về cơ bản là mang tính duy mỹ.

Bên cạnh đó, *ánh sáng* trong thơ Mai Văn Phan còn tượng trưng cho lẽ công

bằng. Đứng trước *ánh sáng*, tội lỗi của con người như được tỏ hiện: "*Mặt trời lên/ Một vị quan tòa/ Từng nổi oan/ Dẫn ra từ bóng tối/ Từng cái chết/ Dẫn ra từ bóng tối/ Mặt đất uy nghiêm/ Minh bạch/ Nhân từ*" (Người cùng thời – Chương IV).

Ở một bài thơ khác, *ánh sáng* của ngọn đèn, thứ *ánh sáng* của không gian gia đình, của tâm linh, của yêu thương lại được nhà thơ chọn làm phương tiện thanh tẩy tâm hồn mình: "*thanh tẩy mãi vẫn không thấy sạch/ quay về tắm bằng ngọn đèn/ .../ tắm gội cho mùa xuân về*" (Tắm đầu năm). Công bằng mà nói, hình ảnh *ánh sáng* không có gì xa lạ trong thi ảnh của nhiều nhà thơ. Nhưng trong thơ Mai Văn Phấn, *ánh sáng* bùng lên đồng nghĩa với sự sống ngời hiện, đồng nghĩa với việc con người được thanh tẩy để trở về với cái chân – thiện - mỹ tự nhiên, vốn có mà tạo hóa đã ban tặng. Thi nhân trong bài thơ đã “lặn” vào vùng sáng để rồi tâm hồn và thể xác bùng lên trong *ánh sáng* ấy như ngọn lửa.

Như vậy, trong thơ Mai Văn Phấn hình ảnh *ánh sáng* tượng trưng cho sự sống, sự phì nhiêu, sinh nở, cho lẽ công bằng. *Ánh sáng* luôn đồng hành cùng những phút giây hạnh phúc của tình yêu tuổi trẻ và nó còn là phương tiện thanh tẩy cả thể xác lẫn tâm hồn con người.

2.3.2.2. Hình ảnh ban mai

Đọc thơ Mai Văn Phấn, ta thấy xuất hiện rất nhiều những *ban mai*. Theo thống kê của chúng tôi, trong *Thơ tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn*, *ban mai* cùng những đồng vị của nó như *hừng đông*, *nắng sớm*, *nắng mới*, *buổi sớm*, *sớm mai*, *rạng đông*, *bình minh*... xuất hiện đến 92 lần.

Ban mai – cái nguyên sơ, trong trẻo của buổi đầu ngày mang ý nghĩa hồi sinh có mặt trong suốt hành trình thơ Mai Văn Phấn. Ngay ở chặng thơ đầu Mai Văn Phấn đã có *Kinh cầu ban mai*, *Qua hoàng hôn* với nỗi khắc khoải, ngóng chờ ban mai của ngày mới: "*Mắt bừng ra lúc rạng đông/ Chân trời hồng hể phập phồng ngón chân*" (Kinh cầu ban mai); "*Cầm tay gió dắt vào đêm/ Mà hồn xanh lơ để quên cuối trời/ Dấu chân xin cát chớ vùi/ Cho ta niệm chắc ban mai lại về*" (Qua hoàng hôn).

Không chỉ dừng lại ở các bài thơ lẻ, Mai Văn Phấn còn thể hiện nỗi khát khao *ban mai* qua cách ông đặt tên cho "đứa con tinh thần" của mình *Cầu nguyện ban mai*. *Ban mai* xuất hiện cũng là lúc bóng đêm bị chôn vùi, mọi vật sẽ được tái sinh trong một sức sống mới và tiếp tục sinh nở, phát triển dưới ánh sáng của *ban mai*: "*Tất cả đã thức dậy khuấy loăng những u mê cho rõ khuôn mặt mình để chờ đón ban mai. Vàng mặt trời vừa tìm được lối ra khỏi đêm tối. Đàn sao mộng du thôi không phát sáng, hoảng hốt theo nhau trút lại màn đêm sùng ướt ao tù. Bầu trời cánh đồng phơi ra và cây cối nghẹn ngào tiếng ban mai ngấm vào mạch đất, ngấm vào ngực ta làm tế bào vụt mới tinh sương với đợt sóng ủa về bồi đắp. Đám mây mờ màu phồn thực trôi đi, mục ra cho kịp thời vụ /.../ Giờ những bàn tay tự do thức dậy, biết cộng lực cho nhau khi bình minh đang đến tái sinh"* (Người cùng thời – Chương VI).

Trong tâm thức của nhà thơ, *ban mai* của ngày mới còn gắn liền với niềm hạnh phúc của mỗi con người:

- ... *Phía cha mơ có ban mai đến sớm, ban mai ấy giống như con dấu khóc hay cười đều làm sáng lên lớp bụi trần gian, sáng lên những đường kỷ hà trên nền thổ cẩm. Trên hương án tổ tiên những bài vị nhang đèn đang tự lự một điều gì âm ỉ. Sau tiếng đàn đá trống đồng, cha đứng ngậy nhìn đàn chim Lạc bay qua...*

Con đã thức dậy trong ban mai của cha. Phía chân trời hừng đông như trẻ thơ bụ bẫm đang duỗi dài khoái hoạt. Vài tia sáng đầu tiên giải bày niềm hân hoan trên thềm cửa, rồi đưa những ngón tay mềm âu yếm đỡ con đi (Lúc mặt trời mọc)

- *Những mặt người chờ đợi dưới hừng đông/ Nỗi đau sáng lên soi niềm vui dung dị/ Không gian, thời gian mách bảo bình minh/ Tiếng cười nói ân tình rạng rỡ* (Người cùng thời – Chương V)

Có *ban mai* là có ánh sáng. Mà ánh sáng lại mang đến sự sống cho muôn loài:

- *Động rợn sương đêm/ Cỏ cây, nắng mới/ Núi cao/ Chim chóc bay*

qua tảng đá xù xì/ Sông cuộn xiết con cá động đục lóe sáng mặt nước/ Mặt trời bên kia bức tường/ Vòm cây, tổ chim hơi thở ban mai (Hình đám cỏ - Nhịp I)

- Hùng đông sinh muông thú, trái cây, tiếng động/ Hoa lồng đèn, mai dạ thảo tươi ròn/ Màu rạng đông chìm vào đất/ Tan trong sóng lớn/ Hắt vòm lá xanh/ Con vành khuyên xóa mọi dấu vết/ Ngực sơn dương mở lớn sau lưng hùng đông (Hình đám cỏ - Nhịp III)

Không chỉ có vậy, *ban mai* trong thơ Mai Văn Phan còn là hiện thân của sự sinh sôi nảy nở, sự tái sinh: "*Ngày mới đến đưa bàn tay nắng ấm/ Lấy đi những hạt cuối cùng/ Tôi chénh choáng rỗng không chiếc hũ/ Đợi những mùa vàng, rạo rục hiến dâng*" (Tự thú trước cánh đồng).

Ban mai của vàng mặt trời trong thơ Mai Văn Phan còn có tác dụng khơi nguồn sáng tạo nơi con người:

- Và ban mai đến/ Lũ trẻ ùa ra từ chiếc bình kia/ Hân hoan chạy tới bên xưa/ Vẽ hình hài thế kỷ sau trên mặt cát bây giờ (Người cùng thời – Chương IX)

- Rạng đông hình lưỡi hái/ Phát quang rừng cỏ đêm/ Những đám mây hoang dại/ rủ chúng ta đi tìm (Người cùng thời – Chương I)

Chính vì thế, người thơ hân hoan chào đón *ban mai* và tự coi mình là con của *ban mai*, là người ca hát *ban mai*:

- Giờ Tổ quốc cùng tôi mỗi buổi sớm lại tung bưng tái hiện, mang khuôn mặt mình thời mọc tóc thay răng (Người cùng thời – Chương III)

- Ấy là dấu hiệu tái sinh/ Hay bắt đầu những điều trọng đại/ Chưa kịp xúc động/ Mới mơ hồ nhận ra/ Ban mai đã cuốn lấy ta những vòng tã lót (Khúc dạo đầu)

Qua phân tích, có thể thấy nỗi khát *ban mai* là nỗi khát khao thường trực trong thơ Mai Văn Phan. Bởi với ông, *ban mai* của ngày mới mang đến sự sống cho muôn loài, gắn liền với niềm hạnh phúc, may mắn và là hiện thân của sự sinh sôi nảy nở, sự tái sinh. Không chỉ có vậy, *ban mai* ấy còn có tác dụng khơi nguồn sáng

tạo nơi con người. Chẳng thế mà người thơ luôn say sưa ca hát *ban mai* trong niềm hạnh phúc vô bờ bến.

2.3.2.3. Hình ảnh ngọn lửa

Thực ra, *ban mai* hay *ngọn lửa* cũng chỉ là một dạng thức khác của *ánh sáng*. Tuy nhiên, nếu *ban mai* là của đất trời thì *ngọn lửa* lại là của con người, do con người tạo ra; và nếu *ban mai* có thể xóa tan bóng đêm thì *lửa* chỉ có thể soi tỏ bóng đêm. Do đó, để *lửa* phát huy hết tác dụng, vai trò của nó thì lửa người phải nhập cùng lửa trời. Từ khi tìm ra *lửa*, con người mới chính thức bước vào một nền văn minh mới, đã từ lối sống mê muội, tăm tối trước đó. Vì thế, *lửa* không chỉ mang đến sự sống mà còn tượng trưng cho nền văn minh của loài người.

Có lẽ Mai Văn Phan đã ý thức sâu sắc vai trò của *lửa* trong đời sống con người mà hình ảnh này trong thơ ông mới dày đến thế. Theo thống kê của chúng tôi, hình ảnh *ngọn lửa* cùng những đồng vị của nó như *đám cháy*, *bếp lửa*, *lưỡi lửa*, *tàn lửa*, *giàn lửa*, *ngọn đuốc*... xuất hiện 74 lần trong *Thơ tuyển Mai Văn Phan cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn*.

Từ bao đời nay, *ngọn lửa* tượng trưng cho lòng ham sống, sự cuồng nhiệt của tuổi trẻ, tình yêu: "*Cùng góp với ai ngọn lửa/ Dẫu là mình thành lá khô*" (Anh về); "*Xưa có con tim nào hóa đá/ Để một ngày cho đá hóa con tim/ Để bàn chân ta sáng lên ngọn lửa/ Thắp lên phần cháy dở đêm qua*" (Người cùng thời – Chương I); "*Dáng cây ngơ ngẩn buông chùng/ Trái tim nhóm lửa ngập ngừng ánh lên*" (Người cùng thời – Chương VIII).

Những đồng vị của *lửa* như *ngọn nến*, *đèn lồng*, *đèn hoa đăng*... trong nhiều thời khắc khi được thắp lên đã tạo ra một khung cảnh rất nên thơ, một bầu không khí lãng mạn. Trong thơ Mai Văn Phan, *ngọn lửa* cũng gắn liền với thời khắc của hạnh phúc, của những thăng hoa trong tình yêu đôi lứa: "*Hôn em một lần thắp thêm ngọn nến/ Đặt chúng bên nhau/ Anh sợi tim nến/ Lọn tóc sáng/ Ý nghĩ làm ngọn lửa xòe/ Nền nhà trôi đêm hoa đăng/ Ai vừa thả mong ước/ May mắn sớm mai/ Tiếng trẻ reo hò/ Tranh nhau thả thêm nhiều nến/ Vào căn phòng chúng mình*" (Hình Đám Cỏ - Nhịp IX).

Nếu như nhà thơ Bằng Việt đã làm rung động bao trái tim độc giả suốt hơn nửa thế kỷ qua với bài thơ *Bếp lửa* thì nay nhân vật trữ tình trong thơ Mai Văn Phấn cũng khắc khoải trong nỗi nhớ bếp lửa, bờ sông... nơi quê nhà: "*Rời thị thành/ thương anh về thôn quê/ Bếp lửa, Bờ sông theo em vào giấc ngủ/ Ký ức hồi sinh thật lạ/ Bếp lửa.../ Bờ sông.../ chấp chờn quang gánh chênh chao/ chỉ thặng bằng trong cơn mưa tầm tã...*" (Những bông hoa mùa thu). Trong tâm thức của nhiều người *bếp lửa* gắn với thời kì cuộc sống còn bần hàn, gắn với bao kỷ niệm của tuổi thơ chân đất đầy yêu thương, hồn nhiên mà mỗi khi nhớ đến ta khó có thể nén nỗi xúc động nghẹn ngào: "*Chăn trâu đốt lửa trên đồng/ Rạ rom thì ít gió đông thì nhiều/ Mãi mê đuổi một con diều/ Củ khoai nướng để cả chiều thành tro*" (Chăn trâu đốt lửa - Đồng Đức Bốn).

Từ khi con người tìm ra *lửa* thì cũng từ đó, *ngọn lửa* gắn bó với họ trong mọi hoạt động sống, chứng kiến bao nỗi thăng trầm của biết bao nhiêu thế hệ con người: "*Từ trong bếp lửa gió lùa/ Loanh quanh hồn vía người xưa đứng ngòi/ Lửa theo hưng thịnh bao đời/ Tro than gieo vãi về nơi cấy cày*" (Người cùng thời – Chương VIII).

Giống như *nước*, *lửa* cũng có chức năng phá hủy bên cạnh những tính năng hữu ích mà nó mang đến cho cuộc sống con người: "*than bỏng nướng cong con cá bánh đa phồng rộp cuộn mình lười lửa bò lan khắp không gian*" (Những bông hoa mùa thu).

Như vậy, hình ảnh *ngọn lửa* trong thơ Mai Văn Phấn không chỉ tượng trưng cho lòng ham sống, sự cuồng nhiệt của tuổi trẻ, tình yêu mà còn gắn liền với những phút giây lãng mạn trong tình yêu đôi lứa. *Ngọn lửa* trong thơ ông gắn với nỗi nhớ quê hương da diết và luôn đồng hành cùng bao nỗi thăng trầm của đời người. Đặc biệt, thơ Mai Văn Phấn còn đề cập đến chức năng phá hủy của *lửa*.

2.3.3. Hình ảnh mẹ, người tình, quả chuông

2.3.3.1. Hình ảnh mẹ

Thờ *mẫu* là một tín ngưỡng dân gian thuần Việt. Nó đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt và mang lại cho họ sức mạnh, niềm tin về

sức khỏe, tài lộc, may mắn. *Tâm* là giá trị cốt lõi của tín ngưỡng thờ *mẫu*. *Mẫu* dạy con người sống hướng thiện, dạy đời nhân xử thế, dạy họ sống tinh thần *Uống nước nhớ nguồn*. Tín ngưỡng thờ *mẫu* ra đời ở một đất nước có nền văn minh nông nghiệp lúa nước và xã hội mang tàn tích mẫu hệ với sự đề cao vai trò của người phụ nữ. *Mẫu* là đại diện của sự che chở, bao bọc, đồng thời cũng là đại diện của sự sinh sôi, nảy nở, trù phú. Vì thế, mỗi khi con người cảm thấy cô đơn, thấy bơ vơ, thấy mất thăng bằng trong cuộc sống, họ tìm về *mẫu* như một phản ứng rất đỗi tự nhiên.

Tín ngưỡng thờ *mẫu* thể hiện sự tin tưởng, ngưỡng mộ, tôn vinh và thờ phụng những vị nữ thần gắn với các hiện tượng tự nhiên, vũ trụ được người đời cho rằng có chức năng sáng tạo, bảo trợ và che chở cho sự sống của con người như: thái hậu, hoàng hậu, công chúa, những vị anh hùng dân tộc như Bà Trưng, Bà Triệu là những người khi sống tài giỏi, có công với dân, với nước, khi mất hiển linh phù trợ cho người an, vật thịnh.

Mang theo niềm tin tâm linh ấy, thơ Mai Văn Phấn trong suốt hành trình đã tìm về hình tượng *mẫu*. Trong số rất nhiều bài thơ có đề cập đến hình tượng *mẫu*, đáng chú ý nhất vẫn là thi phẩm mang tên *Cửa mẫu*. Bài thơ này là một liên khúc gồm chín đoạn thơ như một câu chuyện không cốt truyện, không nhân vật, lấy đạo *mẫu* làm thể tài, làm hình tượng xuyên suốt. Trong thơ ông, thần tượng *mẫu* (*mẹ*) với thiên chức che chở, bao bọc và là đại diện của sự sinh sôi, nảy nở, trù phú đã được thi vị hóa. Trong tâm thức của người Việt, *mẫu* được tôn vinh như là thủy tổ của muôn loài. Bởi thế mà M.Gorki đã từng khẳng định một cách chắc nịch rằng: “không có *mẹ* thì không có cả anh hùng lẫn nhà thơ”.

Theo thống kê của chúng tôi, trong *Thơ tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn*, hình tượng *mẫu* đã xuất hiện tới 75 lần, trong đó, từ *mẹ* (*mẫu*) có 35 lần và các đồng vị tương ứng của *mẹ* như *đàn bà*, *bà*, *chị*, *thiếu phụ*, *thiếu nữ*, *cung phi*, *vũ nữ*, *a hoàn*... có 30 lần.

Cũng ở *Cửa mẫu*, hình tượng *con* là một ẩn dụ cho vạn vật trong cuộc đấu tranh sinh tồn của lịch sử tiến hóa. *Mẫu* là đáng toàn năng, sinh thành ra *con*, bảo vệ, che chở, hướng dẫn *con* thích nghi với hoàn cảnh theo bản năng của một người

mẹ: "*Con đuổi theo con mồi nhỏ/ Tung mình lên mặt sóng rồi mất hướng/ Nước rút/ Trong giấc mơ gần sáng/ Xương cốt con đau/ Đuôi và vây lưng tê cứng/ Có bàn tay luôn những sợi dây/ Kéo con lê lét/ Họ dừng lại trú mưa/ Phóng thích con/ Gần chân sóng...*" (Cửa mẫu).

Người ta tin rằng, trong bất cứ thời điểm nào, ở bất cứ đâu, với mọi hoàn cảnh của cuộc sống, *mẫu* với nhiều hóa thân khác nhau luôn luôn theo sát, nâng niu, bảo vệ và làm nhiệm vụ dẫn đường cho *con* vượt qua bao khó khăn, thử thách, bao sóng to gió lớn của cuộc đời:

- *Ngọn cây vươn mở con chim/ Đang cúi xuống mổ vào miệng con từng hớp gió* (Cửa mẫu)

- *Da thịt con yêu trải sâu đêm tối/ Dựng tầng mây mưa nguồn/ .../ Con lạng lẽ đi qua vàng mặt trời đáy nước/ Nhìn hướng bầu trời mở đôi cánh* (Cửa mẫu)

Hình ảnh *con* ở đây vừa có tính cá thể, vừa mang tính quần thể, là hiện thân của sức mạnh quật cường trong hành trình tự khám phá bản thân, khám phá thế giới và tìm đến tương lai. Hành trình ấy không phải lúc nào cũng diễn ra một cách thuận lợi mà đôi khi tiềm ẩn nhiều hiểm nguy. Vai trò bảo trợ của *mẫu* trong những hoàn cảnh này được đề cao một cách đặc biệt.

Mai Văn Phấn coi *mẫu* là thần tượng. Trong thơ ông, *mẫu* đại diện cho sự sinh sôi nảy nở, trù phú; *mẫu* còn là đáng toàn năng với các chức năng sinh thành, che chở, bảo vệ, hướng dẫn và cùng *con* vượt qua bao sóng gió của cuộc đời.

2.3.3.2. Hình ảnh người tình

Sẽ là một thiếu sót rất lớn nếu chúng ta không đề cập đến hình ảnh *người tình* - nhân vật mang nhiều dáng vẻ trong thơ Mai Văn Phấn. Theo thống kê của chúng tôi, trong *Thơ tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn*, hình ảnh người tình được nhà thơ nhắc đến 367 lần với hai tên gọi *em* (256 lần) và *vợ* (11 lần). Ở đây, cần lưu ý rằng, cũng có khi Mai Văn Phấn trong thơ mình vẫn xưng hô là *anh* – *em* nhưng đối tượng mà ông hướng đến không phải là người tình, người yêu. Những danh xưng như vậy không nằm trong phạm vi khảo sát của hình tượng

này. Chẳng hạn như những câu thơ sau: *"Em chọt hiện/ Từ hương thom trái chín/ Trong dập dờn bãi ngô mùa thu phấn/ Lá giật mình/ Cá lặn xuống chân./ Hút mãi về em/ Từng hơi thở đất/ Anh hạn hán/ Con mưa chiều tắt bật./ Heo may thoảng hơi người phảng phất/ Mặt nước trong veo một nỗi ngóng em về"* (Nỗi nhớ mùa thu).

Không có tình yêu thì không có cả hạnh phúc lẫn khổ đau, không có cả thi sỹ. Xưa nay vẫn thế, tình yêu đôi lứa luôn là nguồn cảm hứng vô tận cho thơ ca. Và Mai Văn Phấn cũng không là trường hợp ngoại lệ. Điều đặc biệt là người thơ này không viết nhiều thơ tình ở thời trẻ tuổi mà khi đã đạt đến độ chín của sự nghiệp ở độ tuổi ngũ tuần, thơ ông càng trở nên non xanh, tình tứ và trẻ trung hơn cùng với những bài thơ tình yêu trong tập thơ mới mang tên và *đột nhiên gió thổi*. Trong thơ ông, hình ảnh *người tình* xuất hiện với tư cách của kẻ đang yêu vô cùng đắm say, rạo rực, tình tứ: *"Chúng mình hôn nhau trong hành lang hẹp/ trên cỏ xanh, trong những góc tối/ trên tháp chuông, bên gốc cây cổ thụ... / .../ Con sâu đo em đu lên người anh/ thì thầm gặm hết những xanh non"* (Gió thổi).

Tình yêu luôn có một tiếng nói riêng, một thứ quyền lực riêng mà nếu giải thích theo nguyên lí thông thường chúng ta sẽ không thể tri nhận được. Trong thơ Mai Văn Phấn, hình ảnh *em* hiện hữu như là một chốn bình yên để nhà thơ bám víu, nương tựa, trở về trong những cơn phong ba bão táp của cuộc đời. *Em* là sứ giả của hòa bình hay chính tình yêu – thứ tình cảm tuyệt vời nhất thế gian đã cảm hóa được tội ác trong thế giới hỗn loạn này: *"Luôn tin có em trong miệng anh/ Nơi không chiến tranh, dịch hạch/ Mũi tên bắn lên tấm độc/ Thị phi, cạm bẫy, lọc lừa/ Lối em đi không còn gai nhọn/ Bão tràn qua anh dựng tường ngăn/ Bình yên trong miệng anh/ Em thúc nhẹ bờ vai/ Vòm ngực, ngón chân vào má/ Huyền thuyên và hát thầm/ Hồn nhiên cho lưỡi và răng anh chạm vào cơ thể/ Anh là con cá miệng đàn dựa trắng/ Rời bỏ bầy đàn quẫy vào biển động"* (Ngậm em trong miệng).

Không những thế, Mai Văn Phấn còn coi *người tình* như là hiện thân của một phép nhiệm màu để rồi nhà thơ được hưởng ân xá, được “*rửa tội*”, được “*ban phép lành thánh thế*” như một tín đồ: *"Từng giọt mát lành thấm nhuần trong đất/ Tươi từ*

môi anh đến gót chân em/ Anh ngỡ mình được phép lành thánh thế/ Đêm vừa qua hay đã mấy nghìn năm" (Ngậm em trong miệng).

Nằm trong cảm thức *mẫu*, hình tượng *người tình* còn được Mai Văn Phấn tôn vinh như thiên thần trong trạng thái phồn sinh. Với ông, bất cứ vật gì trong trạng thái mang thai, sinh nở đều đẹp, đều thiêng liêng:

- Chiều nay em cho con bú. Ngoài kia từng chân kiến đang đi, từng cánh ong vẫn còn đang vỗ. Nơi anh về trú ngụ là ô trời xanh trong mắt em cười. /.../ Căn phòng mình chẳng còn những bức tường bao quanh và không gian thành thời gian thánh thiện, khi anh mãi mê nhìn vàng ngực em dâng đầy như biển, cứ thu mình tìm vào miệng con bé bé xinh xinh... (Em cho con bú)

- Khẽ nhắm mắt, khẽ ngậm vào tóc em/ Đang chết đi và đang sinh sản/ Dù có là đi thành âm u bóng tối/ Lại thấy huy hoàng chạm những môi hôn (Anh đã rơi)

Điều đặc biệt là ở hình ảnh *người tình* trong thơ Mai Văn Phấn, tính nữ và tính mẫu hài hòa với nhau tạo nên một vẻ đẹp rạng ngời. Nó trở thành hình ảnh có sức ám ảnh lớn trong sáng tạo nghệ thuật và cứu rỗi nhà thơ trong mọi cuộc đảo điên hỗn độn. Nó còn chi phối thi nhân trong mọi hoạt động sống đời thường. Đứng trước *em*, nhà thơ coi mình chỉ là con kiến nhỏ bé rất cần được *em* che chở: *"Là con kiến nhỏ trong thế giới em/ Có thể bị nghiền nát dưới tảng đá vờ/ Dưới gót giày/ Mũi khoan, lưỡi cuốc/ Độ nóng que hàn/ Tiếng rít từng bánh sắt/ Bị thiêu rụi trong đám cháy rừng/ Thành tro bụi giữa tầm sét đánh/ Biết thế.../ Vì biết thế/ Nên đỉnh đồi/ Hay tận hang sâu/ Anh hoá thân thành muôn ngàn loài kiến/ Kiêu hãnh bò đi trên thân thể em" (Hình đám cỏ - Nhịp IV).*

Tưởng rằng khi đến với đề tài tình yêu – thứ đề tài đã trở nên rất đỗi quen thuộc thì Mai Văn Phấn khó mà tạo ra được điều gì mới lạ. Vậy mà đọc thơ ông, ta nhận ra một nét riêng, một sự khác biệt. Mặc dù Mai Văn Phấn viết về ái tình đậm màu sắc tính dục nhưng không hề tạo ra cảm giác thô thiển, ngược lại vẫn giữ được nét kín đáo mà không kém phần mãnh liệt: *"Đu cành cao/ Chạm ngực em trái chín/ Thân bóng rắt/ Anh sấm rền gót chân/ Trái chín bay chạm bông thông/ hút lên sạch bụi rì rào/ Anh nhai lá khô ngấu nghiến/ lưng tròn khép lại vòng tay" (Hát từ đất).*

Có thể nói hình ảnh *người tình* trong thơ Mai Văn Phấn có sức ám ảnh lớn và dường như, nó chi phối cả hoạt động sáng tạo của thi nhân. Không chỉ dừng lại ở sự ban phát hạnh phúc trần thế trong tình yêu lứa đôi, hình ảnh *em* còn hiện hữu như một chôn bình yên, cứu rỗi anh khỏi mọi điên đảo của cuộc đời; là hiện thân của phép nhiệm màu có tác dụng ân xá mọi tội lỗi cho anh. Thậm chí, *em* còn được tôn vinh như thiên thần trong trạng thái phồn sinh đầy thiêng liêng. Điều đặc biệt ở Mai Văn Phấn khi viết về hình ảnh này là *người tình* trong thơ ông không hiện lên như một thể tính gọi dục mà thánh thiện, tinh khiết nhưng cũng không kém phần nóng bỏng, hấp dẫn.

2.3.3.3. Hình ảnh quả chuông

Đời sống tôn giáo đã từng bước thâm nhập vào trong văn hóa người Việt. Đặc biệt, *tiếng chuông* ở những nơi thờ tự từ bao đời nay đã đi vào thế giới của thơ ca và âm nhạc. Trong thơ ca ta thấy có *Chuông ngọc* của Nguyễn Bính, *Rằm tháng giêng* của Hồ Dzếnh, tập truyện *Tiếng chuông trôi trên sông* của Vũ Hồng... *Tiếng chuông* cũng xuất hiện trong nhiều nhạc phẩm như *Tiếng Chuông Chiều Thu* của Tô Vũ; *Em ơi Hà Nội phố* của Phú Quang; *Tiếng thời gian* của Lâm Tuyền; *Làng tôi* của Văn Cao; *Tiếng chuông giao thừa* của Đặng Hữu Phúc; *Tiếng chuông ngân đêm Noel* (nhạc ngoại)...

Riêng với thơ Mai Văn Phấn, qua khảo sát, chúng tôi thấy trong *Thơ tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn*, hình ảnh *quả chuông* cùng những đồng vị của nó như *tiếng chuông*, *hồi chuông*, *tháp chuông*... xuất hiện 33 lần. Phải chăng do Mai Văn Phấn vốn là một tín đồ của đạo Kitô giáo nên hình ảnh *quả chuông* nhà thờ càng có sức ám ảnh nhà thơ trong sáng tạo nghệ thuật.

Chuông là một nhạc cụ sử dụng phổ biến trong các nhà thờ, đền chùa. Nó được đúc bằng kim loại (thường là đồng hoặc hợp kim) và phát ra âm thanh đơn giản. Hình dáng của nó được làm theo các hình tháp hay hình chén rỗng... *Chuông* có nhiều kích thước và sức nặng khác nhau, tùy theo nhu cầu thiết bị của mỗi nhà thờ, nhà chùa để cử hành nghi lễ. Âm thanh ngân vang của *chuông* thay đổi tùy theo

bình phương độ dày và tỷ lệ nghịch với đường kính của nó. Do đó mỗi *tiếng chuông* đều có âm sắc riêng.

Trong nếp sống, sinh hoạt của người dân Kitô giáo, *tiếng chuông* ngân lên nhằm nhắc nhở tất cả con chiên của Chúa cùng trở về nơi Thánh đường để cử hành các nghi thức riêng của đạo mình. Chẳng hạn, vào đúng lúc 12 giờ trưa, khi những ngôi tháp nhà thờ đổ chuông thì các tín hữu đều ngừng mọi công việc và cùng nguyện kinh Truyền Tin. Nghi thức đó được các tín hữu của đạo Kitô giáo thời xa xưa tuân thủ một cách nghiêm ngặt và ngày nay đã bị mai một dần. Tuy nhiên, với những người có đạo, *tiếng chuông* ấy đã đi sâu vào tiềm thức của nhiều người với nỗi nhớ quê hương, gia đình. Đôi khi, *tiếng chuông* cũng được gióng lên nhằm mục đích tập hợp nguồn nhân lực phục vụ cho một công việc chung nào đó của nhà Chúa. Ngoài ra, trong những lúc bắt đầu hành lễ, người ta thường thỉnh *chuông* hay gõ mõ. Đây là việc làm mang ý nghĩa thỉnh cầu Đức Chúa chứng giám cho tấm lòng thành của các con chiên và có lẽ nó cũng góp phần quan trọng để tạo ra không khí linh thiêng cho buổi lễ. Mai Văn Phấn trong thơ mình cũng đề cập đến hình ảnh *quả chuông* trong nghi thức tôn giáo: "*Giờ ban Lễ - Thánh - Thỉnh rung chuông*" (Hình Đám Cỏ - Nhịp I). Giây phút người tín hữu chắp hai tay trước ngực trong tư thế quỳ hoặc đứng mà hướng vọng lên bàn thờ để soi rọi lại những lỗi lầm của bản thân, sám hối và kêu cầu cùng Chúa những điều mình ước mong cũng là lúc *tiếng chuông* nhà thờ vang lên rộn rã. Nó như tiếng thúc gọi mọi người hãy thành tâm mà *trở về* cùng Chúa trong sự thanh tẩy, thánh thiện, đạo đức, bác ái, công bằng, yêu thương... Đó cũng là lúc mà tâm hồn con người trở lên sâu lắng, thư thái nhất: "*Ta ngồi nhập định cùng hoa/ Thành chuông ai thỉnh ngân nga cỏ mềm*" (Qua hoàng hôn).

Bên cạnh đó, *tiếng chuông* còn là phương tiện báo hiệu về mặt thời gian. Người dân Kitô giáo lấy *tiếng chuông* nhà thờ làm đồng hồ báo thức, lấy ngày lễ làm lịch cây trồng như: "Lễ các Thánh gánh mạ đi gieo, lễ sinh nhật giật mạ đi cấy" hay "Lễ Rosa thì tra hạt bí, lễ các Thánh thì đánh bí ra...". Và trong thơ Mai Văn Phấn, hình ảnh *quả chuông* cũng xuất hiện với ý nghĩa về mặt thời gian: "*Sen tàn chờ gió rung chuông/ Mưa như dây nịt con đường vào chân*" (Mưa cuối hạ).

Như chúng ta đã biết, nhiều tôn giáo như Kitô giáo, Phật giáo... du nhập vào nước ta từ rất sớm. Vì thế, *tiếng chuông* nhà thờ, nhà chùa cũng gắn liền với thân phận của mỗi con người, chứng kiến những biến động thăng trầm của lịch sử dân tộc: "*Cuộc chiến tranh lại đi qua những thời thiếu nữ/ Ngọn lửa Na-pan lửa vào giấc mơ làm mẹ làm vợ/ Nay có chị về núp bóng nâu sồng/ Rung lên những quả chuông hoàng hôn./ Những lồng ngực mang hình quả chuông! Những ánh mắt trẻ thơ mang hình quả chuông!/ Những hộp sọ vang cùng quả chuông!/ Những giọt máu vang cùng quả chuông!*" (Người cùng thời – Chương I).

Một điều đặc biệt là trong con mắt của Mai Văn Phấn, *quả chuông* ấy mang một hình dáng thật lạ - hình *trái tim*. Mà *trái tim* lại tượng trưng cho tình yêu – một tình yêu lớn vượt lên trên phạm vi của tình yêu lứa đôi: "*Nghe trong đám đông cộng hưởng những giai điệu cá tính, tựa hào quang hắt lên từng khuôn mặt, đan xen nhau rồi kết thành ngọn tháp. Ở đó quả chuông trái tim đã được kéo lên..*". (Người cùng thời – Chương VI).

Chính vì tượng trưng cho tình yêu nên *tiếng chuông* trong thơ Mai Văn Phấn còn được gióng lên nhằm kêu gọi một nền hòa bình thực sự cho con người: "*Những quả chuông trái tim đã nói vào nhau cùng rung lên hồi chuông thống thiết. Có thể lọc từ ngân nga một nỗi lo âu, ai nấy cố che đi câu hỏi kiêng không nói mà cũng kiêng không viết (có hay không cuộc Đại – chiến – thế - giới - III)*" (Người cùng thời – Chương X).

Một điều không thể phủ nhận là *tiếng chuông* của các thờ, nhà chùa có thể giúp cho các tín đồ giải tỏa những nỗi muộn phiền, đau khổ, sự chán nản hay để tắm gội cho thân tâm thanh sạch. Khi âm thanh huyền diệu của *tiếng chuông* ngân vang, lòng người trở lên thanh thản đến lạ thường, từ đó trí tuệ trở nên sáng suốt hơn. Điều này mang lại lợi ích cho các tín đồ trong từng khoảnh khắc hiện tại của cuộc đời vô thường. Mặt khác, cuộc sống hiện đại khiến con người đang có nguy cơ rơi vào sự tha hóa về đạo đức. Người ta coi trọng đời sống vật chất và chạy theo nó một cách mù quáng với những tham vọng quá lớn. Yếu tố thiêng liêng ở nhiều người xem như bị bỏ quên. Văn hoá vật chất và nếp sống hưởng thụ

ché ngự đời sống của họ. Cuối cùng là trống rỗng nội tâm và cô đơn, thác loạn. Trong trường hợp này, vai trò hướng thiện của tôn giáo là rất quan trọng. Nó giúp con người trở lên cao thượng hơn, sống tốt đời đẹp đạo hơn.

Nhà thờ còn là nơi diễn ra nghi thức hôn phối thiêng liêng của đôi lứa yêu nhau. Những con chiên của đạo Kitô đến tuổi dựng vợ gã chồng đều được tổ chức lễ cưới tại thánh đường dưới sự chứng kiến của cha xứ và toàn thể cộng đoàn Kitô giáo. Trong thơ Mai Văn Phấn, *tháp chuông* cũng trở thành địa điểm để đôi lứa hò hẹn và thể hiện tình yêu thương mật ngọt: "*Chúng mình hôn nhau trong hành lang hẹp/ trên cỏ xanh, trong những góc tối/ trên tháp chuông, bên gốc cây cổ thụ...*" (Gió thổi).

So với những hình ảnh mang tính biểu tượng khác trong thơ Mai Văn Phấn thì hình ảnh *quả chuông* có tần số xuất hiện thấp nhất. Tuy nhiên, đây lại là một hình ảnh mới và lạ. Theo chúng tôi, hình ảnh này trong thơ ông gắn liền với nỗi nhớ cố hương Ninh Bình - nơi có khu danh thắng, khu di tích lịch sử nhà thờ đá Phát Diệm nổi tiếng của Việt Nam. Đó cũng là biểu hiện của sự ám ảnh về một vật thể gắn liền với đạo Kitô mà chính ông cũng là một tín đồ. *Tiếng chuông* trong thơ Mai Văn Phấn trước hết có tác dụng hướng thiện cho con người và được cất lên trong khi cử hành các nghi thức tôn giáo. Bên cạnh đó, nó còn xuất hiện với ý nghĩa báo hiệu về thời gian. Cũng *tiếng chuông* ấy đã tồn tại song hành cùng bao biến động của lịch sử dân tộc và gắn liền với thân phận của mỗi con người. Đặc biệt, trong thơ Mai Văn Phấn, *tháp chuông* cũng trở thành địa điểm để đôi lứa hò hẹn, thể hiện tình yêu thương mật ngọt và theo đó, *tiếng chuông* đã trở thành biểu tượng của một tình yêu lớn, của sự đấu tranh cho một nền hòa bình thực sự trên trái đất. Lắng nghe âm thanh của *tiếng chuông*, tâm hồn con người trở lên sâu lắng, thư thái đến lạ thường.

* *

*

Bằng các kiểu tư duy thơ đặc trưng là hiện thực và biến ảo, phi lý và tượng trưng, liên tưởng, bắc cầu, thơ Mai Văn Phấn hướng đến các chủ đề tình yêu, thiên nhiên – vũ trụ. Và nếu tinh ý người đọc không khó để nhận ra thi giới ấy mang đậm màu sắc tâm linh. Mặc dù chủ đề tình yêu, thiên nhiên – vũ trụ vốn là những chủ đề quen thuộc của thi ca bao đời nay nhưng nhà thơ đã tạo ra nét riêng cho thơ mình bằng những liên tưởng thú vị và những cách diễn đạt mới lạ. Thi nhân đã tỏ ra khá thành công trong việc sử dụng các hình ảnh mang tính biểu tượng như *đất đai, sông nước, cỏ cây, ánh sáng, ban mai, ngọn lửa, người mẹ, người tình, quả chuông...* để biểu đạt những tâm tư, tình cảm, nghĩ suy của mình một cách sinh động, hiệu quả cũng như gửi đến bạn đọc những thông điệp có ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Trong đó, các hình ảnh *cỏ cây, sông nước, người tình, ánh sáng* xuất hiện với tần số đáng kể. Chính các kiểu tư duy thơ, các chủ đề chính và các hình ảnh mang tính biểu tượng nói trên trong thơ Mai Văn Phấn đã hé mở cho bạn đọc thấy những nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật thơ ông.

CHƯƠNG 3

NGÔN NGỮ, GIỌNG ĐIỆU VÀ CÁC BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT ĐẶC SẮC TRONG THƠ MAI VĂN PHẤN

3.1. Ngôn ngữ thơ Mai Văn Phấn

Nói về phong cách thơ Mai Văn Phấn, trước hết phải nói đến phong cách sử dụng ngôn ngữ trong thơ ông. Nhà văn Đinh Kinh nhận định: “Mai Văn Phấn rất có ý thức trong cách sử dụng ngôn từ, nhưng anh đi theo lối hiện đại, mới mẻ, tránh sự mòn nhám, anh biết để câu chữ lan toả trọn vẹn hết nội hàm và sức lay động của nó trong từng tình huống thơ. Đây chính là cấu trúc điển hình ngôn ngữ thơ Mai Văn Phấn” [28, tr.9].

3.1.1. Ngôn ngữ tinh luyện và lạ hóa

Mai Văn Phấn tỏ ra nhuần nhuyễn trong việc nắm bắt các con chữ. Công cuộc cách tân thơ của Mai Văn Phấn còn nhờ vào việc “Mai Văn Phấn đã sáng tạo ra thứ ngôn ngữ thơ chất lọc, cô thấu và tinh tế. Nó không đơn giản, nôm na như nhiều nhà thơ còn mang nặng bản năng với ngôn ngữ *tranh – tre - nứa – lá*. Trong tập thơ *và đột nhiên gió thổi*, anh viết nhiều về tình ái trực tiếp, nhưng ngôn ngữ rất tế nhị, không thô lỗ trần trụi, dẫu vậy vẫn hừng hực mạch đập của khao khát cháy bỏng” [11, tr.35]. Chúng ta có thể thấy rõ điều đó qua một số ví dụ sau:

- *Nhắm mắt thấy em không rộn ràng như khi mở mắt. Nhưng sự im lặng của em vang lên những âm thanh kỳ lạ, mách bảo tình yêu đã thấm vào cây cối, đường xá, phố nhà, vào vườn tược, ruộng nương, sông suối... Từ nay ta không cần nghi ngờ điều gì khi nhắm mắt (Nhắm mắt)*

- *Da thịt anh rộn ràng mang dấu chân em/ Làm những móng tay trên đất càng vang vọng/ Mỗi đốt xương muốn rời ra ngán lên bộ hơi/ Ngỡ có đôi môi trên đỉnh đầu đang thổi (Dấu vết bình minh)*

Nếu như các nhà thơ cổ điển dùng chữ để biểu hiện cuộc nhào lộn của tu từ pháp thì Mai Văn Phấn với tư cách là một nhà thơ hiện đại lại dùng chữ để biểu lộ ý nghĩ của mình hay cái mình muốn nói. Bằng những xúc cảm rất thật đối với cuộc

đòi, Mai Văn Phấn đã viết nên những vần thơ cuộn cuộn phù sa, dữ dội mà không kém phần cuốn hút và ám ảnh. Nhưng có điều, hầu hết giới nghiên cứu và bạn đọc đã từng tiếp cận với thơ ông đều cho rằng: đọc thơ Mai Văn Phấn mà đọc một lần thì cũng như chưa đọc. Muốn khám phá thi giới của ông đòi hỏi người đọc phải lao động hết mình, nghiêm túc, kiên trì, bền bỉ và hơn hết là cần một vốn tri thức, văn hóa nhất định. Bởi lẽ “chữ nào của anh cũng nặng, hăng số ảo trong từng con chữ rất cao. Giữa hai dòng thơ, giữa các con chữ là sự bất tận của những cảm nhận, những rung động tận đáy tâm hồn, những ấn tượng mạnh mẽ, có khi thành nỗi ám ảnh” [2]. Chẳng hạn:

- Tảng đá vụn rời tự bay theo gió thổi. Nghe sấm động trong từng ngọn cỏ, mắt thú dữ phát quang bóng tối, những giọt đắng chảy về túi mật, và tro than vùi xuống luống cày. Ta xoay mình trở thành người khác, làm hạt giống già từ sân kho, bỏ hóng, gác bếp, già từ thùng mùng, chum vò... lăn xuống đất đai (Mưa trong đất)

- Hạt mưa đầu tiên hay ngón tay em chạm vào khung cửa, xuyên qua khoảng không còn ấm nóng mặt trời (Những bông hoa mùa thu)

Và còn rất nhiều những câu thơ như thế trong tập *và đột nhiên gió thổi*. Những câu thơ luôn gây bất ngờ, đọc câu trước không lường được câu sau Mai Văn Phấn viết gì và vì thế mà ta thấy thật thú vị. Nói như Hoàng Hữu Các: “Trước dòng sông mùa lũ, ta nhìn thấy sắc đỏ phù sa mà khó đo lường độ dày và trọng lượng của trầm tích” [2].

Lạ hóa ngôn từ là một trong những thủ pháp quan trọng trong việc cách tân ngôn ngữ thi ca của Mai Văn Phấn. Đây là một thủ pháp nghệ thuật quan trọng để nhà thơ tạo ra cảm giác mới lạ, hấp dẫn, cho phép nhìn cuộc sống một cách sâu sắc và toàn diện hơn.

Nhà thơ Hoài Khánh từng nhận định: “Là một nhà thơ tiên phong cho việc cách tân thi ca trong cả nội dung và hình thức, qua những ngôn từ lạ và nền tảng xúc cảm có bề dày, Mai Văn Phấn hi vọng mang đến cho bạn đọc yêu thơ có thêm một giọng điệu mới, một bầu không khí mới” [31]. Còn nhà thơ Vĩnh Phúc lại mách

bạn đọc: “Hãy đọc Mai Văn Phấn trong lặng im và để thơ cuốn ta đi với nhịp điệu của cảm xúc nội tại, với tầng tầng ngôn ngữ đa chiều và những xếp lớp hình ảnh lạ lẫm đến bất ngờ kiểu như ... *em gieo trồng trên ngực/ Bàn tay dịu dàng vun vào da thịt ... hay... Bỏ nhào từ đỉnh cao/ Bằng đôi cánh sắc/ Lấy tâm điểm xác chết/ Chém toác bầu không /Gió hấp tấp không kịp băng bó...*” [56].

Rất nhiều người đánh giá bài thơ *Ghi ở Vạn lý trường thành* của Mai Văn Phấn là một trong những bài thơ hay. Bởi lẽ, với bài thơ này, Mai Văn Phấn đã làm nên được những dạng thức mới của ngôn ngữ thơ và ông đã biết cách giữ được đặc thù của ngôn - ngữ - thơ trong chuyển động đổi mới của những con chữ:

*Mây xếp trên vai từng tảng đá nặng/ nhòe mắt cát/ thở đầy ngực cát/
Vạn lý trường thành còn xây dở?/ Trên không tiếng hoạn quan truyền chỉ/
Bắt được kẻ nào vừa vác đá vừa làm thơ/ đánh học máu mồm/ Khâm thử/
Ngược lên gặp một khuôn mặt bì bì/ Tay lạnh, mắt chì, giọng mờ/ Mái Phong
Hỏa Đài màu huyết dụ/ Hình thanh long đao dính máu đang kê cổ/ Còng
lưng đẩy nắng đi/ Chôn chân đẩy gió đi/ Miễn sao gần được bông hoa/ Đang
mờn mơ trong gió lớn/ Tàu Hoàng thượng/ thừa ngài/ báo cáo đồng chí/ Bỉ
chức/ thảo dân/ em.../ Sẽ làm tròn bốn phận/ Đây là đỉnh trời/ hay đáy vực
sâu/ chỉ thấy trên lưng lẫn roi bóng rát/ Mồ hôi du khách trên đá xám/ Nở
thành hoa phù dung (Ghi ở Vạn lý trường thành).*

Qua thi phẩm này, ta thấy trong công cuộc cách tân thi ca, Mai Văn Phấn không hề có ý tưởng nhân danh cái mới để “lạ hoá” thơ đến mức phản – thơ mà có xu hướng tìm tòi nhằm nâng cao vẻ đẹp của ngôn - ngữ - thơ bằng những ý tưởng mới lạ và độc đáo.

Có thể nói, cho đến thời điểm hiện tại, Mai Văn Phấn đã tỏ ra khá thành công trong việc cách tân ngôn ngữ thi ca nhằm đạt đến độ nhuần nhuyễn, tự nhiên trong quá trình sáng tạo ngôn từ theo hướng lạ hóa mà vẫn không hề đánh đố người đọc.

3.1.2. Ngôn ngữ đời thường giản dị

Khác với hai giai đoạn trước, thơ Mai Văn Phấn ở giai đoạn thứ ba đã đạt đến độ chín đầy, mở rộng tầm nhìn cùng phạm vi đề tài, hướng về cuộc sống và

ngôn ngữ đời thường hơn. Có thể thấy rõ điều đó qua cách nhà thơ đặt tên cho các thi phẩm của mình. Chẳng hạn: *Vẫn trán tĩnh tiễn khách ra ngõ, Nghe tin bạn bị mất trộm, Ghi ở Vạn lý Trường Thành, Còn cậu hãy đứng đằng kia, Hội chứng từ một tin đồn..., Chuyện còn dài, Giả thiết cho buổi sáng hôm sau, Bụng chậu nước lên cao, Tin nhắn lúc giao thừa...*

Theo nhận định của nhà thơ Đỗ Quyên: “Mai Văn Phấn không là chủ nhân của các câu thơ, đoạn thơ hút hồn theo nghĩa đơn tuyến. Các bài hay và khá của thi sĩ đều là những mạng đan xen trên một phong văn hóa ổn cố bằng loại ngôn ngữ giản dị, chiêm nghiệm” [28, tr.164].

Còn nhà thơ Inrasara thì cho rằng: "Chuyển động mạnh nhất ở Mai Văn Phấn trong những năm hậu đổi mới chính là ngôn ngữ. Hết còn thứ ngôn từ sang trọng và trịnh trọng. Ngôn ngữ thơ của Phấn đã thôi còn trau chuốt tỉ mỉ, ngày càng hướng đến sự tự phát và ngẫu hứng. Từ đó, thơ anh cũng thôi đạo mạo với đóng thùng" [25, tr.73].

Theo nhà văn Đặng Văn Sinh: "Cũng như *Mùa trăng*, ngôn ngữ diễn đạt của *Hình đám cỏ* thoát khỏi cấu trúc mô hình truyền thống, triệt để sử dụng loại câu không chủ ngữ, đảo ngược chức năng cú pháp, đưa ngôn ngữ thơ vào đời thường, hạ phóng thơ từ tháp ngà đến với quảng đại công chúng" [28, tr.118].

Qua những nhận xét trên, ta thấy nhiều nhà nghiên cứu đã thống nhất ở quan điểm cho rằng, ngôn ngữ thơ Mai Văn Phấn ngày càng hướng đến sự giản dị, dễ hiểu như lời ăn tiếng nói trong cuộc sống đời thường. Chẳng hạn như những câu thơ sau: "*Em cười nói hồn nhiên trẻ nhỏ/ Lát phát mưa anh phờ phạc ưu tư/ Lặng lẽ một mình đan ngón tay/ Không cho ánh sáng đi qua/ Không cho gió đi qua/ Ở đây không nắng và gió/ Càng khùng khiếp nép vào tĩnh lặng*" (Hình Đám Cỏ - Nhịp II).

Cũng theo nhà văn Đặng Văn Sinh, "tác giả tập thơ *Hôm sau* xem thơ như một thứ phương tiện thông tấn chuyển tải thông điệp đời thường bằng chính ngôn ngữ đời thường. Đây là thứ ngôn ngữ sống động, cập nhật, giàu sắc thái biểu cảm, dễ tiếp nhận, bao hàm cả chức năng thư giãn nhằm giải tỏa những căng thẳng trong thời đại được coi là Hậu - hiện - đại" [59, tr. 95]. Ví dụ, ở bài thơ *Anh tôi*, thông qua

hệ thống ngôn ngữ hết sức bình dị, đời thường, nhà thơ dường như đang muốn chuyển tải đến người đọc một thông điệp rằng: con người ngày nay dưới ảnh hưởng của môi sinh đang phải hứng chịu một sự hủy diệt ở cả thể xác, tâm hồn lẫn trí tuệ.

Trong nhiều bài thơ của Mai Văn Phấn, tính biểu cảm không được tạo nên bởi sự bóng bẩy của chữ nghĩa mà chủ yếu ở sự kết hợp lâm thời lớp từ vựng trung tính, trên cơ sở ngữ cảnh cụ thể mà nhà thơ đã khéo léo dẫn người đọc vào một trường liên tưởng, kéo độc giả vào trò chơi chữ nghĩa. Đặc biệt, trong tập thơ *Hôm sau*, tác giả đã vận dụng tối đa hiệu quả ngôn ngữ diễn đạt. Nhiều bài thơ với hệ thống từ vựng tuy không mới nhưng bí quyết thành công của nó nằm ở khả năng liên kết trong trường ngữ nghĩa tạo nên phản ứng dây chuyền. Đây được xem là cách viết khá mạo hiểm nhưng bước đầu Mai Văn Phấn đã thử nghiệm thành công qua bài thơ *Biển tấu con quạ* và hàng loạt các bài thơ khác:

- *Hơi nước bến sông/ Không gian đặc thời gian nhảm lẫn/ Ngọn khói lên cao/ Biết mình bơi trong biển sương* (Cửa Mầu – I)

- *Thu về e ấp/ Cóm non lãng đãng sương giăng/ Khăn áo ấy mịn màng da thịt/ Dâng heo may lên trời* (Cóm hương)

- *Bên em hành lễ mặt trời/ Ngọn thác, bờ sông lớn/ Bóng anh trong tiếng nước chảy/.../ Lưỡi guom sáng/ Thêm tiếng nổ lớn, tiếng đổ vỡ/ Những dây cáp trĩu níu đứt phứt/ Con đê vỡ toang tràn lũ đồng bằng* (Hình Đám Cỏ - Nhịp VIII)

- *Đáy trời cỏ/ Đại dương cỏ/ Phơi phới sông hồ* (Hình Đám Cỏ - Nhịp IX)

Theo nhà văn Đặng Văn Sinh, với thơ siêu thực hoặc tân cổ điển, ngôn ngữ diễn đạt mới là điều tiên quyết để tác phẩm thành công. Ông cho rằng, “cái tài của người viết chính là ở nghệ thuật sắp đặt ngôn từ sau khi đã có được phác thảo bố cục. Cũng với một số lượng từ vựng nhất định, những người có tay nghề cao sẽ dễ dàng sử dụng chúng trong nhiều dạng thức kết hợp, như kết hợp song phương, đa phương theo mặt phẳng, rồi kết hợp đa chiều trong không gian, làm các con chữ nhảy múa tác động lẫn nhau như một phản ứng nhiệt hạch, tạo nên sự bùng nổ bất ngờ vượt khỏi sự kiểm soát” [28, tr.110 - 111].

Bằng việc sử dụng nhiều dạng thức kết hợp ngôn ngữ, Mai Văn Phấn đã đưa ngôn ngữ thơ vào đời thường, hạ phóng thơ từ tháp ngà đến với quảng đại công chúng. Thậm chí, nhà thơ còn tỏ ra khá thoải mái khi đưa khẩu ngữ vào thơ tự do. Ta có thể thấy điều này qua hầu hết các bài thơ trong tập *Hôm sau* mà tiêu biểu là thi phẩm *Sống hồn nhiên*: "*Vợ lại bảo dù trí tuệ uyên bác/ nhưng chân tay ngại cử động/ cũng chẳng nghĩ lý gì./.../ Tôi vắt sợi dây qua xà nhà/ buộc một đầu vào chòm tóc/ cả lúc chăm chú đọc sách/ tay vẫn giật như culi kéo quạt*" (*Sống hồn nhiên*).

Tiếp cận toàn bộ thể giới thơ Mai Văn Phấn ta thấy hầu như không có vốn từ vựng riêng và lạ. Và cái cách mà nhà thơ sắp xếp hệ thống từ ngữ vô hình trung đã làm cho ranh giới giữa ngôn ngữ đời sống, ngôn ngữ văn xuôi và ngôn ngữ thơ bị xóa nhòa. PGS. TS. Hồ Thế Hà cho rằng: "Thơ anh chú trọng vào nhịp điệu, tu từ theo cách của anh – nhịp tình cảm có thật thông qua suy nghĩ, triết luận - đặc biệt là những liên kết từ lạ, đa dạng và bất ngờ. Những câu thơ văn xuôi hóa của anh lại súc tích, vì được đặt trong một "tư trường ngôn ngữ thơ" giàu tính biểu tượng và tượng trưng. Chúng có sức mạnh tạo nghĩa và ám ảnh hơn nhiều lần những câu mang nhịp điệu của một dàn đồng ca quen thuộc. Điều ấy đã tạo ra *chất tự sự hiện đại và cả hậu hiện đại* trong thơ anh" [28, tr.227]. Nói về nhịp điệu của thơ tự do, nhà thơ Đỗ Quyên cho rằng: "*Bầu trời không mái che* đạt mức tưởng như không-tự-do! Các đường gợn giữa văn xuôi và thơ lặn xuống. Các nhấp nhô từ văn nói đến văn viết trở nên bằng phẳng. Không nhiều người viết đương đại làm được thế, như Mai Văn Phấn" [28, tr.196]. Đọc nhiều bài thơ của Mai Văn Phấn, ta có cảm giác đó như là những lời ăn tiếng nói hằng ngày, không có một chút gì bóng bẩy, trau chuốt của ngôn ngữ thơ: "*Hơi thở truyền nóng điện thoại giây lát, hỏi anh ăn sáng chưa, đang làm gì, nhớ ngồi ngay ngắn. Anh trả lời bằng quơ, đặt tay lên bàn. Tiếng em rì rầm. Quạt để tốc độ nhỏ thổi gió khắp phòng. Bàn rộng. Cánh cửa hẹp. Đưa tay có thể chạm đồ vật bất kì. Lọ hoa sáng nay đang tươi trở lại. Tiếng em vọng từ bông hoa phớt tím, cánh lá nhỏ vây quanh. Anh nghe em cất đi cuốn sách. Chiếc bút và đồng hồ tự trôi...*" (*Hình Đám Cỏ - Nhịp II*).

Như vậy, nhà thơ Mai Văn Phấn trong hành trình sáng tạo của mình không chỉ đi tìm sự lạ hóa cho ngôn ngữ thơ ca mà còn hướng đến sự giản dị của lời thơ. Đọc nhiều bài thơ của ông, ta thấy không còn bóng dáng của lối viết trau chuốt, bóng bẩy, cầu kì mà lời thơ như là lời ăn tiếng nói rất đời thường, giản dị của cuộc sống con người. Và có lẽ, đó cũng chính là điều mà Mai Văn Phấn hằng khát khao: "Muốn viết câu thơ tự nhiên – Như đi trên đất" (Hình Đám Cỏ - Nhịp IX).

3.1.3. Ngôn ngữ tạo sinh nghĩa

Thực chất, công việc sáng tạo văn học là một trò chơi ngôn ngữ. Theo PGS. TS. Đào Duy Hiệp: "Trong trò chơi ngôn ngữ đó, văn bản thơ không còn cho một nghĩa cố định, duy nhất đúng, mà còn có những nghĩa "tự sinh" trong quá trình đọc. Tôi hình dung rằng, nếu từ ngữ theo nghĩa từ điển là hình vuông, ("trắng" là trắng, "mưa" là mưa,...), vuông thành sắc cạnh; thì cũng những từ đó, trong thơ, chúng là hình tròn, mà chứa trong nó là hình vuông của nghĩa từ điển. Phần dư thừa của hình tròn đã mang nét nghĩa khác do được cộng sinh từ trường từ vựng, âm hưởng, giọng điệu, tiết tấu,... của bài thơ. (Thơ thực dụng, thơ tuyên truyền hoặc thơ rao hàng thì chỉ có một nghĩa, tạm gọi là "thơ vuông")" [17].

Với một tác giả say mê cách tân thơ như Mai Văn Phấn thì chắc chắn ông không chịu đi theo một lối mòn có sẵn. Ông từng tuyên ngôn về thơ: "*Không, ta vẫn còn giọng nói. Mỗi âm tiết lúc ấy hiện lên một sự thật. Sự thật hiển nhiên đảo lộn mọi quy ước phổ thông*" (Anh anh em em...). "*Đảo lộn mọi quy ước phổ thông*" tức là bẻ gãy thói quen quán tính trong cách nhìn và cách nghĩ về sự vật. Muốn thế, nhà thơ trong quá trình sáng tạo phải lao động hết mình và lao động một cách nghiêm túc. Và quả thật, với mười hai tập thơ đã xuất bản trong thời gian vừa qua, Mai Văn Phấn đã cho bạn đọc thấy rõ sự lao động miệt mài, say mê, nghiêm túc và cả tài năng thực sự của mình.

Theo PGS. TS. Hồ Thế Hà, Mai Văn Phấn cũng như nhiều nhà thơ hậu hiện đại đã nhận ra một khả năng kỳ diệu của ngôn ngữ ở chỗ các đơn vị ngôn ngữ có thể thay thế cho nhau nhờ vào tính tương đương, đồng dạng giữa chúng, cho phép nhà thơ lựa chọn một cách nghệ thuật chỉ một đơn vị ngôn ngữ trong hàng loạt đơn vị

ngôn ngữ có giá trị tương đương nhau để diễn đạt nội hàm ngữ nghĩa mà mình cần thể hiện. Hoặc bên cạnh đó, nhà thơ luôn tìm tòi, phát hiện những từ mới lạ khác để thể hiện nội dung mà họ cần thông điệp đến độc giả. Hãy thử phân tích một vài thi phẩm tiêu biểu của Mai Văn Phan: "*Mặt đất vừa qua phút lâm bồn/ Anh về hụt bước trước hoàng hôn/ Chân trời phía ấy vừa se lại/ Chiều rộng mặc kim chỉ gió luôn*" (Nghe tin em sinh con).

Ở đây, Mai Văn Phan đã mượn hình ảnh *đất đai* – một biểu tượng của sự phồn sinh để nói về công cuộc vượt cạn vĩ đại nhưng cũng không kém phần nhọc nhằn của người phụ nữ. Do đó, hình ảnh *chân trời* cũng không đơn thuần là *chân trời* của tự nhiên mà đã mang trong nó một nghĩa khác.

Hay ở một bài thơ khác, ông viết: "*Từ tưởng tượng/ Và niềm khát vọng/ Tôi rút những mũi tên/ Ra đi tìm đích cho ngày./ Quanh tôi những tấm bia bất động/ Đây ngó sen vờ vợi đáy hồ/ Kia lũ trẻ trần truồng chạy vào tôi hơn bốn mươi năm trước/ Tôi mù mờ ngắm những mu mơ./ Từng mũi tên vạch đường bay vun vút/ Xuyên tảo chiều không gian thời gian/ Xuyên tảo nhân sinh quan và thế giới quan/ Và tôi tin mình bắn trúng đích*" (Mũi tên bóng tối).

Hình ảnh những mũi tên xuyên vào đêm tối được thi nhân khắc họa trong bài thơ thể hiện khát vọng đổi mới thi ca, vượt lên thói quen sáng tạo nhàm chán đang chiếm lĩnh thi đàn. Không chỉ ở bài thơ này mà trong nhiều thi phẩm của mình, Mai Văn Phan đã thể hiện quyết tâm và niềm tin bất diệt vào sự thành công của công cuộc cách tân ấy dấu biết đó là con đường nhiều sóng gió, đầy những gian lao, thử thách: "*Biển đang vượt cạn/ Con mực, con sao trôi sang kiếp khác/ Đồi chiều những dòng hải lưu/ Mặt nước xẹp/ Anh đứng nơi bờ cát đang nứt/ Đồi tắt nâu không còn cuộn trong giày/ Cặp kính mát nằm xa chiếc mũ/ Nin thờ biết gần kho báu/ Lặn tìm, cố xoay từng cánh cửa nước*" (Hình Đám Cỏ - Nhịp VI).

Với hệ thống ngôn ngữ tạo sinh nghĩa, thơ Mai Văn Phan luôn mở ra cho người tiếp nhận những khả năng khác nhau thông qua từng hình tượng thơ. Trong đoạn thơ trên, thông qua việc miêu tả những hiện tượng có vẻ khách quan đang tồn tại trong thế giới tự nhiên dưới con mắt quan sát tinh tế của mình, Mai Văn Phan đã

thể hiện sự nỗ lực, nỗi khát khao đổi mới thi ca của một nghệ sỹ chân chính.

Đặc biệt, trong quá trình sáng tạo, Mai Văn Phan luôn có ý thức tạo ra tính chất mở cho văn bản thơ để mời gọi độc giả đồng sáng tạo với thi nhân thông qua việc sử dụng hệ thống ngôn từ giàu tính chất tượng trưng, hình ảnh thơ đậm đặc ẩn dụ và tạo ra những khoảng trắng giữa những dòng thơ:

- *Hãy nhìn xuyên đêm!*
-
- *Thấy gì không?*
-
- *Chiếc váy cuối hạ*
-
- *Lay động thân cành*
-
- *Cánh tay em cân đối cảnh vật*
-
- *Mở rào gai góc*
-
- *Không thấy ngôi sao*
-
- *Run mơ hồ*
-
- *Ủ nắm cát trên ngực!*
-
- *Pha lê ánh sáng*
-
- *Bóng đen lò luyện không lò*
- *Thi nhau vốc cát ném vào đêm tối*

(Hình Đám Cỏ – Nhip VII)

Giữa những dòng thơ có chữ và không chữ ấy là những thông điệp ẩn mà nhà thơ gửi gắm. Nó sẽ được người đọc phát hiện theo nhiều chiều kích khác nhau tùy vào khả năng liên tưởng của họ.

Như vậy, qua thi giới của Mai Văn Phấn, người đọc đã thấy rõ phong cách sử dụng ngôn ngữ của ông, đó là sự tinh luyện và lạ hóa ngôn ngữ kết hợp với ngôn ngữ đời thường giản dị. Đặc biệt, nhà thơ tỏ ra khá thành công khi tạo ra sự khác biệt cho thơ mình bằng việc sử dụng hệ thống ngôn từ tạo sinh nghĩa với đầy ắp những hình ảnh ẩn dụ và tượng trưng. Với phương châm sáng tạo này, Mai Văn Phấn đã tạo ra được tính chất mở cho tác phẩm văn học và kêu gọi người đọc đồng sáng tạo với nhà thơ. Tiếp cận thơ ông, người đọc tùy vào khả năng liên tưởng, tầm văn hóa và tri thức của mình sẽ khám phá ra nhiều lớp nghĩa khác nhau. Đó chính là lí do khiến thơ Mai Văn Phấn trở lên đa nghĩa và đa thanh.

3.2. Giọng điệu thơ Mai Văn Phấn

Giọng điệu bao giờ cũng thể hiện quan điểm thẩm mỹ, điệu tâm hồn, cá tính của nghệ sĩ, khu biệt nét độc đáo của mỗi nhà văn, nhà thơ. Do vậy, giọng điệu chính là phong cách, là “tạng” của riêng độc đáo của mỗi thi sĩ không ai giống ai, không thể bắt chước, giả giọng.

"Giọng điệu là thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm..." [15, tr.134]. Giọng điệu phản ánh lập trường xã hội, thị hiếu thẩm mỹ và cách nhìn của chủ thể phát ngôn về đối tượng được nói đến cũng như đối tượng mà lời văn ấy hướng vào. Nó là một trong những yếu tố cơ bản tạo nên phong cách nhà thơ và truyền cảm cho người đọc. Vì thế, giọng điệu là một thuộc tính có vẻ bề ngoài nhưng rất là bản chất của văn học.

Khác với văn xuôi, giọng điệu thơ trữ tình chịu sự chi phối của điểm nhìn nghệ thuật, cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của nhà thơ. Ở đó, sự nhạy bén trong việc khám phá cuộc sống cũng như chiều sâu tư tưởng của tác giả được bộc lộ. Cũng cần lưu ý rằng, giọng điệu của những tài năng lớn bao giờ cũng vừa mang tính

cá thể vừa mang tính siêu cá thể, bởi lẽ, con người không thể tách rời khỏi thời đại mà mình đang sống.

Đến với thi đàn khi vườn hoa thi ca đã rộn rã sắc hương, Mai Văn Phấn là một trong những tác giả ghi được dấu ấn đậm nét về giọng điệu thơ. Giọng điệu thơ ông trước hết được bắt nguồn từ quan niệm nghệ thuật về nhân sinh và thế giới. Thơ ông thể hiện sự phong phú về sắc điệu: khi thì giễu nhại, hoài nghi, lúc lại triết lý, chiêm nghiệm.

3.2.1. Giọng giễu nhại, hoài nghi

Mỗi tác giả trong mỗi tác phẩm có thể có một giọng điệu khác nhau, nhưng luôn thống nhất trong một giọng điệu cơ bản và chủ đạo của thời kỳ văn học ấy. Giễu nhại là giọng điệu không mới và nó là một phần trong hình thức giễu nhại. Nó có mặt trong tác phẩm nhưng độc giả lại rất khó nắm bắt bởi nó được thâm thấu qua nhiều yếu tố. Nó chỉ có thể được lĩnh hội, cảm nhận qua quá trình đọc, cảm nhận từng câu chữ, từng khoảng trống trong tác phẩm.

Có thể thấy, hoài nghi là tâm thế, giễu nhại là giọng điệu chủ yếu của văn học hậu hiện đại. Và ở khía cạnh này, Mai Văn Phấn đã đóng góp giọng nói của mình một cách đầy ấn tượng. Trải qua giai đoạn sáng tác đầu với giọng nói có phần rụt rè, thơ Mai Văn Phấn giai đoạn sau, đặc biệt là ở tập thơ *Hôm sau* đã tìm đến với giọng điệu giễu nhại, hoài nghi như là một giọng điệu chủ âm của thơ mình. Hãy xem nhà thơ vẽ chân dung của những kẻ đạo mạo trong xã hội hiện đại: "*Đạo mạo giết một con muỗi/ Đạo mạo phát biểu chung chung/ Đạo mạo nghiêng mình trống rỗng*" (Bài học).

Hành động giết một con muỗi thì dường như không có gì đáng bàn nhưng hành động "*phát biểu chung chung*" rồi "*nghiêng mình trống rỗng*" kia đã tạo ra sự nghi hoặc. Bức màn hoài nghi dần dần được vén lên từ một góc của sân khấu biểu diễn. Phải chăng tên đạo mạo nói kiểu âm ừ gật gù để lừa phỉnh và giấu dốt. Còn cái tư thế ngả mũ nghiêng mình có vẻ rất lịch thiệp mang dáng dấp của người phương Tây kia phải chăng là lối sống xu nịnh, quy lụy người trên, ra oai, đè bẹp người dưới. Đến đây, hình tượng đạo mạo ít nhiều đã có phần méo mó trong con mắt của

người đọc. Và chính hấn, dưới cái nhìn của tác giả ngày càng trở nên tồi tệ hơn: *"Đạo mạo lấy trộm áo mưa/ Đạo mạo thở mùi hôi vào miệng người khác/ Đạo mạo bọc nhâm một chiếc răng sâu/ Đạo mạo tiểu tiện nơi công cộng"* (Bài học).

Từng bước lật tẩy bản chất của kẻ đạo mạo thông qua hành động của hấn, Mai Văn Phấn đã từng bước hạ bệ thần tượng một cách không thương tiếc. Ông đã khoác cho nhân vật trung tâm của mình rất nhiều nét tính cách xấu xa, bỉ ổi như trộm cắp vặt, phóng uế vỉa hè, rồi phùm phum thở hơi bần thiêu... và nhà thơ lại tiếp tục: *"Đạo mạo xụt xịt trong khăn mùi xoa/ Đạo mạo chỉnh lại con c... trong túi quần nơi hội họp/ Đạo mạo xỉ mũi vào cửa kính/ Đạo mạo moi tiền của gã ăn mày/ Đạo mạo nghe trộm điện thoại/ Đạo mạo nhìn ngực chị em trong đám tang"* (Bài học).

Quả là Mai Văn Phấn đã biết chọn thời cơ để tạo ra một cú nốc ao rất tuyệt vời. Thần tượng đạo mạo đã bị hạ bệ hoàn toàn với một loạt những hành động vô sỉ, bỉ ổi rất đáng lên án như lối sống đạo đức giả, thích làm dáng vẻ bề ngoài, cư xử vô văn hóa *"xỉ mũi vào cửa kính"*, thiếu đạo đức *"moi tiền của gã ăn mày"*, nói năng một cách thậm thụt, mờ ám *"nghe trộm điện thoại"* và đặc biệt là hành động *"nhìn ngực chị em trong đám tang"*. Thật không còn gì có thể cứu vãn được hình tượng ấy qua cách miêu tả có vẻ rất vô tư, tự nhiên, khách quan của nhà thơ. Bằng cách nói này, Mai Văn Phấn đã gọi cho ta nhớ đến cái xã hội "chó đêu" một thời mà nhà văn tiền bối Vũ Trọng Phụng đã khắc họa trong thiên tiểu thuyết nổi tiếng mang tên *Số đỏ*.

Và hôm nay, bọn người đạo mạo này vì danh lợi, địa vị luôn sẵn sàng làm mọi việc tày trời bất chấp mọi thủ đoạn mà không hề đếm xỉa đến những hậu quả nghiêm trọng mà nó gây ra: *"Đạo mạo ký tên vào công trình khoa học/ Đạo mạo làm thơ tình khi đã liệt dương/ Đạo mạo thả virus vào e - mail người khác/ Đạo mạo đánh tráo bài thi/ Đạo mạo tiêu tiền âm phủ"* (Bài học).

Rõ ràng, với những kẻ đạo mạo nói trên không có gì là quan trọng, không có gì mà chúng không thể và không dám làm. Hai câu thơ kết thúc: *"Cánh và khuỷu tay vẫn cứng/ Từ cổ tay xuống đến ngón phải mềm"* (Bài học) đã tạo thành tiếng cười đầy nghi hoặc trong lòng người đọc về thế giới của những kẻ đạo mạo trong xã hội ngày nay.

Không chỉ cười vào mặt những kẻ đạo mạo mà ngay chính bản thân tác giả cũng bị đưa ra tự vấn với cái nhìn đầy chua xót và hài hước: *"Tôi cúi xuống đón chiếc ách lên vai/ Tôi xù lông và bắt đầu sửa lớn/ Tôi lúc lắc và kêu bíp bíp/ Tôi mài cơ thể mình xuống sàn nhà"* (Chỉ là giấc mơ).

Hay ở một bài thơ khác, Mai Văn Phấn viết: *"tôi và con gián cùng hội thảo khoa học/ cùng đeo khẩu trang, cùng ngắm hoa/ cùng bẫy chim, cùng khắc phục hậu quả/ cùng lau mồ hôi, cùng tiên tri/ Con gián và tôi từ giờ sông phẳng/ Nó chui ra. Tôi vô cảm./ Nó gặm nhấm. Tôi ngáp chìm./ Nó leo tường. Tôi thù vặt./ Nó bài tiết. Tôi ăn gian./ Nó hôi xì. Tôi lì lợm./ Nó dò xét. Tôi mở đường./ Nó nghênh ngang. Tôi u muội"* (Chuyện còn dài).

Nhà thơ đã đặt con người ngang hàng với các loài vật, loài côn trùng như dê chó, trâu bò, gián... để tự vấn về nhân cách của họ. Và thế là với Mai Văn Phấn, nhân thể chỉ còn là chốn súc sinh ngự trị không còn là một huyền tượng nữa mà là hiện thực mang nghĩa biểu tượng. Từ đó, mỗi người đọc phải nghiêm túc suy nghĩ và chỉnh đốn lại bản thân nhằm hướng đến một xã hội tốt đẹp hơn.

Nhân vật “Hấn” – một nhân vật phổ quát trong thơ Mai Văn Phấn thường xuyên “đến trong ý nghĩ”. Hấn phải chăng cũng chính là tác giả hay mỗi chúng ta:

"Hấn là nơi hoàn thiện:

của gương đã lành/ sâu đã nở/ trinh đã mất/ cáp đã đứt/ công đã thông...

là bãi phế thải của giẻ rách/ mảnh thủy tinh/ băng vệ sinh/ giày dép lạc mốt...

là viên đạn bay đi chạm đích/ những vòng kinh hồi sinh/ dòng sông gặp biển..."

(Hấn)

Dường như Mai Văn Phấn muốn cảnh báo chúng ta rằng: thế giới đang biến đổi một cách chóng mặt và ngày càng trở lên nhiễu loạn. Không ai có thể giữ lại cho mình, dù là cái riêng nằm trong đống quàn: *"của quý kia phải liệng xuống hố phân"* (Chỉ là giấc mơ) mà đó lại không phải là một cuộc biến đổi thân phận thực sự.

Tiếng cười của Mai Văn Phấn còn hướng về những ý nghĩ ngẫu hứng giàu tính giễu nhại của trạng thái *Tinh táo tột cùng* làm cho người đọc không khỏi ngạc nhiên, thú vị:

*"Ý nghĩ tôi muốn điều khiển con chuột chui từ cống hẹp
từ тонн bò vào thùng rác nằm chết ngay gần
Xe chở rác đem những con chuột đi chôn
vĩnh viễn trong thành phố không còn chuột.
Một cách nghĩ khác:
Mức nước ở cảng Hải Phòng
nước tự biến thành tinh khiết
tự đóng chai lẫn đến các nhà hàng, khách sạn
Người nghèo đến đó mà thu tiền"*

(Tinh táo tột cùng)

Tuy nhiên, điều đáng nói là đằng sau tiếng cười châm biếm và giọng giễu nhại, hoài nghi ấy là cả một nỗi đau đớn vô cùng tận của nhà thơ trước hiện thực cuộc sống hôm nay. Tiếng nói của nhà thơ tuy nhẹ nhàng và có vẻ rất tự nhiên nhưng đằng sau nó, hàng loạt những vấn đề lớn lao được đặt ra đối với toàn xã hội. Phải chăng, bằng lối nói giễu nhại, hoài nghi này, nhà thơ đang đề nghị mỗi chúng ta hãy dừng cảm nhìn vào thực trạng đời sống hôm nay để đổi thay nếp nghĩ, lối sống cho phù hợp với thời kì hậu hiện đại đầy hoài nghi và bất an?

3.2.2. Giọng triết lý, chiêm nghiệm

Bên cạnh giọng thơ châm biếm, giễu nhại, thơ Mai Văn Phấn còn thể hiện rõ nét giọng điệu triết lý, chiêm nghiệm. Giọng điệu này trong thơ ông chủ yếu được bắt nguồn từ quan niệm của ông về nhân sinh và thế giới.

Có thể nói, trong thi giới khá bề bộn của Mai Văn Phấn, giọng điệu này được thể hiện ở nhiều bài thơ khác nhau rải rác ở hầu hết các tập thơ ông đã xuất bản. Tuy nhiên, *Hôm sau* vẫn là tập thơ mang tính triết lý đậm đặc nhất. Có điều những triết lý này trong thơ Mai Văn Phấn không cao siêu, trừu tượng mà rất phổ biến trong cuộc sống đời thường nhưng sẽ là nghịch lý nếu nhìn nhận theo logic thông

thường. Xét một cách toàn diện, đó là thứ triết lý được xác lập trên cơ sở những dữ kiện đời sống tồn tại như một nghịch lý. Mai Văn Phấn thường liên kết những hiện tượng đơn lẻ của đời sống, sau đó dùng kinh nghiệm để tích hợp và chuyển hóa thành phẩm chất mới. Chẳng hạn, chiếc thùng rác là môi trường bản thủ nhất, chỉ thích hợp với chuột, gián và ruồi, muỗi, người ta lại in đậm dòng chữ "*Ở đây không ô nhiễm, xin bạn yên tâm*", chính là một nghịch lý. Từ hiện tượng nghịch lý trên nhà thơ đi đến triết lý về sự nghịch lý khiến người đọc không khỏi ngạc nhiên về cái nhìn sắc sảo cùng những kiến giải hết sức mới mẻ trong quá trình nhận thức những hiện tượng xã hội đương đại.

Ở một bài thơ khác, Mai Văn Phấn viết:

*"Nhưng hình như
mọi con vật trong nhà
vẫn chế tác từ đồ phế thải:
con mèo tam thể được sinh ra từ mớ giẻ rách?
con cá bơi trong bể được gò hàn từ vỏ lon beer?
chim họa mi hót trong lồng là chiếc ấm vỡ?
con chó giụi đầu vào tay mình là cuộn báo cũ?
đàn kiến đang nhẩn nại tha mồi là đống mạt cưa?"*

(Không thể tin)

Tác giả từ một sự ngẫu hứng đã đề ra những khả thể cho sự vật: tại sao lại gọi đó là *con mèo* mà không phải là *mớ giẻ rách*? tại sao lại gọi đó là *con cá* mà không phải là *vỏ lon beer*?... hàng loạt câu hỏi kiểu như thế được cất lên có vẻ như ngây ngô, buồn cười nhưng thực ra nó lại mang một triết lý sâu sắc. Như một lời phản biện với quan niệm thông thường, những hình dung mới của nhà thơ đã làm thay đổi ý niệm về những cái đã mặc định. Có lẽ, qua bài thơ này, Mai Văn Phấn muốn nói với bạn đọc rằng: trong cuộc sống này, nhiều điều ta không ngờ vẫn có thể xảy ra.

Đằng sau những câu thơ có vẻ thô ráp, xù xì, thậm chí có phần ngộ nghĩnh của Mai Văn Phấn, ta bắt gặp những suy tưởng, chiêm nghiệm khá sâu sắc về con

người được tác giả đúc kết bằng kinh nghiệm bản thân qua nhiều năm tháng sống giữ hộ ký ức cho người khác. Ở bài *Anh tôi*, ý tưởng nhờ người khác giữ hộ ký ức của nhân vật *anh* là một ý tưởng lạ. Nhưng còn lạ hơn khi: *"Tôi khuyên anh nên vẽ tranh hoặc viết sách. Nhưng anh đâu phải nhà văn, họa sĩ. Tôi nêu nhiều giải pháp khác: cắt rời, khởi động lại, thu nhỏ, dùng đột ngột, nhìn như, nghiên thành bụi..."*. Lời khuyên ấy của nhân vật *tôi* quả thật xuất phát từ sự ngẫu hứng và là một sự phi lí hết sức so với logic thông thường. Nhưng chính sự phi lí ấy cũng phản ánh một triết lý khác, đó là đời sống tâm hồn của mỗi con người luôn tồn tại biệt lập. Dù rất thương anh nhưng nhân vật *"tôi"* không thể làm được gì hơn cho anh ngoài việc đưa ra những lời khuyên có vẻ thiếu thuyết phục. Anh ta vẫn phải sống, vẫn ngắm trăng, vẫn nhớ người yêu, vẫn giặt là, vẫn tắm gội sạch sẽ, thơm tho... như chẳng điều gì có thể thay đổi cuộc sống của anh ta.

Không chỉ dừng lại ở mối quan hệ anh em mà ngay cả trong quan hệ vợ chồng, tưởng như hai tâm hồn đã hòa làm một thì họ sẽ hiểu rất rõ về nhau, sẽ có thể chia sẻ với nhau mọi thứ. Nhưng không, người đàn ông trong thơ Mai Văn Phan đã bộc lộ nỗi cô đơn mệnh mông hết sức thấm thía:

"Em ngủ say không biết/ anh đang nhìn hạt mưa/ bóng tối xơ xác ngoài cửa sổ/ tán cây đè nặng ngực mình/ .../ Những ngọn thác câm lặng đang đổ xuống rất mạnh/ những đế giày chuẩn bị vỡ tung/ chân tường mở cánh cửa thoát hiểm/ bụi mưa phùn hay châu chấu bay qua/ cả ngôi nhà lao đi chóng mặt/ sừng sốt, rã rời khi gặp bình minh..." (Để nhận ra anh).

Đó là một triết lý sâu sắc về sự thấu hiểu trong tình yêu, về khả năng thâm nhập đời sống tinh thần giữa người với người.

Một nét độc đáo khác của thơ Mai Văn Phan là nhà thơ thường lấy con số 9 làm tiêu chí dẫn dắt mạch tư duy hình tượng. Chữ số và con số 9 có một vị trí quan trọng trong quan niệm văn hóa cổ phương Đông và thực tế vẫn tồn tại ở đời sống văn hóa xã hội ngày nay. Trong tín ngưỡng dân gian, số 9 được xem như con số thiêng, thường ẩn giấu những bí mật vũ trụ. Có lẽ xuất phát từ ý tưởng này mà Mai Văn Phan đã khai triển nhiều bài thơ của mình dưới hình thức 9 khúc, 9 đoạn hay 9

nhịp tạo thành sự tương hợp với cấu trúc tự nhiên của vũ trụ. Chẳng hạn như bài *Hình đám cỏ* (9 nhịp), *Những bông hoa mùa thu* (27 khúc), *Cửa mẫu* (9 đoạn). Hay ở một tập thơ khác có nhan đề *Hôm sau*, 27 bài thơ là 27 câu chuyện của Mai Văn Phấn. Điều thú vị là trong mỗi câu chuyện đời thường ấy đều hàm chứa yếu tố triết lý, nhưng đó là kiểu triết lý hồn nhiên trong mối tương quan liên đới chứ không phải là thứ triết lý bị nhà thơ áp đặt máy móc.

Sống ở đời, con người luôn phải đấu tranh sinh tồn và hướng đến xây dựng, vun đắp một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, của cải vật chất chỉ là phù du, là thứ có ý nghĩa ở trần gian này. Bởi lẽ, khi nhắm mắt xuôi tay mà trở về với cát bụi, họ không thể mang theo chúng và khi đó mọi thứ ở trần gian trở nên vô nghĩa: *"Một thời phò phạc thiên di/ Tìm trong bóng nước thấy gì nữa đâu/ Mảng đêm đập cánh đi mau/ Giọt sương trong mắt trên đầu hư không..."* (Thay lời chim làm tổ); *"Ừ, thì ra cát bụi/ Là một đời thân xác đón đau/ gió vẫn ru xanh mượt ở trên đầu/ Trời rót xuống từng cơn mưa dầm thắm"* (Hồn nhiên).

Viết những câu thơ này, có lẽ Mai Văn Phấn muốn gửi đến người đọc thông điệp rằng: điều quan trọng nhất khi chúng ta còn sống trên cõi đời này là phải sống cho có ý nghĩa, phải thiết tha với cuộc sống, phải biết cống hiến hết mình cho xã hội dẫu mình là ai đi chăng nữa:

- *Xưa có con tim nào hóa đá/ Để một ngày cho đá hóa con tim/ Để bàn chân ta sáng lên ngọn lửa/ Thắp lên phần cháy dở đêm qua* (Người cùng thời – Chương I)

- *Dù ở cuối làn hương/ Hay làm viên sỏi nhỏ/ Bị quên lãng ven đường/ Vẫn mong chờ ai đó/ Bỗng vô tình nhặt lên/ Lại cuống quýt gọi tên/ Lại bốn mùa xao xác/ Lại lo toan thường nhật/ Với tiếng liêng thuở nào/ Và mơ mộng chiêm bao.../ Và thương yêu khao khát/ Lại gọi tên cuống quýt/ Hồi bé bỏng sinh linh!/ Hồi bé bỏng trái tim!/ Trong vòng quay trái đất/ Dưới mặt trời thốn thức...* (Người cùng thời – Chương V)

Ai trong chúng ta cũng đều biết rằng, pha lê là sản phẩm tượng trưng cho cái đẹp nhưng nó rất dễ vỡ. Qua hình tượng "bụi" và "pha lê", Mai Văn Phấn đã gửi

đến chúng ta triết lý về cái đẹp:

"Tìu chai sạn dẫu tay người thợ/ Pha lê đứng lên rực rỡ lung linh/ Kiêu hãnh giữa không gian bụi bặm./ Người chủ lỡ tay/ Hay số phận.../ Pha lê quay cuồng/ Vụn nát./ Bàn hoàng/ Nhận ra/ Bụi là mẹ ở nơi nơi" (Bụi và pha lê).

Cái đẹp rất đáng quý, đáng trọng, đáng được nâng niu nhưng thường thì nó cũng mong manh, dễ bị tổn thương, dễ vỡ. Triết lý này có điểm gặp gỡ với triết lý “hồng nhan bạc phận” của đại thi hào Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*: *"Rằng: "Hồng nhan tự thuở xưa,/ Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu"* (Truyện Kiều).

Với Mai Văn Phấn, cây cỏ vô tri nhưng lại có hồn. Và thông qua hình tượng này, nhà thơ đã gửi gắm những triết lý mang tính nhân sinh sâu sắc. Chẳng hạn như những câu thơ sau: *"Hoa tàn cây vẫn còn đầu/ Hương thơm quyến luyến trên đầu cỏ xanh"* (Kính cầu ban mai); *"Gần em cho mưa bay/ cỏ dưới chân đang hàn gắn thế giới"* (Những bông hoa mùa thu)...

Như vậy, với hai giọng điệu chủ đạo là giễu nhại, hoài nghi và triết lý, chiêm nghiệm, Mai Văn Phấn đã góp phần làm phong phú, sinh động cho vườn thơ hiện đại Việt Nam và hơn thế là tạo ra một dấu ấn riêng cho thơ mình. Bên cạnh hai giọng điệu chính nói trên, thơ Mai Văn Phấn còn thể hiện giọng điệu tâm tình, phơi mở mà người viết hy vọng sẽ có điều kiện nghiên cứu kỹ hơn trong một chuyên luận khác.

3.3. Một số biện pháp nghệ thuật đặc sắc trong thơ Mai Văn Phấn

Trong sáng tác, Mai Văn Phấn ít khi vận vẹo tu từ nhưng điều đó không có nghĩa các biện pháp nghệ thuật vắng bóng trong thơ ông. Bởi lẽ, các thủ pháp nghệ thuật là công cụ hữu hiệu để tăng thêm tính nghệ thuật cho tác phẩm văn học, đồng thời cũng là phương tiện để đổi mới hình thức và nội dung tác phẩm văn học. Trong thơ Mai Văn Phấn, xuất hiện nhiều biện pháp tu từ và nhiều khi các biện pháp nghệ thuật này được dùng đồng hành cùng nhau nhằm tạo ra những hiệu quả diễn đạt nhất định.

3.3.1. Kỹ thuật đa tâm điểm

Kỹ thuật đa tâm điểm là một khái niệm khá mới mẻ trong văn học, nó xuất hiện ở thời kì văn học hậu hiện đại. Có thể hiểu đây là kỹ thuật nhằm tạo ra tính chất mở tối đa cho văn bản văn học. Nó được nhà thơ vận dụng xuyên suốt trong ba chặng đường thơ. Tuy nhiên, tập thơ *Hôm sau* của Mai Văn Phấn được coi là thành công nhất với kỹ thuật này. 27 bài thơ của tập thơ là 27 câu chuyện được viết dưới nhiều hình thức thơ khác nhau. Nhưng Mai Văn Phấn không kể chuyện mà chỉ vận dụng kỹ thuật này để tạo ra những khả thể về câu chuyện. Người đọc căn cứ vào đó mà hiểu, mà lý giải theo cách riêng của mình. Chính điều này đã góp phần tạo nên tính đa nghĩa cho các văn bản thơ của Mai Văn Phấn.

Nhiều ý kiến cho rằng, những bài thơ thành công nhất của Mai Văn Phấn đều được cấu trúc theo những câu chuyện nhỏ. Tuy nhiên, ở giai đoạn sáng tác đầu của nhà thơ, tính truyện chưa được thể hiện rõ nét nhưng càng về sau càng hiển lộ. Chẳng hạn, câu chuyện được tác giả giới thiệu trong bài thơ *Vãn trấn tỉnh tiễn khách ra ngõ* có đầy đủ các yếu tố cần thiết của một truyện ngắn: có nhân vật (ông khách và “mình”), có những tình tiết mang tính chất kì ảo (nhân vật xưng “mình” rót nước tiếp một vị khách đã mất từ 7 năm trước), có diễn biến tâm lý nhân vật (nhân vật “mình” đi từ trạng thái tâm lý ngạc nhiên đến mất tỉnh táo, rồi mất trí nhớ, hoang mang và cuối cùng là chìm trong vô thức), có kết thúc bất ngờ (*Luồng tử khí cao chừng một mét sáu dựng đứng trước mặt/ Chốc lại cúi gập*).

Hoặc ở bài thơ *Biết thì sống*, tác giả kể về cuộc tình dan díu giữa ông trưởng thôn và chị thu tiền điện tại quán thịt chó. Cơ duyên của mối tình này là: *"Nhà ông trưởng thôn bị con đường/ đâm thẳng vào cửa./ Mở sách Lý Số ra xem/ có họa./ Sách còn ghi/ ở mục Nốt ruồi/ trang 267 dòng thứ 3 từ dưới lên/ ám chỉ những người tơ tít, lãng nhãng"* (Biết thì sống). Câu chuyện kết thúc thật thú vị và bất ngờ: sau khi sự việc đó xảy ra, *"Biên bản lập thành 05 bản/ Có giá trị pháp lý như nhau"* và kẻ gặp rắc rối nhiều nhất lại không phải là hai nhân vật trong cuộc mà là lão chủ quán thịt chó – người được chứng kiến sự vụ này từ đầu đến cuối nên *"bị người đến nắm tình hình/ lấy lời khai suốt năm tiếng đồng hồ"*.

Trong thi phẩm *Giả thiết cho buổi sáng hôm sau*, nhà thơ kể về ông già có thói quen kì lạ: "*Về già ông ít nói/ không buồn, không giận/ suốt đêm ngồi buông câu bên vũng bùn/ để di dưỡng tinh thần?*". Nhưng đó mới chỉ là phán đoán của tác giả. Hãy xem trạng thái mà ông ấy ngồi câu cá: "*Không dám ngáp/ bởi mắt cảnh giác/ cào cào, châu chấu sẽ chui vào bụng*". Đọc đến đây, ta có cảm tưởng như nhà thơ đang nói về một triết gia, một nhà thông thái hoặc cũng có thể là một kẻ khùng. Nhân vật "*tôi*" trong bài thơ lặng lẽ quan sát và hành động: "*Tôi xếp củi để ông dựa lúc mỏi/ đặt bên cạnh chén nước*". Nhưng thật kì lạ là sáng hôm sau, mọi dấu vết liên quan đến câu chuyện này đều biến mất. Nhà thơ đã đặt ra những khả thể: "*Hay mặt đất xoá mọi dấu vết/ Tôi thành kẻ buôn điều, bịa chuyện./ Có thể dưới bình minh đen/ chắt ngát những con cá đen/ Gió móc vào ông lưỡi câu có ngạnh*". Qua câu chuyện này, có lẽ, Mai Văn Phấn muốn nói với chúng ta rằng: con người sống trong thời hiện đại luôn mang theo tâm thế hoài nghi và cảnh giác cao độ ngay cả với chính mình.

Cũng ở tập thơ *Hôm sau*, ta bắt gặp một loạt các bài thơ khác được viết với kỹ thuật này như *Không thể tin, Quay theo mái nhà, Nghe tin bạn mất trộm, Đứng vậy, Dậy trẻ con, Nếu, Cái miệng bất tử, Sống hồn nhiên...* Những bài thơ như thế này giống hệt một truyện ngắn mini mang hình thức thơ (khác với truyện ngắn thông thường hoặc truyện dài).

Với việc vận dụng thủ pháp nghệ thuật khá mới mẻ là kỹ thuật đa tâm điểm, Mai Văn Phấn đã bước đầu đạt được thành công trong công cuộc cách tân thi ca đi từ hình thức đến nội dung. Có thể nói, đây chính là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên thành công cho nhiều bài thơ của thi sỹ, đặc biệt là tập thơ *Hôm sau*. Và cũng chính thủ pháp nghệ thuật này đã tạo được hiệu quả cao trong việc tạo ra tính liên văn bản cho tác phẩm văn học.

3.3.2. Biện pháp ẩn dụ

Ẩn dụ là biện pháp tu từ không hề mới trong văn chương. Ẩn dụ (hay biểu tượng) trong tác phẩm văn học được xem như là hình thái kích vật mời người đọc tham gia đồng sáng tạo văn bản. Trên cơ sở ngôn ngữ, sự kiện, hình ảnh... trong tác

phẩm mà người đọc có thể tiếp nhận nó ở nhiều chiều kích suy tưởng. Hãy xem Mai Văn Phấn đã vận dụng nó như thế nào trong các thi phẩm của mình: *"Móc từ hóc mắt/ những nhãn quan/ Di ảnh là vật chứng/ Mổ vào lười và kéo dài/ Phơi dưới trời bài học khẩu ngữ/ Bóc từng mảng thịt/ Tháo rời tứ chi/ Số tung lục phủ ngũ tạng"* (Biển tầu con quạ).

Những động tác *"móc"*, *"mổ"*, *"bóc từng mảng thịt"*, *"tháo rời tứ chi"*, *"số tung lục phủ ngũ tạng"*... của loài quạ dữ là ẩn dụ của quá trình tìm nguyên nhân bệnh lý của cơ thể lớn đó là xã hội. Hình ảnh con quạ trong bài thơ trên chính là một phiên bản con người khi ta nhìn chính ta dưới nhãn quan siêu thực.

Ngay trong giai đoạn đầu, Mai Văn Phấn đã có những bài, những câu để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc: *"Tháng ngày gương lược về đâu/ Chân trời để xõa một màu cỏ non"* (Mười nén nhang ở ngã ba Đồng Lộc). Biện pháp nghệ thuật ẩn dụ chính là chìa khóa để bạn đọc khám phá bài thơ này. Những người con gái năm xưa đã hi sinh trong chiến tranh ở ngã ba Đồng Lộc được ẩn dụ bằng *"gương lược"* và *"để xõa"*. Và cả hai hình ảnh đó đều gọi ra cái không có mặt là: "tóc" mà lại là "tóc dài" của phụ nữ. Bằng cách diễn đạt này, các đối tượng là "tóc dài" và "phụ nữ" vốn vắng mặt trong lời thơ bỗng hiện diện trong tâm trí người đọc, nhưng xót xa, thương cảm hơn. Cả thời gian *"tháng ngày"* và không gian *"chân trời"* đều hoang vắng, chỉ còn *"một màu cỏ non"* của cái vô cùng, bất diệt và cái đang lên xanh.

Giai đoạn hai của hành trình thơ Mai Văn Phấn là bước chuyển dừng mãnh mang tính quyết định. Ẩn dụ có mặt đậm đặc. Ta có thể thấy rõ điều đó qua hàng loạt các thi phẩm như: *"Tôi với mọi người"*, *"Nỗi đau phát sáng"*, *"Trái tim giải thoát"*, *"Phía trước bàn chân"*, *"Mũi tên bóng tối"*, *"Phía sau ánh sáng"*, *"Từ một đường bay"*, *"Đổ về phía khuất vàng trắng"*, *"Dấu vết bình minh"*, *"Biển tầu đêm mưa"*, *"Biển tầu con quạ"*, *"Giọng nói"*, *"Nhịp thu về"*, *"Hồi sinh"*, *"Quyền lực mùa thu"*, *"Tiếng kẹt cửa"*, *"Mùa hạ rất gần"*, *"Đất mở"*, *"Nhịp điệu vẽ lối đi"*, *"Im trôi"*, *"Được quyền nghĩ những điều đã ước"*, *"Đợi mùa"*, *"Đối thoại với thời gian"*, *"Ước phục sinh"*, *"Dừng lại để suy nghĩ"*, *"Di chứng"*, *"Không quán tính"*, *"Đến trong ý nghĩ"*...

Hãy thử phân tích một thi phẩm tiêu biểu trong số đó mang tên *Mũi tên bóng tối*: "Từ tường tượng/ Và niềm khát vọng/ Tôi rút những mũi tên/ Ra đi tìm đích cho ngày". Đây là cách nhà thơ thể hiện khát vọng sáng tạo, khát vọng đổi mới thi ca của mình. Và thông qua hình ảnh ánh sáng của những ngọn đèn xuất hiện trên nền bóng tối, thi nhân đã thể hiện niềm hy vọng, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc cách tân này: "Khi cúi xuống dưới chân hoàng hôn/ Thấy bóng tối đã xếp dày hơn trước/ Chợt phát hiện thấy rất nhiều lỗ thủng/ Những ngọn đèn vờ thấp trên sông"

Đặc biệt, khi đọc tập thơ *Bầu trời không mái che*, chúng tôi nhận thấy mình vừa trải qua một cuộc thám hiểm vào thế giới của những câu thơ tích chứa tính ẩn dụ và biểu tượng: "Muốn viết câu thơ tự nhiên/ Như đi trên đất" (Hình Đám Cỏ - Nhịp IX). Bằng cách nói này, người thơ đã thể hiện ước vọng của mình rằng thơ ca luôn bám riết mặt đất, sẻ chia và đồng cảm với mọi nỗi đau cùng hạnh phúc của con người nơi trần thế. Và đây không chỉ là ước vọng của riêng Mai Văn Phấn mà còn là ước vọng của biết bao người thơ chân chính. Nhà văn hiện thực chủ nghĩa Nam Cao cũng từng thốt lên: "Chao ôi! Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than..." (Trăng sáng).

Ở một bài thơ khác, Mai Văn Phấn nói về sự trì trệ trong tâm thức sáng tạo của người nghệ sĩ: "Nhà thơ trú trong bóng râm/ Những con chữ bị khoét mất mắt" (Biển tấu con quạ). Hay thi sỹ nói về *cổ* với sự phân định rạch ròi *trắng – đen, thiện – ác* trong cuộc đời: *Miếng bóng tối ghé vào thanh bạch/ Hơi độc từng phun ngược lại âm hình/ Nơi đoán phạt trắng đen, thiện ác/ Lá cỏ trôi ra chiếc lưới phân minh*" (Tập phát âm).

Thơ Mai Văn Phấn phong phú ẩn dụ, chất chứa suy tưởng và đầy bất ngờ. Điều đó thể hiện tiềm lực trí tuệ của thơ ông và cũng là một phẩm chất đang cần của cả nền thơ chúng ta hôm nay. Tuy nhiên, ẩn dụ xuất hiện dày đặc không chỉ là trở ngại lớn đối với bạn đọc thông thường mà nó cũng là thách thức đối với giới nghiên cứu, phê bình chuyên nghiệp khi tiếp cận thơ Mai Văn Phấn.

Nhưng cần lưu ý rằng, những ẩn dụ trong thơ Mai Văn Phấn không phải là những biểu tượng bất biến, cố định, chết cứng, mà nó sinh thành cùng kinh nghiệm, cảm giác của chính tác giả trong quá trình sáng tạo. Do đó, khi nhà thơ nói đến đất, nước, ban mai, ngọn lửa, bầu trời, cỏ cây, vách đá, trăng sao... thì đó không phải là những biểu tượng sẵn có mà là cách nhà thơ cảm nhận về thế giới.

Có thể nói, ẩn dụ là một trong những biện pháp nghệ thuật chủ đạo tạo nên diện mạo thơ Mai Văn Phấn. Vì thế, bạn đọc có thể coi đây là chiếc chìa khóa để mở cánh cửa vào ngôi nhà thơ ông mà khám phá những điều bí mật vô cùng thú vị thông qua những hình tượng thơ.

3.3.3. Biện pháp nhân hóa và liên tưởng

Có lẽ không phải vô tình mà bài *Tản mạn về cỏ* lại được Mai Văn Phấn đặt ở ngay trang đầu của tuyển tập: "*Ghé môi vào miệng thời gian/ Cho hơi thở mọc vô vàn cỏ non*".

Thực ra, nhân hóa là phép tu từ không của riêng ai. Với cư dân trồng lúa nước, nó đã thành một thi pháp: *Lúa thì con gái, lúa ghé đòng, lúa đứng cái...* Nhưng phép nhân hóa trong thơ Mai Văn Phấn lại mang một sắc thái hoàn toàn khác. Như một cặp bài trùng, biện pháp nhân hóa luôn gắn liền với liên tưởng. Trong thi phẩm *Sau mùa gặt*, "*đất đai*" được nhà thơ ví với "*người đàn ông nằm ngủ*". Giấc ngủ trể tràng của anh ta gợi liên tưởng đến một đêm hoan lạc của tình ái, gợi ra sự mệt mỏi sau quá trình phục vụ cuộc sinh nở vĩ đại của chính vợ anh ta.

Đặc biệt, nhà thơ có cách diễn đạt rất lạ về sự sinh nở của con người: "*Mặt đất vừa qua phút lâm bồn/ Anh về hệt bước trước hoàng hôn/ Chân trời phía ấy vừa se lại/ Chiều rộng mặc kim chỉ gió luôn*" (Nghe tin em sinh con); "*Đặt con lên đất/ Lòng sông đau xé thân đêm*" (Cửa mầu - II).

Vận dụng thủ pháp nhân hóa và liên tưởng để tiếp cận những câu thơ trên của Mai Văn Phấn, người đọc khám phá ra hai cấp độ hiểu: thứ nhất là nỗi đau sinh nở của con người; thứ hai là nỗi đau sinh nở của thiên nhiên.

Ở một bài thơ khác, Mai Văn Phấn ca ngợi sự phồn sinh của bầu vú phi phạm. Phép liên tưởng cho phép ta hướng đến hai đối tượng được nhắc đến trong bài thơ là

mẫu và thiên nhiên: "Vòm ngực thả trái cây sắp rụng/ Lũ cuốn, đá lở, sạt đồi/ Con thú giật tung giây trời/ Nghiền không gian thành sữa thơm dưỡng chất/ Bầu vú cương lên căng mọng/ Nuôi nắng trẻ thơ trên khắp thế gian" (Hình Đám Cỏ - Nhịp IV).

Đọc thơ ông, ta bắt gặp hàng loạt những câu thơ với thủ pháp nhân hóa và liên tưởng:

- Bóng những chiếc ghé, hàng cây, ngọn tháp.../ Trón màn đêm đi tìm ước mơ/.../ Những giấc mơ cổ vùng vẫy đến tận cùng sự thật (Phía sau ánh sáng)

- Đang tan vỡ bao giấc mơ lộn ngược/ Trong nước mưa mát lạnh – phồng nở – rền vang (Biển tầu đêm mưa)

- Đây ngó sen vời vợi đáy hồ/ Kia lũ trẻ trần truồng chạy vào tôi hơn bốn mươi năm trước (Mũi tên bóng tôi)

- Những mái rạ xếp lên nhau thờ dốc/ Mặt đất nôn nao mở miệng sông hồ/ Mùa thu chảy vào nỗi niềm thâm căn cố đế/ Hơi nóng rân rân truyền lên thịt da/.../ Khi mùa thu thoát qua mắt sấm cầm (Quyền lực mùa thu)

Sự liên tưởng phóng khoáng của tưởng tượng tạo nên sức quyến rũ của hình ảnh và ngôn từ trong thơ Mai Văn Phấn. Đồng thời, nó giúp câu thơ và bài thơ thoát ra khỏi sự gò bó của những thói quen sáng tạo sáo rỗng, nhàm chán một thời. Tiếp cận những sáng tác mới của Mai Văn Phấn, ta nhận thấy được độ chín trong tìm tòi sáng tạo của nhà thơ qua sức tưởng tượng phong phú, ý tưởng và hình ảnh lạ, sự quả cảm trong việc phá vỡ kết cấu bài thơ, câu thơ đã từng được ổn định trong phần lớn những tác phẩm đương thời nhằm hướng đến các hình thức diễn đạt mới trong thơ. Đoạn thơ dưới đây là cách Mai Văn Phấn vận dụng linh hoạt, có chủ ý nghệ thuật vắt dòng, “hiệu ứng cánh bướm” của lối thơ Tân hình thức. Những câu thơ cùng mạch ý được bắt ngờ xuống dòng, tạo một cảm giác hụt hẫng rơi tự do, không trọng lượng trong một hoàn cảnh đặc biệt. Chẳng hạn:

*mặt đất lỏng lỏng đỉnh đầu tâm xoáy
lưỡi gió miết thân lá tả càng bám
chặt càng lay giật mạnh khăn đặc hú*

gào hổi thúc nghiêng ngả ngậm chặt lá

khô giã giữa càng lắm nhảm bóng đè

thập thồm con đường mãi hôn càng căng

mon mơn dều anh miệng vực lắm bằm

không thể rời nhau sợ sâu toát vĩa

mồ hôi lộn ngược dính chặt

đơm hoa kết nụ lá rủ vổ về

che chở cảnh khô đung đưa trêu người

sấm sét mắt nhìn đổ trận mưa rào

dieu em êm đềm thở dốc xuống bắt

chợt rung vang nhau từng thanh chuông gió

(Hình đám cỏ - Nhịp IX)

Tuy không xuất hiện đậm đặc như biện pháp nghệ thuật ẩn dụ nhưng nhân hóa và liên tưởng cũng là một trong những công cụ hữu hiệu giúp khám phá các tầng lớp nghĩa của thơ Mai Văn Phấn một cách hiệu quả hơn.

* * *

*

Như vậy, bên cạnh việc sử dụng ngôn ngữ của đời sống thường ngày để sáng tác, Mai Văn Phấn còn hướng đến ngôn ngữ lạ hóa và tinh luyện. Đặc biệt, thi sỹ còn vận dụng tối đa hệ thống ngôn từ giàu tính chất tượng trưng, kết hợp với những hình ảnh ẩn dụ nhằm tạo ra tính đa thanh, đa nghĩa cho tác phẩm. Tuy đến với thi đàn khá muộn nhưng Mai Văn Phấn không chỉ ghi được dấu ấn riêng ở lĩnh vực ngôn ngữ thơ mà còn tạo ra được một giọng điệu thơ riêng với hai chất giọng tiêu biểu là giọng châm biếm, giễu nhại và giọng triết lý, chiêm nghiệm. Ông còn tỏ ra rất tài tình trong việc vận dụng các thủ pháp nghệ thuật đặc sắc khi sáng tạo như: biện pháp ẩn dụ, nhân hóa, liên tưởng và đặc biệt là kỹ thuật đa tâm điểm. Đây là một thủ pháp nghệ thuật khá mới mẻ của văn học hậu hiện đại nhằm tạo ra tính chất

mở tối đa cho văn bản văn học. Tập thơ *Hôm sau* của Mai Văn Phấn được coi là thành công nhất với thủ pháp nghệ thuật này.

KẾT LUẬN

1. Hành trình sáng tạo của người nghệ sỹ là hành trình tự đổi mới tư duy sáng tạo để thoát khỏi quy luật tự đào thải hết sức nghiệt ngã. Đây vừa là nguyên nhân, vừa là động lực thúc đẩy các nhà văn, nhà thơ nỗ lực hết mình nhằm tạo ra một chỗ đứng riêng, vững chắc trong lòng bạn đọc.

Tiếp cận mười hai tập thơ Mai Văn Phấn đã xuất bản và hơn một trăm bài viết, công trình nghiên cứu thơ ông, chúng tôi xác tín rằng, trong sáng tạo nghệ thuật, nhà thơ luôn lao động miệt mài, nghiêm túc, say mê đến không biết mỏi mệt. Thông qua thi giới bề bộn, phồn sinh của mình, thi sỹ đã tạo nên một phong cách thơ riêng biệt, khá độc đáo. Sự riêng biệt, độc đáo ấy trước hết được thể hiện ở quan niệm nghệ thuật của ông. Với Mai Văn Phấn, sáng tạo văn chương chính là hành trình luôn tự “lột xác” đi tìm cái đẹp. Văn chương giúp con người trở nên cao quý hơn, xã hội tốt đẹp hơn, đồng thời cảnh báo con người trước những nguy cơ đang rình rập họ. Và trách nhiệm của mỗi nhà thơ là phải hướng đến đổi mới thi ca và tạo ra được cái tôi cá tính trong thơ. Là một công dân của xã hội hiện đại, nhà thơ tỏ ra thấu hiểu các đặc điểm, trạng thái tâm lý cũng như tâm thế của con người sống trong thời hiện đại, hậu hiện đại. Tất cả họ đều chịu sự chi phối của những quy luật huyền bí khó có thể giải thích, đều khát khao tự do cá nhân, đôi lúc cảm thấy mình bé mọn, cô đơn, thấy bị chao đảo trước nhịp sống quay cuồng của xã hội hiện đại và đôi khi tỏ ra vô cảm với mọi thứ nhưng nhiều khi lại khát khao được sống hồn nhiên, trở về với bản thể tự nhiên. Bằng con mắt quan sát tinh tế và có chiều sâu, Mai Văn Phấn nhìn nhận vạn vật trong sự phồn sinh và hóa sinh bất định. Chính những quan niệm về thi ca, về thi nhân, về nhân sinh và thế giới nói trên đã chi phối hành trình sáng tạo nghệ thuật của ông. Hành trình thơ ấy về cơ bản được chia thành ba giai đoạn chính. Nếu như giai đoạn đầu (từ khởi đầu đến năm 1995) thơ ông nghiêng về truyền thống với thể điệu lục bát, thơ Đường, tự do có khổ có vần và chưa có nhiều chất riêng thì ở giai đoạn thứ hai (từ năm 1995 đến năm 2000) đã thể hiện được nỗ lực bút phá để rồi phát huy rõ rệt ở giai đoạn thứ ba (từ năm 2000 đến 2010) với nhiều bài thơ được coi là đỉnh cao của thơ Mai Văn Phấn, đồng thời cũng

là những thi phẩm sáng giá trong nền thi ca đương đại. Qua ba giai đoạn thơ, Mai Văn Phấn đã thể hiện rõ sự trưởng thành trong sáng tạo nghệ thuật. Và hành trình thơ ấy cũng chính là quá trình nhà thơ nhận thức và đổi mới phong cách thể hiện, là quá trình thi nhân đi tìm phẩm chất mới cho thơ mình và cho thế hệ mình.

Tiếp cận thế giới thơ Mai Văn Phấn một cách nghiêm túc và tương đối đầy đủ, chúng tôi bước đầu khám phá ra một số kiểu tư duy mang tính chất tiêu biểu, đó là: kiểu tư duy hiện thực và biến ảo; phi lý và tượng trưng; liên tưởng và bắc cầu. Với các kiểu tư duy này, thơ Mai Văn Phấn hướng đến các chủ đề tình yêu, thiên nhiên – vũ trụ và chủ đề tâm linh. Việc thi nhân sử dụng các hình ảnh mang tính biểu tượng như *đất đai, sông nước, cỏ cây, ánh sáng, ban mai, ngọn lửa, người mẹ, người tình, quả chuông...* để biểu đạt những tâm tư, tình cảm, nghĩ suy của mình hay để gửi đến bạn đọc một thông điệp nào đó cũng chính là một nét riêng của thơ Mai Văn Phấn.

Nói về nghệ thuật ngôn từ, Mai Văn Phấn tỏ ra nhuần nhuyễn trong việc sáng tạo ra thứ ngôn ngữ chặt lọc, cô thấu và tinh tế nhưng ông cũng không bỏ qua thứ ngôn ngữ đời thường giản dị như chính cuộc sống của thi nhân. Đặc biệt, nhà thơ đã khá thành công khi tạo ra sự khác biệt cho thơ mình bằng việc vận dụng tối đa hệ thống ngôn từ tạo sinh nghĩa với đầy ắp những hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ và tượng trưng. Với phương châm sáng tạo này, Mai Văn Phấn đã tạo ra được tính chất mở, tính đa thanh, đa nghĩa cho tác phẩm văn học và kêu gọi người đọc đồng sáng tạo với nhà thơ.

Tuy đến với thi đàn khá muộn nhưng Mai Văn Phấn không chỉ ghi được dấu ấn riêng ở lĩnh vực ngôn ngữ thơ mà còn tạo ra được giọng điệu thơ riêng với hai chất giọng tiêu biểu là giọng giễu nhại, hoài nghi và giọng triết lý, chiêm nghiệm. Ông còn tỏ ra rất tài tình trong việc vận dụng các thủ pháp nghệ thuật đặc sắc như biện pháp ẩn dụ, nhân hóa, liên tưởng và đặc biệt là kỹ thuật đa tâm điểm. Đây là một thủ pháp nghệ thuật khá mới mẻ của văn học hậu hiện đại.

2. Trong thời gian gần đây, thơ Mai Văn Phấn đã dần được giới nghiên cứu chuyên nghiệp nói riêng và độc giả nói chung quan tâm đúng mức. Bởi lẽ, cái mới

bao giờ cũng khó chấp nhận trong khi Mai Văn Phấn luôn coi sự cách tân thơ là phương châm sáng tạo nghệ thuật trong suốt cuộc đời cầm bút của mình. Chính ông đã từng thốt lên: "Thật kinh hãi khi phải ngắm nhìn một nghệ sỹ cứ đứng mãi một chỗ mà biểu diễn quá nhiều lần một tiết mục tới gần như vô cảm, nói cách khác là thương hại những ai thâm canh triền miên trên mảnh đất đã cằn cỗi [55, tr. 399]. Cho đến thời điểm này, chúng tôi có thể mạnh dạn khẳng định rằng, Mai Văn Phấn đã dành được một chỗ đứng vững chãi trên thi đàn Việt Nam. Thơ ông đã đoạt được hàng loạt những giải thưởng văn học uy tín trong nước (giải Văn học Nguyễn Bình Khiêm (thành phố Hải Phòng, các năm 1991, 1993, 1994, 1995); giải nhì (không có giải nhất) cuộc thi thơ của báo *Người Hà Nội* (năm 1994); giải nhì (không có giải nhất) cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ* (năm 1995); giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam cho tập thơ *Bầu trời không mái che* (năm 2010 - 2011)), được giới thiệu rộng rãi ở nước ngoài (Thụy Điển, New Zealand, Anh quốc, Hoa Kỳ, Hàn quốc, Indonesia...). Gần đây, thơ Mai Văn Phấn lại được đông đảo giới nghiên cứu, bạn đọc trong và ngoài nước chào đón một cách nồng nhiệt với một cuộc hội thảo thơ lớn được tổ chức tại thành phố cảng Hải Phòng vào ngày 15/ 5/ 2011. Tất cả những điều đó đã nói lên rằng, Mai Văn Phấn là một nhà thơ đã nổi danh và có tài năng thực sự. Ông đã chiếm lĩnh được một vị trí quan trọng trên thi đàn nói chung và trong dòng thơ cách tân sau 1975 của nước ta nói riêng.

3. Thơ Mai Văn Phấn đã đóng góp nhiều giá trị cho văn học nghệ thuật nhưng bên cạnh thành công thì thơ ông cũng có những điều còn dang dở. Trước hết, Mai Văn Phấn vẫn có những bài thơ gây khó hiểu cho bạn đọc. Với niềm say mê cách tân thơ, nhiều khi nhà thơ quá sa đà vào việc thử nghiệm những cái mới nên thơ ông trở nên rối rắm, khó hiểu. Đọc nhiều thi phẩm kiểu như *Lấn thấn lúc chẵn vệt*, *Cấu trúc tạm thời...* thì ngay cả bạn đọc có chuyên môn cũng khó mà hiểu được nhà thơ định nói gì. Bên cạnh đó, việc sử dụng dày đặc các hình ảnh ẩn dụ trong thơ cũng gây trở ngại không nhỏ cho độc giả trong quá trình tiếp nhận. Mai Văn Phấn viết khá nhiều thơ văn xuôi với nỗ lực xóa nhòa ranh giới giữa văn xuôi và thơ nhưng ông chưa thực sự thành công. Những bài thơ đỉnh cao của Mai Văn Phấn

không nằm ở thể loại này. Trong khi đó, vẫn còn tồn tại một số ít bài thơ chưa thể thành thơ xuôi mà chỉ là văn xuôi.

Nhà thơ Hữu Thỉnh nhận định: "Thơ anh có nhiều thể nghiệm, quyết liệt cho cái mới. Vì ham thể nghiệm, có chỗ chưa nhuyễn, có chỗ còn sượng và còn vướng nhiều phụ tùng quá. Anh còn kể nhiều, thiếu ma lực, ít khi đạt được chót đỉnh những khái quát. Anh thành công ở chiến thuật nhiều hơn ở chiến lược" [28; tr. 588]. Tuy nhiên, công bằng mà nói, điều đáng tiếc ấy cũng là một tất yếu đối với mọi nhà thơ.

4. Tiếp cận thi giới Mai Văn Phấn, chúng ta có thể nghiên cứu theo nhiều hướng khác nhau xét trên nhiều phương diện, từ nhiều góc độ. Đề tài mà chúng tôi thực hiện trên đây chỉ mang tính chất khái quát và được coi như một gợi mở. Từ đây, chúng tôi hy vọng mỗi bạn đọc đều có thể tìm cho mình một hướng nghiên cứu, đi sâu vào khai thác chúng và có thể phát hiện ra nhiều điều thú vị và mới lạ hơn nữa trong thơ Mai Văn Phấn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Tuấn Anh (2009), *Tiếp nhận lý thuyết văn học hậu hiện đại ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ khoa học lý luận văn học, Trường Đại học khoa học – Đại học Huế.
- [2] Hoàng Hữu Các (2009), “Tập thơ và đột nhiên gió thổi của nhà thơ Mai Văn Phấn”, Nguồn <http://www.vnweblogs.com/post/2810/184241>, truy cập 9:30, ngày 30/ 9/ 2011.
- [3] Bích Chi (bút danh của Nguyễn Quang Thiều) (2006), “Người đứng trước những con sóng”, Báo *An ninh thế giới cuối tháng*, (54), tr.15.
- [4] Nguyễn Việt Chiến (2006), “Mai Văn Phấn hành trình tới bến bờ cách tân”, Báo *Văn nghệ trẻ*, số 28 (502), tr.5.
- [5] Nguyễn Việt Chiến (2009), “Mai Văn Phấn với những bài thơ hướng đến một trường - thẩm - mỹ mới”, Báo *Người Hà Nội*, (42), tr.6.
- [6] Văn Chinh (2009), “Độc hành Mai Văn Phấn”, (Lời giới thiệu trên website Hội Nhà văn Việt Nam),
 Nguồn:<http://phienbancu.vanvn.net/News.asp?cat=&scat=16&id=1933>, truy cập 9:30, ngày 05/ 10/ 2011.
- [7] Trương Đăng Dung (1998), *Từ văn bản đến tác phẩm văn học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Phan Triều Dương (2010), “*Hôm sau – dù có bao giờ*”, Báo *Đất Việt*, (552), tr.11.
- [9] Nguyễn Hữu Điện (1993), “*Độc Giọt nắng* thơ của Mai Văn Phấn”, Tạp chí *Cửa Biển*, (13), tr.66 – 68.
- [10] Nguyễn Hoàng Đức (2010), “Giải thưởng có đồng nghĩa với đỉnh cao”, Báo *Văn nghệ trẻ*, (12), tr.12 - 13.
- [11] Nguyễn Hoàng Đức (2010), “Mai Văn Phấn, ngòi bút phiêu lưu giữa những biến cố của tâm hồn”, Báo *Hải quan*, số tết Canh Dần, (17 – 22), tr.35.
- [12] Đặng Huy Giang (2001), “Những ngón tay dị dạng” (Về tập *Thơ viết*, NXB Thanh Niên - 2001), Báo *Người Hà Nội*, (34), tr.11.

- [13] Trần Thị Thu Hà (2011), *Tư duy nghệ thuật thơ Bích Khê*, Nguồn: http://www.bichkhe.org/home.php?cat_id=146&id=215&kh=4a4614, truy cập 9:49, ngày 24/ 10/ 2011.
- [14] Nguyễn Hưng Hải (2007), "Thơ Mai Văn Phấn, Tiếng nói tinh táo và đa thanh", Báo *Hải Quan*, (19 – 24), tr.35.
- [15] Lê Bá Hán – Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, TP Hồ Chí Minh.
- [16] Đào Duy Hiệp (1996), “Trao đổi cùng Nguyễn Hoàng Sơn về bài *Nhân hai cuộc thi ngắn hạn của Báo Văn nghệ*”, Báo *Văn nghệ trẻ*, (10), tr.12 – 13 và 21.
- [17] Đào Duy Hiệp (2010), “Cấu trúc ngôn ngữ và hình ảnh trong tập thơ và *đột nhiên gió thổi*” của Mai Văn Phấn, Nguồn: http://www.vanchuongviet.org/vietnamese/nghehuat_tacpham.asp?TPID=11942&LOAIID=28&LOAIREF=&TGID=1024, truy cập 9:30, ngày 30/ 9/ 2011.
- [18] Lê Anh Hoài (2010), (Lời giới thiệu về thơ Mai Văn Phấn), Báo *Tiền Phong*, (1), tr.9.
- [19] Lê Anh Hoài (2010), “Thơ Mai Văn Phấn” (Lời giới thiệu), Báo *Tiền Phong*, Chủ nhật 3 - 10 – 2010, (274), tr.9 - 10.
- [20] Trần Ninh Hồ (1996), “Lại ngẫm về cuộc thi thơ Văn nghệ 1995”, Báo *Văn nghệ trẻ*, (12), tr.12.
- [21] Thu Hồng (2003), “Không gian Mai Văn Phấn”, Báo *An ninh Hải Phòng*, (793), tr.8.
- [22] Lê Thị Huệ (2006), “Lời giới thiệu của Lê Thị Huệ trên Website Gió – O”, Nguồn: <http://www.gio-o.com/MaiVanPhanNghileNhanTen.html>, truy cập 9:30, ngày 30/ 9/ 2011.
- [23] Vũ Thị Huyền (2009), “Nhà thơ Mai Văn Phấn – *Chữ bầu lên tư tưởng*”, Báo *Hải Phòng cuối tuần*, (33), tr.28 – 29.
- [24] Inrasara, “Mai Văn Phấn: Ra đi sau TIẾNG --- KẾT --- CỬA”, Nguồn:<http://www.tienve.org/home/literature/viewLiterature.do?action=viewArtwork&artworkId=1945>, truy cập 9:30, ngày 30/ 9/ 2011.

- [25] Inrasara (2009), “Mai Văn Phấn, kết thúc cho một khởi đầu”, Tạp chí *Cửa Biển*, (102), tr.71 – 73.
- [26] Nguyễn Tham Thiện Kế (2009), “Mai Văn Phấn - Chàng thi sĩ đi bên bờ sóng”, Báo *Tiền phong cuối tuần*, (36), tr.16 - 17.
- [27] Đình Kính (2003), “Thơ Mai Văn Phấn, một cách đi trong đời mới”, Báo *Người Hà Nội*, (9), tr.7 – 8.
- [28] Đình Kính (tuyển chọn, 2011), *thơ Mai Văn Phấn và Đồng Đức Bốn khác biệt và thành công* (Kỷ yếu hội thảo thơ tại Hải Phòng, 15/ 5/ 2011), NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [29] Phạm Khải (1996), “Gọi xanh”, Báo *Người Hà Nội*, (16), tr.2.
- [30] Hoài Khánh (2009), “Với *Hôm sau*, nhà thơ Mai Văn Phấn thêm một lần tự đổi mới mình”, Nguồn: hoaikhanh.vnweblogs.com/post/2810/183387, truy cập 9:30, ngày 30/ 9/ 2011.
- [31] Hoài Khánh (2010), “Mai Văn Phấn với *Bầu trời không mái che*”, Nguồn <http://hoaikhanh.vnweblogs.com/post/2810/269869>, truy cập 9:40, ngày 30/ 9/ 2011.
- [32] Vũ Hoàng Lâm (2008), “Tiếng kẹt cửa – một con đường”, Tạp chí *Việt Kiều Hải Phòng*, (3), tr.18.
- [33] Lê Thị Lệ (2007), *Quan niệm của phân tâm học về văn học*, Khóa luận tốt nghiệp khoa XXVII, Trường Đại học khoa học – Đại học Huế.
- [34] Đoàn Linh (2010), “Văn chương và mũ áo chính trị” (trao đổi về bài *Thơ Việt Nam đương đại, buổi ra đi và trở về* của Mai Văn Phấn và các comment trên *Da Màu*), Nguồn: damau.org/archives/11474, truy cập 8:40, ngày 05/ 10/ 2011.
- [35] Phạm Thùy Linh (2009), “Nỗi cô đơn mệnh mông trong *Để nhận ra anh*”, Báo *Hải Phòng cuối tuần*, (15), tr.22 – 23.
- [36] Phạm Thùy Linh (2009), “Mai Văn Phấn yêu cho trắng sáng”, Báo *Hải Phòng cuối tuần*, (10), tr.20 và 27.

- [37] Vi Thùy Linh (1999), “Một con chiên nguyên khiết của thi ca”, Báo *Thừa Thiên Huế*, (1507), tr.4.
- [38] Dương Kiều Minh (1996), “Ấn tượng giải thơ cuộc thi thơ tuần báo Văn nghệ 1995”, Báo *Văn nghệ trẻ*, (10), tr.13.
- [39] Dương Kiều Minh (2009), “Hiện thực giả định và hiện thực tâm tưởng trong thơ Mai Văn Phấn”, Báo *Văn nghệ công an*, số 114, tr.25.
- [40] Dương Kiều Minh (2006), “Lộ trình thơ Mai Văn Phấn”, Tạp chí *Cửa Biển*, số tháng 7/ 2006, tr.74.
- [41] Lưu Nạp (Trung Quốc) (1996), “Thơ – sự thiếu vắng của chuẩn mực đánh giá” (Phạm Tú Châu dịch), Báo *Văn nghệ trẻ*, (12), tr.13.
- [42] Nguyễn Thánh Ngã (2009), “Mười nghĩ ngắn về thơ Mai Văn Phấn” (vừa đọc vừa nghĩ),
 Nguồn:<http://www.vannghesongcuulong.org.vn/modules.php?name=News&op=viewst&sid=5731>, truy cập 9:30, ngày 30/ 9/ 2011.
- [43] Nguyễn Thánh Ngã (2010), “Một giọt nước một mầm cây” (tạp bút), Tạp chí *Giác Ngộ*, (535), tr.26 – 27.
- [44] Phạm Xuân Nguyên (2000), “Ban Mai và Ngọn Lửa”, Báo *Hải Quan*, (5 – 6), tr.39.
- [45] Mai Văn Phấn (1992), *Giọt nắng*, NXB Hội văn nghệ Hải Phòng.
- [46] Mai Văn Phấn (1994), “Thơ và trách nhiệm” (Tham luận tại Hội nghị Công tác nhà văn trẻ toàn quốc lần thứ IV), Tạp chí *Cửa Biển*, (18), tr.59 - 60.
- [47] Mai Văn Phấn (1995), *Gọi xanh*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [48] Mai Văn Phấn (1997), *Cầu nguyện ban mai*, NXB Hải Phòng.
- [49] Mai Văn Phấn (1999), *Trường ca người cùng thời*, NXB Hải Phòng.
- [50] Mai Văn Phấn (1999), *Nghi lễ nhận tên*, NXB Hải Phòng.
- [51] Mai Văn Phấn (2003), *Vách nước*, NXB Hải Phòng.
- [52] Mai Văn Phấn (2009), *Hôm sau*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [53] Mai Văn Phấn (2009), *và đột nhiên gió thổi*, NXB văn học, Hà Nội.

- [54] Mai Văn Phấn (2010), *Bầu trời không mái che*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [55] Mai Văn Phấn (2011), *Thơ tuyển Mai Văn Phấn cùng tiểu luận và trả lời phỏng vấn*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [56] Vĩnh Phúc (2009), “Mai Văn Phấn với *Hôm sau & và đột nhiên gió thổi*”, Nguồn <http://doanvinhphuccr.vnweblogs.com/post/12475/183208>, truy cập 9:30, ngày 30/ 9/ 2011.
- [57] Vũ Quần Phương (1993), “Mai Văn Phấn một hướng tìm”, Báo *Văn nghệ*, (34), tr.9.
- [58] Vũ Quần Phương (1994), “Vài cảm nhận từ cuộc thi” (Thay mặt tòa soạn phát biểu trong lễ trao giải), Báo *Người Hà Nội*, (41), tr.5.
- [59] Đặng Văn Sinh (2010), “Mai Văn Phấn và khúc biến tấu *Hôm sau*”, Tạp chí *Cửa Biển*, (107), tr.95 - 99.
- [60] Nguyễn Hoàng Sơn (1996), “Nhân hai cuộc thi ngắn hạn của Báo Văn nghệ”, Báo *Văn nghệ trẻ*, (10), tr.12 – 13.
- [61] Nguyễn Thanh Tâm (2010), “Động hình của tư duy và mỹ cảm trong tập thơ *Hôm sau* của Mai Văn Phấn”, Báo *Người Hà Nội*, (20), tr.6.
- [62] Liêu Thái (2011), “*Bầu trời không mái che* – symphony thơ”, Báo *Người Hà Nội*, (11), tr.15.
- [63] Đặng Thân (2009), “Mai Văn Phấn và công nghệ cách tân thơ”, Nguồn http://vn.360plus.yahoo.com/jw!D9k_6D.aERo6aFEwiiXRB.BA/article?mid=3336&fid=-1&action=next, truy cập 9:30, ngày 30/ 9/ 2011.
- [64] Nguyễn Quang Thiều (1999) “Những nhận định về thơ Mai Văn Phấn”, Báo *Hà Nội mới*, (247), tr.3.
- [65] Nguyễn Quang Thiều (2010), “Người đứng trước những con sóng”, Nguồn <http://forum.hiv.com.vn/?g=posts&m=215070>, truy cập 9:35, ngày 30/9/2011.
- [66] Anh Thơ (2008), “Mai Văn Phấn – người đi quanh con chữ”, Báo *An ninh Hải Phòng*, (1659), tr.8.
- [67] Y Trang (bút danh của Đỗ Quang Hạnh) (2003), “Nhà thơ Mai Văn Phấn – kẻ đợi mùa”, Báo *Lao động*, (318), tr.5.

- [68] Phạm Quang Trung (1999), “Về một đặc trưng của trường ca qua Người cùng thời” của Mai Văn Phấn, Báo *Người Hà Nội*, (51), tr.8 và 15.
- [69] Phạm Quang Trung (2001), “Nghĩ từ *Những ngón tay dị dạng* của Đặng Huy Giang”, Báo *Người Hà Nội*, (43), tr.4 - 5.
- [70] Phạm Khoa Văn (2004), “Mai Văn Phấn cuộc chơi con chữ”, Báo *Hải quan*, số tết Giáp Thân, tr.24.
- [71] Lâm Xuân Vi (2010), *Làm nên giọt khát* (tập lý luận phê bình), NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [72] Bằng Việt (1994), “Điều gì nói được ở cuộc thi thơ?”, Báo *Người Hà Nội*, (41), tr.1 và 5.
- [73] Nguyễn Bùi Vợi (2000), “Đến với bài thơ hay *Nghi Tàm*”, Báo *Người Hà Nội*, (3), tr.9.
- [74] Bão Vũ (2008), “*Đọc Tắm đầu năm*” (Thơ của Mai Văn Phấn), Báo *Văn nghệ*, (9), tr.15.
- [75] Lê Vũ (2009), “*Bài học & phong cách hậu hiện đại*”, Nguồn <http://damau.org/archives/10006>, truy cập 9:30, ngày 30/ 9/ 2011.
- [76] Lê Vũ (2010), “Mai Văn Phấn, hai tập thơ, hai mảng màu hiện thực”, Tạp chí *Tản Viên Sơn*, (4), tr.74 – 78.
- [77] Lê Vũ (2010), “Bản nhạc vui mừng thành phố trên đà phát triển” (Lời bình về bài thơ *Hải Phòng trước năm 2000*), Báo *Hải Phòng cuối tuần*, (47), tr.22.
- [78] Lê Vũ (2011), “*Bầu trời không mái che* của Mai Văn Phấn”, Nguồn <http://doanvinhphuccr.vnweblogs.com/post/12475/279946>, truy cập 9:30, ngày 30/ 9/ 2011.